

수능완성 ▶ 베트남어 I

Contents

회차	페이지
실전 모의고사 01회	1
실전 모의고사 02회	7
실전 모의고사 03회	13
실전 모의고사 04회	19
실전 모의고사 05회	25
실전 모의고사 06회	31
실전 모의고사 07회	37
실전 모의고사 08회	43
실전 모의고사 09회	49
실전 모의고사 10회	55
정답과 해설	

- 본 교재의 PDF 파일은 EBSi 사이트(www.ebsi.co.kr)에서 다운로드 받으실 수 있습니다.
- 교재 정정 사항은 EBSi 사이트 “모든 강좌 > 영역별 강좌(영역 선택) > 강좌 선택 > 강좌 홈 > 강의 목록”의 「PDF 다운로드」에서 PDF 파일의 주석을 통해 확인하실 수 있습니다.

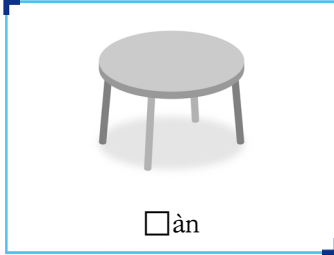
문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

26082-0004

01 □에 들어갈 글자는?

26082-0001

[1점]



- ① b
- ② d
- ③ m
- ④ s
- ⑤ t

02 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은?

26082-0002

[1점]

Tôi thích món cá nướng.

- ① gà
- ② đĩa
- ③ hơi
- ④ kéo
- ⑤ táo

03 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

26082-0003



- ① o
- ② ó
- ③ ò
- ④ ô
- ⑤ ơ

04 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① mắt
- ② xem
- ③ nhìn
- ④ thấy
- ⑤ trông

05 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0005

○ Bố muốn nghe _____ con đọc sách.
○ Tôi không biết đi từ đây đến đó mất mấy _____.

- ① cân
- ② ghé
- ③ tiệc
- ④ tiếng
- ⑤ chuyển

06 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0006

[1점]



- ① tờ
- ② con
- ③ quả
- ④ chiếc
- ⑤ quyển

26082-0007

07 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Trời nóng thế này mà em đi đá bóng à?
B: Vâng. (a) trời nóng (b) em vẫn đi đá bóng ạ.

- | | | | |
|-------|-----|-------|-------|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① Cả | và | ② Dù | nhưng |
| ③ Từ | đến | ④ Chỉ | thôi |
| ⑤ Vừa | vừa | | |

26082-0008

08 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① Cho tôi gặp làm ơn
- ② Cho tôi làm ơn gặp
- ③ Làm ơn cho tôi gặp
- ④ Làm ơn tôi cho gặp
- ⑤ Tôi làm ơn cho gặp

26082-0009

09 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

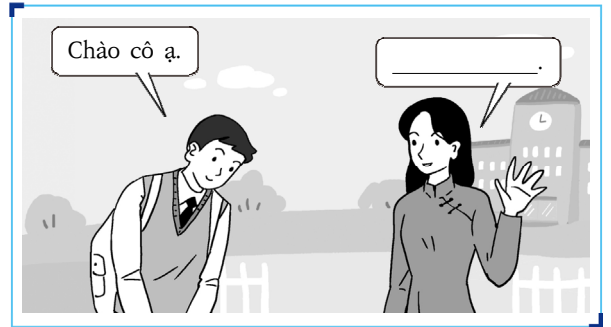
- a. Tất cả các chúng tôi đều muốn uống trà đá cho mát.
- b. Mình cố gắng không xem điện thoại di động trong học.
- c. Em gái mình hay được hỏi là người Hàn Quốc phải không.
- d. Thầy Tuấn muốn biết In-ho đã hiểu hai câu này hay chưa.

- | | | |
|--------|--------|--------|
| ① a, b | ② a, c | ③ b, c |
| ④ b, d | ⑤ c, d | |

26082-0010

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- | | |
|---------------|-------------|
| ① Xin lỗi | ② Chào em |
| ③ Rất tiếc | ④ Không sao |
| ⑤ Không có gì | |

26082-0011

11 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- | | |
|-------------------|---------------|
| ① Chị khỏe | ② Có gì đâu |
| ③ Cảm ơn em | ④ Tạm biệt em |
| ⑤ Chị đã xem phim | |

26082-0012

12 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

A: Chào anh.
B: Chào em. Em _____?
A: Tên em là Lan.

- | | |
|------------------|---------------|
| ① gặp ai | ② tên là gì |
| ③ sống ở đâu | ④ học lớp mấy |
| ⑤ bao nhiêu tuổi | |

26082-0013

13 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Alô! Tuấn đây à?
B : Không. Tôi không phải là Tuấn.

A : Xin lỗi anh.

- ① Tuấn nghe đây
- ② Chị nhầm số rồi
- ③ Xin cho tôi gặp Tuấn
- ④ Tôi sẽ gọi lại sau nhé
- ⑤ Cho tôi nói chuyện với Tuấn

26082-0014

14 대화의 내용으로 보아 오늘 날짜는?

[1점]

A : Sinh nhật của Lê là ngày bao nhiêu nhỉ?
B : Ngày 14, ngày mai đấy.

- ① 12일 ② 13일 ③ 14일
- ④ 15일 ⑤ 16일

26082-0015

15 Lan의 가족에 관한 글에 언급된 것은?

[1점]

Gia đình Lan có bố mẹ, em gái, em trai và Lan.
Bố Lan là luật sư. Mẹ Lan nấu ăn ngon và rất vui tính. Em gái Lan là y tá. Em trai Lan thích đi du lịch.

- ① 거주 지역 ② 남동생의 직업
- ③ 아버지의 나이 ④ 어머니의 성격
- ⑤ 여동생의 취미

26082-0016

16 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Từ đây đến nhà em _____?
B : Không. Chỉ khoảng 200 mét thôi. Chúng ta đi bộ cũng được.

- ① mất bao lâu
- ② có xa không
- ③ mấy trăm mét
- ④ đi bộ được không
- ⑤ có quán cà phê không

26082-0017

17 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?



<보기>

- a. dùng gì b. gọi món gì
- c. thi môn gì d. nấu món gì

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0018

18 밑줄 친 부분과 의미상 바꾸어 쓸 수 있는 것은?

A : Anh ơi, dưa hấu này bao nhiêu tiền?
B : Bảy mươi nghìn đồng một cân.

- ① bán thế nào ② quả nào ngon
- ③ bao nhiêu tuổi ④ có ngon không
- ⑤ giảm giá được không

26082-0019

19 그림의 인물에 대한 묘사로 알맞은 것은?

[1점]



- ① Đội mũ.
- ② Mặc váy.
- ③ Đeo kính.
- ④ Mặc áo ngắn tay.
- ⑤ Đang chơi bóng đá.

26082-0020

20 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① bị làm sao thế
- ② bị đau từ bao giờ
- ③ đã gặp bác sĩ chưa
- ④ đang ở bệnh viện à
- ⑤ thấy bệnh viện này thế nào

26082-0021

21 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Khi rồi, cô thường làm gì ạ?
B : Cô thường chơi thể thao.
Còn em, _____?
A : Em thích đọc sách ạ.

- ① em sống ở đâu
- ② em muốn ăn gì
- ③ em bao nhiêu tuổi
- ④ em thích đọc sách gì
- ⑤ sở thích của em là gì

26082-0022

22 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Hôm nay, con thi mấy môn?
B : Con _____ ạ.
A : Chúc con thi tốt nhé.

- ① đã hiểu hết rồi
- ② chưa hiểu câu này
- ③ thấy môn Toán khó quá
- ④ thấy học tiếng Việt thú vị
- ⑤ thi 2 môn là Tiếng Việt và Toán

26082-0023

23 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Lan ơi, Việt Nam có những mùa nào?
B : Miền Bắc Việt Nam có bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông. Còn miền Nam Việt Nam chỉ có mùa mưa và mùa khô thôi.
A : Các mùa ở hai miền Nam Bắc khác nhau thế à?
B : Ừ.

<보기>

- a. Miền Bắc Việt Nam có mùa thu.
- b. Miền Nam Việt Nam có bốn mùa.
- c. Miền Nam Việt Nam thỉnh thoảng trời có tuyết.
- d. Các mùa ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam khác nhau.

- ① a, b
- ② a, d
- ③ b, c
- ④ b, d
- ⑤ c, d

26082-0024

24 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Cuối tuần này, anh định đi xem phim với bạn gái anh.
B : Thích thế! _____!
A : Cảm ơn em.

- ① Chúc em ngủ ngon
- ② Chúc mừng năm mới
- ③ Chúc bạn ăn ngon miệng
- ④ Chúc mừng sinh nhật em
- ⑤ Chúc anh cuối tuần vui vẻ

26082-0025

25 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A : Chào chị. _____.
B : _____?
A : Không. _____.
B : Anh để bưu kiện lên cân nhé.

<보기>

- a. Tôi muốn gửi thư
- b. Anh có cần gửi nhanh không
- c. Tôi muốn gửi bưu kiện đi Hàn Quốc

- ① a-b-c ② a-c-b
- ③ b-a-c ④ c-a-b
- ⑤ c-b-a

26082-0026

26 글의 내용이 가리키는 인물은?

[1점]

- Người Việt Nam thường gọi ông là Bác Hồ.
 - Ông là chủ tịch nước đầu tiên của Việt Nam.
 - Ở Việt Nam có một thành phố mang tên ông.
- * chủ tịch nước : 국가 주석 * đầu tiên : 최초의

- ① Chu Văn An
- ② Nguyễn Trãi
- ③ Hồ Chí Minh
- ④ Hai Bà Trưng
- ⑤ Trần Hưng Đạo

26082-0027

27 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Tuấn : Bài kiểm tra lần này rất khó nhưng Lan vẫn được 10 điểm đầy.
Ha-na : Ừ. Lan thông minh thật. Bạn ấy chỉ nghe giải thích một lần là hiểu hết ngay. Khi đó, người Hàn Quốc thường nói là “Nghe một biết mười”.
Tuấn : Trong tiếng Việt cũng có câu tục ngữ giống như vậy. Đó là “_____”.
Ha-na :Ồ, hay nhỉ.

* điểm : 점수, 점 * tục ngữ : 속담

- ① Cha nào con ấy
- ② Có một không hai
- ③ Học một biết mười
- ④ Chạy đông chạy tây
- ⑤ Nói thì dễ, làm thì khó

26082-0028

28 ‘쭈엔끼에우(Truyện Kiều)’에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Truyện Kiều của Nguyễn Du (1766-1820) là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam. *Truyện Kiều* được viết bằng chữ Nôm vào đầu thế kỉ 19. Tác phẩm này kể về Thuý Kiều - một cô gái vừa thông minh vừa xinh đẹp nhưng không được hạnh phúc. Truyện đã được dịch sang tiếng Hàn.

* tác phẩm : 작품 * chữ : 글자

<보기>

- a. 한국어로 번역되었다.
- b. 19세기 초에 한자로 쓰였다.
- c. Nguyễn Du의 유명한 문학 작품이다.
- d. 지혜롭고 아름다운 여인의 행복한 삶에 대한 이야기이다.

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0029

29 ‘호안끼엠호수(hồ Hoàn Kiếm)’에 관한 글에 언급된 것은?

Hồ Hoàn Kiếm còn được gọi là Hồ Gươm, nằm ở trung tâm Thủ đô Hà Nội. Hồ có diện tích khoảng 12ha. Xung quanh hồ có nhiều di tích lịch sử văn hoá và phong cảnh ở đây rất đẹp. Vào những đêm cuối tuần, có nhiều người đến đây vui chơi, mua đồ và ngắm phong cảnh đêm.

* diện tích : 면적 * di tích : 유적

- ① 수심 ② 건설 연도
- ③ 관련 전설 ④ 다른 명칭
- ⑤ 연간 방문객 수

26082-0030

30 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

In-ho : Nghe nói “xông đất” là một phong tục vào dịp Tết ở Việt Nam, phải không?

Trang : Ừ, người Việt Nam gọi người đầu tiên đến thăm nhà vào ngày đầu năm mới là người xông đất.

In-ho : Sao người Việt Nam coi trọng việc xông đất như vậy?

Trang : Vì người Việt Nam tin là nếu có người tốt đến xông đất thì cả năm ấy gia đình mình sẽ gặp nhiều may mắn.

* đầu tiên : 최초의 * coi trọng : 중요시하다

<보기>

- a. Xông đất là phong tục vào ngày đầu năm mới.
- b. Người Việt tìm người ít tuổi hơn mình để nhờ xông đất.
- c. Người Việt không đến thăm nhà người khác vào ngày cuối năm.
- d. Người Việt nghĩ là ngày đầu năm mới tốt đẹp thì cả năm cũng sẽ tốt đẹp.

- ① a, b ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

26082-0031

01 □에 들어갈 글자는?

26082-0031

[1점]



- ① c
- ② d
- ③ k
- ④ n
- ⑤ t

02 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은?

26082-0032

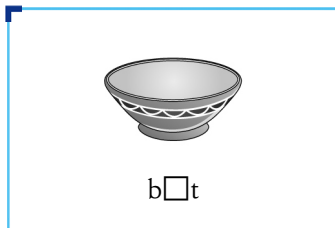
[1점]

Tôi muốn ăn phở gà.

- ① cá
- ② ghi
- ③ giá
- ④ ngã
- ⑤ nghe

03 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

26082-0033



- ① a
- ② á
- ③ à
- ④ ã
- ⑤ ạ

04 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0034

A: Nghe nói bạn bị cảm, bây giờ bạn thế nào?
B: Hôm qua, mình khó chịu lắm. Nhưng sáng nay uống thuốc nên bây giờ mình _____ hơn nhiều rồi.

- ① đỡ
- ② ho
- ③ sốt
- ④ lạnh
- ⑤ nặng

05 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

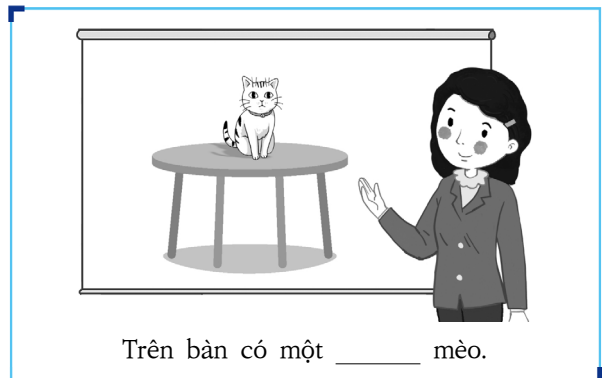


- ① đi
- ② câu
- ③ mất
- ④ sửa
- ⑤ giặt

06 그림을 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0036

[1점]



- ① tờ
- ② con
- ③ đôi
- ④ chiếc
- ⑤ quyển

26082-0037

07 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

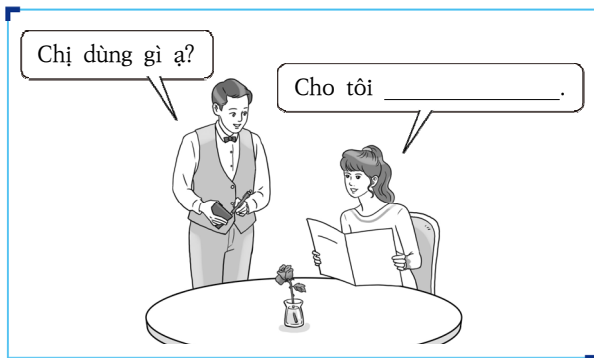
A : Lan học giỏi quá nhỉ.

B : Ừ. (a) học giỏi, bạn ấy (b) tốt bụng nữa.

- | | | | |
|---------|-----|-------|-------|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① Từ | đến | ② Chỉ | thôi |
| ③ Nếu | thì | ④ Tuy | nhưng |
| ⑤ Ngoài | còn | | |

26082-0038

08 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- | | |
|------------------|------------------|
| ① bát phở bò một | ② một bát phở bò |
| ③ một bò bát phở | ④ phở bò bát một |
| ⑤ phở một bát bò | |

26082-0039

09 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

- Sau khi có việc làm chị Mai trông đẹp đi nhiều.
- Mình chẳng biết thầy Tuấn đã lấy vợ hay chưa đâu.
- Tất cả sinh viên nào ở đây cũng nói tiếng Việt được.
- Em rất vui vì được cô Trang khen là nói tiếng Việt rất giỏi.

- | | | |
|--------|--------|--------|
| ① a, b | ② a, c | ③ b, c |
| ④ b, d | ⑤ c, d | |

26082-0040

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

A : Chào chị.

B : Chào em. Em có khoẻ không?

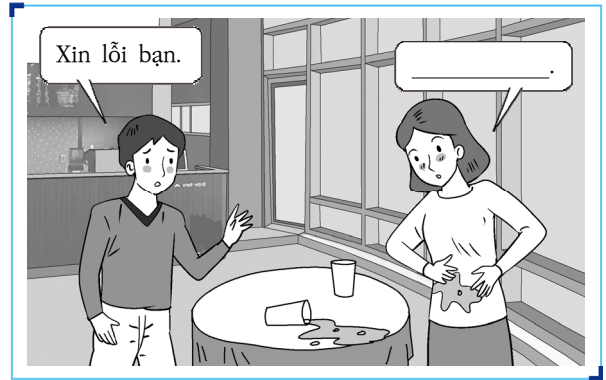
A : Vâng. _____.

- Em khoẻ
- Xin lỗi chị
- Cảm ơn anh
- Em không khoẻ
- Chị bình thường

26082-0041

11 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- | | |
|--------------|---------------|
| ① Đừng ăn | ② Chào bạn |
| ③ Không sao | ④ Hẹn gặp lại |
| ⑤ Cảm ơn bạn | |

26082-0042

12 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

A : Em trai của anh _____ ?

B : Em ấy 19 tuổi.

- đang ăn gì
- sống ở đâu
- muốn gặp ai
- bao nhiêu tuổi
- là người nước nào

26082-0043

13 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Alô! Xin cho em gặp cô Lan ạ.
B : Cô Lan không có ở đây. Em _____?
A : Không ạ. Em sẽ gọi lại sau.

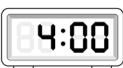
- ① đi đâu
- ② tên là gì
- ③ ăn với ai
- ④ làm việc ở đâu
- ⑤ có nhắn gì không

26082-0044

14 대화의 내용으로 보아 현재 시각은?

[1점]

A : Máy giờ phim bắt đầu nhỉ?
B : 3 giờ rưỡi. Còn 15 phút nữa đấy.

- ① 
- ② 
- ③ 
- ④ 
- ⑤ 

26082-0045

15 밑줄 친 부분과 의미상 바꾸어 쓸 수 있는 것은?



A : Đây là anh trai của mình đây.
B : Anh ấy đẹp trai quá nhỉ.
Anh ấy lập gia đình chưa?
A : Chưa.

- ① lấy vợ
- ② ăn cơm
- ③ gặp bạn gái
- ④ mua nhà mới
- ⑤ có người yêu

26082-0046

16 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Bạn đã đi Huế _____?
B : Rồi. Mình đã đi 1 lần rồi.

<보기>

- a. bao lâu rồi
- b. bao giờ chưa
- c. lần nào chưa
- d. nhiều lần rồi à

- ① a, b
- ② a, c
- ③ b, c
- ④ b, d
- ⑤ c, d

26082-0047

17 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Em ăn gì nữa không?
B : Không. Em no rồi.
A : Thế, để anh _____ nhé.
Chị ơi, thanh toán cho tôi.

- ① trả tiền
- ② xem phim
- ③ nấu món ăn
- ④ gọi thêm nữa
- ⑤ đưa thực đơn cho em

26082-0048

18 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Anh ơi, hôm qua tôi mua váy này ở đây
nhưng hơi chật. Anh _____ không?
B : Chị chờ một chút. Để tôi xem.

- ① muốn đổi
- ② có màu khác
- ③ có cỡ to hơn
- ④ giảm giá được
- ⑤ có váy nhỏ hơn

26082-0049

19 축구 경기 광고문에 언급되지 않은 것은?

[1점]



TV FC



SH FC

○ 18 giờ ngày 3/10/2025

○ Sân vận động ABC, Hà Nội

○ 200.000 đồng / vé

☎ 024 3456 7890

Click !



- | | |
|----------|--------|
| ① 일시 | ② 장소 |
| ③ 문의처 | ④ 표 가격 |
| ⑤ 양 팀 전적 | |

26082-0050

20 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Bạn khỏi bệnh chưa?



Chưa. Mình vẫn _____.

- ① rất khoẻ
- ② tập thể dục
- ③ mua áo mới
- ④ đau đầu lắm
- ⑤ muốn trở thành bác sĩ

26082-0051

21 대화의 내용으로 보아 A의 취미는?

[1점]

A: Khi rồi, bạn thường làm gì?

B: Mình thích nghe nhạc. Còn sở thích của bạn là gì?

A: Sở thích của mình là đi leo núi.



26082-0052

22 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Hôm nay, chúng ta học đến đây nhé.

Em có hỏi gì không?

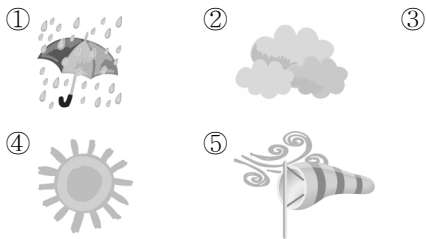
B: Không ạ. Em _____ ạ.

A: Em giỏi quá.

- ① không hiểu
- ② hiểu hết rồi
- ③ muốn hỏi nữa
- ④ chưa hiểu câu này
- ⑤ không thể làm bài tập

26082-0053

23 대화의 내용으로 보아 Hà Nội의 현재 날씨는?



24 대화를 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은?

A : Ngày mai là sinh nhật của mình.
B : Thế à? Chúc mừng sinh nhật bạn!
A : Chiều mai, bạn đến dự tiệc sinh nhật của mình nhé!
B : Tất nhiên rồi.

- ① A의 생일은 내일이다.
- ② A와 B는 친구 관계이다.
- ③ B는 A의 생일 선물을 준비했다.
- ④ B는 A의 생일 파티에 갈 것이다.
- ⑤ A의 생일 파티는 내일 오후에 열린다.

26082-0054

26082-0055

25 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A : Tôi có thể giúp gì cho chị?
B : _____?
A : _____.
B : Cho tôi đổi 200 đô la.

<보기>

- a. Tôi giá hôm nay bao nhiêu
- b. Một đô la bằng 26.000 đồng ạ
- c. Tôi muốn đổi đô la Mỹ sang tiền Việt Nam

- ① a-b-c ② b-c-a
- ③ b-a-c ④ c-a-b
- ⑤ c-b-a

26082-0056

26 글의 내용이 가리키는 것은?

[1점]

- Là ngày 1 tháng 1 âm lịch.
- Là ngày lễ lớn nhất trong năm ở Việt Nam.
- Là dịp mà người Việt Nam thường về quê gặp gia đình và người thân.

* âm lịch : 음력

- ① Tết Trung thu
- ② Tết Nguyên đán
- ③ Ngày Phụ nữ Việt Nam
- ④ Ngày Nhà giáo Việt Nam
- ⑤ Ngày Quốc khánh Việt Nam

26082-0057

27 '베트남 화폐(tiền tệ Việt Nam)'에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은?

Đơn vị tiền tệ của Việt Nam là “đồng” và thường được viết tắt là “đ”. Hiện nay, ở Việt Nam có cả tiền giấy và tiền kim loại. Tiền giấy có 12 loại từ 100 đồng đến 500 nghìn đồng. Tiền kim loại thì có 5 loại từ 200 đồng đến 5.000 đồng. Mặt trước của các tờ tiền giấy từ 200 đồng đều có hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

* đơn vị tiền tệ: 화폐 단위
* kim loại: 금속 * chủ tịch: (국가) 주석

- ① 동전은 5종류이다.
- ② 지폐는 12종류이다.
- ③ 화폐 단위는 줄여서 'đ'라고 쓴다.
- ④ 가장 큰 액수의 지폐는 50만 동이다.
- ⑤ 모든 지폐의 앞면에는 호찌민 주석의 명언이 기록되어 있다.

26082-0058

28 Sa Pa에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Sa Pa nằm ở vùng cao Tây Bắc Việt Nam. Nhiệt độ trung bình trong năm chỉ khoảng 15°C nên vào mùa hè, có nhiều người đến đây nghỉ mát và ngắm phong cảnh đẹp. Còn vào mùa đông, thỉnh thoảng ở Sa Pa có tuyết nên nhiều du khách đến đây để mong được ngắm tuyết.

* vùng: 지대, 지역 * trung bình: 평균

<보기>

- a. 겨울에 가끔 눈이 온다.
- b. 여름에 해수욕을 즐길 수 있다.
- c. 연중 평균 기온이 약 15도이다.
- d. 베트남 동북 고산 지대에 위치해 있다.

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0059

29 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Gốm Bát Tràng là tên gọi của các loại đồ gốm được làm tại làng Bát Tràng, Hà Nội. Ngoài những đồ truyền thống, gốm Bát Tràng còn có nhiều loại được dùng trong cuộc sống hàng ngày như bát, đĩa, cốc,... Đến Bát Tràng, mọi người có thể tham gia chương trình làm đồ gốm theo sở thích của mình.

* gốm: 도자기 * làng: 마을
* truyền thống: 전통적인

<보기>

- a. Làng Bát Tràng nằm ở Hà Nội.
- b. Gốm Bát Tràng chỉ có những đồ truyền thống.
- c. Những loại đồ gốm được làm ở Hà Nội được gọi là gốm Bát Tràng.
- d. Mọi người đến Bát Tràng có thể làm đồ gốm theo sở thích của mình.

- ① a, b ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0060

30 'phở(phở)'에 관한 글에 언급된 것은?

Phở là món ăn tiêu biểu của Hà Nội. Một bát phở thường có bánh phở được làm bằng gạo, nước dùng, cùng với thịt bò hoặc thịt gà. Hiện nay, phở được biết đến ở nhiều nước trên thế giới. Ở Hàn Quốc cũng có nhiều quán bán phở.

* bánh phở: 면, 국수 가락
* gạo: 쌀 * nước dùng: 육수

- ① 가격 ② 유래
- ③ 재료 ④ 먹는 방법
- ⑤ 요리 방법

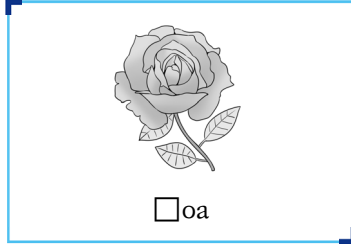
문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

26082-0061

01 □에 들어갈 글자는?

26082-0061

[1점]



- ① b
- ② đ
- ③ h
- ④ l
- ⑤ t

02 밑줄 친 부분의 발음이 서로 같은 것은?

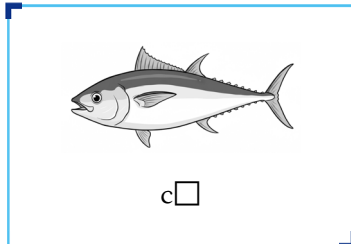
26082-0062

[1점]

- ① bò - hỏ
- ② kéo - khỉ
- ③ cam - chợ
- ④ táo - trúng
- ⑤ ngày - nghề

26082-0063

03 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?



- ① a
- ② á
- ③ à
- ④ ã
- ⑤ ạ

26082-0064

04 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

- Lan hay đọc những _____ nói hay về cuộc sống.
- Bố tôi đi _____ tôm với anh trai tôi vào mỗi cuối tuần.

- ① câu ② làm ③ chơi
- ④ tiếng ⑤ nhảm

05 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

- A: Vì sao máy vi tính của cậu không bật được?
B: Vì nó bị _____ rồi.
A: Thế à? Cậu đi sửa đi.

- ① bán ② tập ③ chữa
- ④ quên ⑤ hỏng

26082-0065

06 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① tờ ② con ③ quả
- ④ chiếc ⑤ quyển

26082-0067

07 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

- A: Hôm nay, em bị làm sao thế?
B: Em (a) _____ bị cảm nhẹ (b) _____.

- | | | | |
|--------|------|-------|-----|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① cả | và | ② từ | đến |
| ③ chỉ | thôi | ④ vừa | vừa |
| ⑤ càng | càng | | |

26082-0068

08 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Xin lỗi, _____ đường
đến bệnh viện ABC.
B : Rất tiếc, bà không biết.

- ① bà biết cho cháu làm ơn
- ② bà làm ơn cho cháu biết
- ③ biết cháu làm ơn cho bà
- ④ cháu cho biết làm ơn bà
- ⑤ làm ơn cho bà biết cháu

26082-0069

09 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

a. Hương chưa bắt đầu học, làm sao mà biết được.
b. Em nên tắm bằng nước lạnh sau khi giờ tập thể dục.
c. Bố mẹ nào cũng mong con mình trở thành người tốt.
d. Trông Lan ngày càng già ra vì dạo này bạn ấy phải làm nhiều việc vất vả.

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0070

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① Bạn khoẻ ② Tiếc quá
- ③ Bạn 15 tuổi ④ Cảm ơn bạn
- ⑤ Đây là nón lá

26082-0071

11 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

[1점]

A : Chào em. Em có khoẻ không?
B : Em _____.

<보기>

- a. hẹn gặp lại b. bình thường
- c. là giáo viên d. không khoẻ lắm

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0072

12 Thuỷ에 관한 글에 언급된 것은?

[1점]

Thuỷ là y tá. Năm nay, Thuỷ 35 tuổi. Thuỷ đang sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Khi rảnh, Thuỷ thường ở nhà chơi game.

- ① 국적 ② 생일
- ③ 거주 지역 ④ 결혼 여부
- ⑤ 대학 전공

26082-0073

13 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Alô! Làm ơn cho tôi gặp cô Trang.
B : Cô Trang _____.
A : Thế à? Tôi sẽ gọi lại sau.

- ① thích uống cà phê
- ② đi thẳng đường này
- ③ sẽ gửi qua tin nhắn
- ④ thường thức dậy sớm
- ⑤ đang bận nghe điện thoại khác

26082-0074

14 대화의 내용으로 보아 B가 일본에 갈 날짜는?

A: Hôm nay là ngày 15 tháng 7. Bao giờ anh đi Nhật Bản?
B: 2 ngày sau, tôi sẽ đi với các bạn.

- ① 7월 16일 ② 7월 17일
③ 7월 18일 ④ 7월 19일
⑤ 7월 20일

26082-0075

15 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

A: Gia đình bạn _____?
B: Gia đình mình có 5 người: ông, bố mẹ, anh trai và mình.

- ① có mấy người
② có hiểu không
③ về quê bao giờ
④ sinh năm bao nhiêu
⑤ là người Việt phải không

26082-0076

16 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A: Chị ơi, chị _____?
B: Chưa, chị chưa bao giờ đi Huế nên lần này, chị sẽ đi Huế.
A: Thích thế ạ! Chị _____?
B: 3 ngày. Em có biết _____ không?
A: Có, từ đây đến Huế mất khoảng 1 tiếng.

< 보기 >

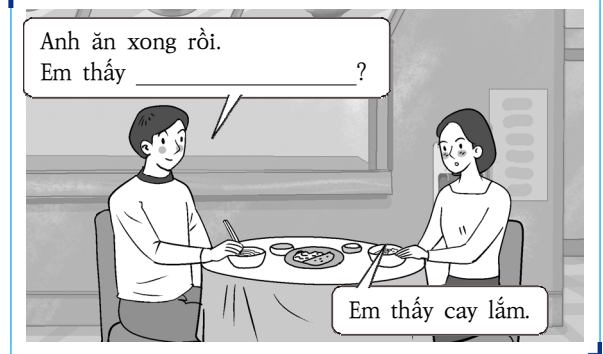
- a. sẽ ở Huế bao lâu
b. đã đi Huế bao giờ chưa
c. đi bằng máy bay đến Huế mất bao lâu

- ① a-b-c ② a-c-b
③ b-a-c ④ b-c-a
⑤ c-b-a

26082-0077

17 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① tính tiền chưa
② bơi được không
③ đói bụng không
④ món này thế nào
⑤ ở đây có những gì

26082-0078

18 대화의 내용으로 보아 A가 파인애플을 사는 가격은?

A: Anh ơi, quả dứa này bao nhiêu tiền?
B: Một quả ba mươi nghìn đồng.
A: Đắt thế! Anh giảm giá cho tôi một chút nhé.
B: Vâng. Tôi giảm năm nghìn đồng cho chị nhé.
A: Cảm ơn anh. Cho tôi một quả.

- ① 2만 5천 동 ② 3만 5천 동
③ 4만 5천 동 ④ 5만 5천 동
⑤ 6만 5천 동

26082-0079

19 밑줄 친 부분과 의미상 바꾸어 쓸 수 있는 것은?

A: Trong lớp cậu, ai là người cao nhất?
B: Trong lớp tớ, Su-ho cao nhất.

- ① rất ồn ào ② cao hơn cả
③ thấp hơn tớ ④ cao bằng nhau
⑤ học giỏi lắm

26082-0080

20 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Cháu _____?
B : Cháu bị đau bụng từ tối hôm qua.

- ① bị làm sao thế
- ② đã ăn món nào
- ③ uống thuốc chưa
- ④ đến đây bằng gì
- ⑤ thấy phòng này thế nào

26082-0081

21 대화의 내용으로 보아 Cần Thơ의 오늘 날씨는? [1점]



- ①
- ②
- ③
- ④
- ⑤

26082-0082

22 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A : Ngày nghỉ, _____?
B : Tôi thường làm bánh với em gái.

- ① bạn thường làm gì
- ② mấy giờ bạn đi học
- ③ bạn làm bánh mất bao lâu
- ④ bạn dùng số điện thoại nào
- ⑤ bao giờ bạn đến thăm ông bà

26082-0083

23 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

A : Con ơi, ngày mai trường con bắt đầu thi, phải không?
B : Vâng, đúng rồi ạ. Ngày mai, con sẽ thi 3 môn là Tiếng Việt, Toán và Lịch sử.
A : Con thích học môn Toán không?
B : Không ạ. Con thấy môn Toán khó lắm, nhưng con đang cố gắng để học giỏi.

- ① B đã thi hôm qua.
- ② A thích học môn Tiếng Việt.
- ③ B thấy học môn Toán rất khó.
- ④ A và B là bạn cùng lớp học tiếng Anh.
- ⑤ Ngày mai thi nhưng A vẫn chưa chuẩn bị gì cả.

26082-0084

24 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Thứ sáu tuần sau, em đi xem bóng đá với anh, được không?
B : _____. Vì em không có hẹn khác.
A : Vậy, hẹn gặp lại em vào ngày đó nhé.

- ① Xin lỗi ② Tiếc quá
- ③ Để lần sau ④ Không được
- ⑤ Tất nhiên được

26082-0085

25 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Chị _____?
B : Không, tôi gửi thường anh ạ.
A : Vâng, chị đưa thư cho tôi nhé.

- ① tên là gì
- ② cần tờ bao nhiêu
- ③ đi gặp bác sĩ chưa
- ④ ghi tên người nhận rồi à
- ⑤ muốn gửi bảo đảm không

26082-0086

26 글의 내용이 가리키는 도시는?

[1점]

○ Là thủ đô của Việt Nam.
○ Nằm ở miền Bắc Việt Nam.
○ Có nhiều hồ đẹp như hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây,...

- ① Huế
- ② Đà Lạt
- ③ Hà Nội
- ④ Đà Nẵng
- ⑤ Thành phố Hồ Chí Minh

26082-0087

27 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Hiền : Su-ho ơi, chúng ta mua trái cây này nhé?
Su-ho : Ừ. Nhưng sao cậu nói là “trái cây”? Phải nói là “hoa quả” chứ?
Hiền : À, tớ quên rồi. Tớ là người miền Nam, còn cậu thì học tiếng Việt ở miền Bắc. Trong miền Nam nói “trái cây” có nghĩa là “hoa quả” ở miền Bắc.
Su-ho : Thế à? Tiếng Việt càng học càng thấy khó!

- ① Hiền은 베트남 남부 출신이다.
- ② 남부 지역의 과일 종류는 다양하지 않다.
- ③ 북부 지역에서는 과일을 “trái cây”라고 한다.
- ④ 남북부의 단어 사용법은 날이 갈수록 비슷해지고 있다.
- ⑤ 베트남어를 공부하는 외국인은 보통 북부식 발음을 공부한다.

26082-0088

28 ‘림 축제(Hội Lim)’에 관한 글에 언급된 것은?

[1점]

Hội Lim là một lễ hội tiêu biểu của Bắc Ninh, một thành phố nằm ở miền Bắc Việt Nam. Mỗi năm, Hội Lim thường được tổ chức trong khoảng 2, 3 ngày vào tháng 1 âm lịch. Hội Lim có nhiều chương trình văn hoá nghệ thuật. Trong đó có một chương trình đặc biệt là hát Quan họ, một loại dân ca nổi tiếng của Việt Nam.

* lễ hội : 축제 * âm lịch : 음력 * dân ca : 민요

- ① 개최자 ② 개최지
- ③ 공연 과정 ④ 발전 시기
- ⑤ 참가 비용

26082-0089

29 '느억맘(nước mắm)'에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Nước mắm là thứ không thể thiếu trong bữa ăn của người Việt. Nước mắm thường được làm từ các loại cá biển tươi, tôm và muối biển. Người Việt sử dụng nước mắm để nấu ăn hoặc để chấm đồ ăn. Phú Quốc và Phan Thiết là hai nơi nổi tiếng về nước mắm ở Việt Nam.

* muối : 소금 * chấm : 찍다

< 보기 >

- a. Được làm từ thịt bò và muối biển.
- b. Được sử dụng để nấu ăn hoặc chấm đồ ăn.
- c. Là một trong những thứ nổi tiếng của Phú Quốc.
- d. Là thứ không thể thiếu trong bữa ăn của người Pháp.

- ① a, b ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0090

30 '수상 인형극(múa rối nước)'에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Múa rối nước là một trong những môn nghệ thuật biểu diễn sân khấu đã có từ rất lâu ở Việt Nam. Các diễn viên thường dùng con rối để biểu diễn ở trên mặt nước. Múa rối nước thường miêu tả cuộc sống thường ngày của người miền Bắc ngày xưa. Hiện nay, khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam thường rất thích xem múa rối nước.

* rối : 인형 * biểu diễn : 공연하다
* sân khấu : 무대

- ① 물 표면 위에서 인형을 사용한다.
- ② 베트남 남부를 중심으로 발전해 왔다.
- ③ 최근 해외에서 공연을 진행하고 있다.
- ④ 현대에 들어 무대 공연 예술로 발전하였다.
- ⑤ 주로 Mông족의 수상 생활을 주제로 다룬다.

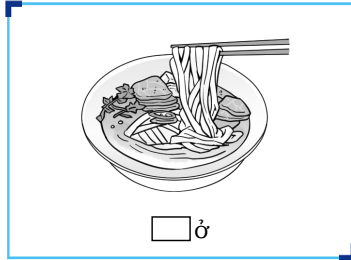
문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

26082-0091

01 □에 들어갈 글자는?

26082-0091

[1점]



- ① ch
- ② gi
- ③ kh
- ④ nh
- ⑤ ph

02 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은?

26082-0092

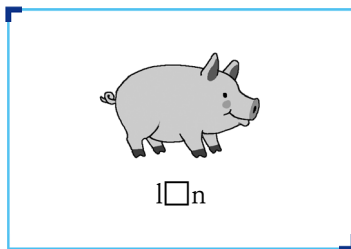
[1점]

Từ nhà em đến ga Hà Nội khá xa.

- ① đá ② ghế ③ rau
- ④ nhảy ⑤ tháng

03 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

26082-0093



- ① ớ
- ② ỡ
- ③ ợ
- ④ ờ
- ⑤ ở

04 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0094

- Em _____ tiền thuê nhà vào cuối mỗi tháng.
- Loan _____ lại tôi quyển sách hôm qua mượn.

- ① trả ② dịch ③ đoán
- ④ ngấm ⑤ trông

05 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① no ② cay ③ hẹp
- ④ khát ⑤ uống

06 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0096

- A: Anh ơi, _____ giày này bao nhiêu tiền?
- B: Ba triệu đồng ạ.

- ① tờ ② con ③ đôi
- ④ quả ⑤ quyển

07 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

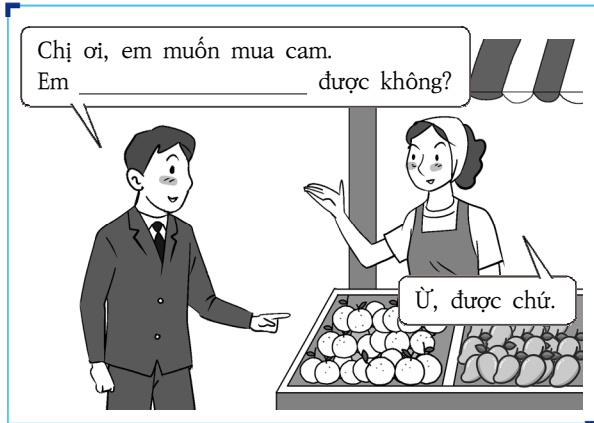
26082-0097

- A: Chị thấy món này thế nào?
- B: (a) hơi mặn (b) ngon.

- (a) (b) (a) (b)
- ① Cả và ② Từ đến
- ③ Gửi đi ④ Còn nữa
- ⑤ Tuy nhưng

26082-0098

08 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① ăn thử quả cam này
- ② cam thử quả này ăn
- ③ quả này ăn thử cam
- ④ thử ăn này quả cam
- ⑤ thử quả này ăn cam

26082-0099

09 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

- a. Vy bị mất chiếc điện thoại mới nên đã đi tìm cả ngày.
- b. Sắp đến ngày thi rồi nhưng các bạn trong lớp này chuẩn bị gì cả.
- c. Phim hành động này chỉ dành cho người từ 19 tuổi chứ không là từ 15 tuổi.
- d. Tất cả các dân tộc ở Việt Nam đều cố gắng để đóng góp vào phát triển của quốc gia.

- ① a, b ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0100

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A : Mi-na ơi, ở Hàn Quốc cậu _____ ?
B : Nhà tớ ở Seoul.

- ① gặp ai ② sống ở đâu
- ③ làm nghề gì ④ bao nhiêu tuổi
- ⑤ thích ăn bánh không

26082-0101

11 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① Hơi đắt ② Mời chị dùng
- ③ Không sao đâu ④ Anh tên là Tuấn
- ⑤ Chúc mừng sinh nhật

26082-0102

12 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Chào bạn. Ngày mai gặp nhé.
B : _____ !

< 보기 >

- a. Có gì đâu b. Tạm biệt
- c. Để tôi nói d. Hẹn gặp lại

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0103

13 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

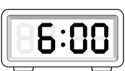
A : Alô! Nhà hàng ABC xin nghe.
B : Chào chị. Tôi muốn đặt bàn lúc 7 giờ tối hôm nay.
A : Vâng ạ. _____ ?
B : Số điện thoại của tôi là 010 1234 5678.

- ① Anh làm việc ở đâu
- ② Anh sinh năm bao nhiêu
- ③ Anh đã lập gia đình chưa
- ④ Địa chỉ công ti của anh là gì
- ⑤ Số điện thoại của anh là số bao nhiêu

26082-0104

14 대화의 내용으로 보아 영화가 시작하는 시각은? [1점]

A : Em ơi, bây giờ là mấy giờ?
B : Bây giờ là 5 giờ rồi.
A : Trời ơi! 10 phút nữa phim sẽ bắt đầu đấy.

- ①  ② 
③  ④ 
⑤ 

26082-0105

15 Lan의 가족에 관한 글에서 답을 찾을 수 있는 질문은? [1점]

Gia đình của Lan có 5 người: bố mẹ, chị gái, Lan và em trai. Bố mẹ của Lan đều là luật sư. 2 năm trước, chị gái Lan đã sang Hàn Quốc để học tiếng Hàn. Em trai Lan là sinh viên năm thứ 2.

- ① Bố năm nay bao nhiêu tuổi?
② Chị gái đã lập gia đình chưa?
③ Em trai là sinh viên năm thứ mấy?
④ Lan có đang sống với bố mẹ không?
⑤ Mẹ làm việc từ mấy giờ đến mấy giờ?

26082-0106

16 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Anh đi du lịch Đà Nẵng bao giờ?
B : _____.

< 보기 >

- a. 2 tuần sau b. Năm ngoái
c. Mấy tháng nữa d. Mấy ngày trước

- ① a, b ② a, c ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082-0107

17 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]



- ① no rồi
② chưa ăn
③ đói bụng quá
④ muốn gọi thêm
⑤ sẽ ăn một đĩa tôm nướng nữa

26082-0108

18 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A : Chào chị. _____?
B : Tôi muốn mua quần. _____?
A : 600.000 đồng chị ạ.
B : Ôi, cái quần này đẹp và vừa với tôi nhưng hơi đắt nhì! _____?
A : Không được. Chúng tôi bán đúng giá.
B : Thế à? Vậy, chị cho tôi một cái quần này nhé.

< 보기 >

- a. Chị muốn mua gì
b. Cái quần này bao nhiêu tiền chị
c. Chị giảm giá cho tôi được không

- ① a-b-c ② a-c-b
③ b-c-a ④ c-a-b
⑤ c-b-a

26082-0109

19 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Bây giờ, anh thấy trong người thế nào?

B : Anh vẫn bị sốt và nhức đầu.

A : Anh _____.

- ① đỡ hơn rồi
- ② thấy chóng mặt
- ③ nên thức dậy sớm
- ④ phải đi tập thể dục
- ⑤ hãy đi khám ngay đi

26082-0110

20 광고문에 언급되지 않은 것은?

in★g

80%

dulich_abc_123

dulich_abc_123 Du lịch Sa Pa

3 ngày 2 đêm (Khởi hành từ Hà Nội)

- Đi bằng xe lửa
- Chỉ 3.000.000 đồng / khách
- (Nhóm từ 6 người được giảm giá 10%)
- Liên hệ : (024) 123 4567

🏠
🔍
+
❤️
👤

- ① 출발지
- ② 연락처
- ③ 참가 인원
- ④ 이동 수단
- ⑤ 할인 조건

26082-0111

21 대화의 내용으로 보아 B의 취미는?

[1점]

A : Sở thích của cậu là gì?

B : Sở thích của tớ là đi chụp ảnh vào mỗi cuối tuần.

- ①
- ②
- ③
- ④
- ⑤

26082-0112

22 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Hôm nay, chúng ta học đến đây nhé.

Các em có hỏi gì nữa không?

B : Có ạ. _____ ạ.

- ① Em hiểu hết rồi
- ② Em sẽ thi 2 môn
- ③ Em thích môn Toán
- ④ Cho em hỏi một chút
- ⑤ Bài này không khó lắm

26082-0113

23 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

In-ho : Trang ơi, thời tiết Việt Nam thế nào?
 Trang : Thời tiết ở miền Bắc và miền Nam của Việt Nam khác nhau. Ở miền Bắc có 4 mùa : xuân, hạ, thu, đông. Còn ở miền Nam chỉ có 2 mùa : mùa mưa và mùa khô.
 In-ho : Thế à? Thú vị nhỉ! Vậy, mùa đông ở miền Bắc Việt Nam có lạnh không?
 Trang : Không lạnh bằng Hàn Quốc nhưng thỉnh thoảng có tuyết ở vài nơi.

- ① 베트남 북부는 가을과 겨울이 있다.
- ② 베트남 남부는 한국처럼 겨울에 춥다.
- ③ 베트남 북부와 남부의 날씨는 비슷하다.
- ④ 베트남 북부는 사계절 내내 눈이 오지 않는다.
- ⑤ 베트남 남부 우기는 2월에 시작해 4월에 끝난다.

26082-0114

24 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① Đừng làm ồn
- ② Chúc em ngủ ngon
- ③ Đây là ảnh của mẹ
- ④ Giá quần áo này rất rẻ
- ⑤ Chúc em ăn ngon miệng

26082-0115

25 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Tôi muốn đổi 200 đô la Mỹ sang tiền Việt Nam.
 B : Vâng ạ. Anh _____?
 A : Cho tôi tờ 500 nghìn đồng.

- ① cần tờ bao nhiêu
- ② cần gửi bảo đảm không
- ③ muốn đi chơi lúc mấy giờ
- ④ ăn thử món này được không
- ⑤ có thời gian đi với em không

26082-0116

26 글의 내용이 가리키는 것은?

[1점]

○ Là phương tiện đi lại phổ biến ở Việt Nam.
 ○ Là dịch vụ đưa khách đến nơi mà khách muốn bằng xe máy.
 ○ Khách có thể đặt phương tiện này qua ứng dụng trên điện thoại di động.

* dịch vụ : 서비스 * ứng dụng : 앱(응용 프로그램)

- ① Xe ôm ② Xe đạp ③ Xe lửa
- ④ Xe buýt ⑤ Tàu thủy

26082-0117

27 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Việt Nam có tất cả 54 dân tộc. Trong đó, dân tộc Kinh hay còn gọi là dân tộc Việt có dân số đông nhất. Người Kinh thường sống ở đồng bằng và thành phố, còn người dân tộc ít người thì thường sống ở trên núi. Vì thế, cuộc sống sinh hoạt của các dân tộc khác nhau khá nhiều.

* dân số : 인구 수 * đồng bằng : 평야
 * sinh hoạt : 생활

- ① Việt족이 인구가 가장 적다.
- ② 54명의 민족 대표를 선출한다.
- ③ 54개 각 민족의 생활 모습은 비슷하다.
- ④ Kinh족은 보통 도시 및 평야에 거주한다.
- ⑤ 소수 민족은 보통 해안 지역에서 거주한다.

|| 26082 - 0118 ||

28 Minh Mạng에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Minh Mạng (1791-1841) là vua thứ hai của nhà Nguyễn. Ông tên thật là Nguyễn Phúc Đảm. Sau khi lên làm vua vào năm 1820, ông đã có được nhiều thành tựu to lớn. Năm 1821, ông cho mở rộng Quốc Tử Giám ở Huế. Ông cũng đổi tên nước Việt Nam thành Đại Nam vào năm 1838.

* vua : 왕 * thành tựu : 업적, 성취

<보기>

- a. Nguyễn 왕조의 두 번째 왕이다.
- b. Huế에 국자감을 최초로 설립하였다.
- c. 1838년, 국명을 Đại Nam으로 변경하였다.
- d. Nguyễn Phúc Đảm 사원을 수도로 이전하였다.

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

|| 26082 - 0119 ||

29 '베트남 미술 박물관(bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam)'에 관한 글에서 언급되지 않은 것은? [1점]

Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam nằm ở đường Nguyễn Thái Học, Hà Nội. Bảo tàng được người Pháp xây dựng vào những năm 1930. Lúc đầu, nơi này được sử dụng cho việc khác nhưng sau này được mở rộng và trở thành bảo tàng. Hiện nay, bảo tàng giữ trên 20.000 hiện vật tiêu biểu cho mĩ thuật Việt Nam.

* bảo tàng : 박물관 * mĩ thuật : 미술
* hiện vật : 실물(유물, 예술품)

- ① 위치 ② 입장료
- ③ 건설 시기 ④ 작품 개수
- ⑤ 초기 용도

|| 26082 - 0120 ||

30 '베트남 여성의 날(ngày Phụ nữ Việt Nam)'에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Tuấn : Chào cậu. Chúc mừng ngày Phụ nữ nhé!

Mi-na : Cảm ơn cậu. Nhưng ngày Phụ nữ là ngày 8 tháng 3, phải không?

Tuấn : Cậu không biết à? Ngày 8 tháng 3 là ngày Quốc tế Phụ nữ, còn ngày 20 tháng 10 là ngày Phụ nữ Việt Nam đấy.

Mi-na : Vậy à? Vào những ngày này, người Việt Nam thường chúc mừng bằng cách nào?

Tuấn : Người Việt Nam thường tặng hoa, quà và gửi lời chúc tốt đẹp cho những người phụ nữ xung quanh mình.

Mi-na : Thế, tớ cũng được chúc mừng 2 lần nhỉ. Thích quá!

* phụ nữ : 여성

- ① Là ngày 8 tháng 3.
- ② Là ngày nghỉ của Việt Nam.
- ③ Là ngày phụ nữ nấu ăn cho nam giới.
- ④ Là ngày gửi lời chúc tốt đẹp cho phụ nữ.
- ⑤ Là ngày chỉ phụ nữ Việt Nam tặng quà cho nhau.

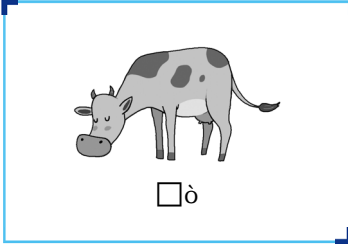
문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

26082-0121

01 □에 들어갈 글자는?

26082-0121

[1점]

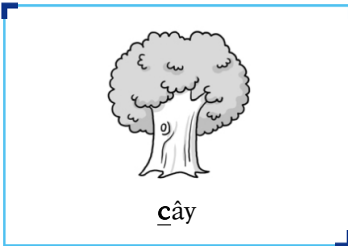


- ① b
- ② đ
- ③ g
- ④ n
- ⑤ t

02 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은?

26082-0122

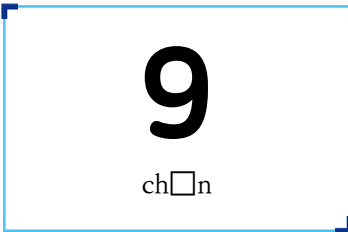
[1점]



- ① chó
- ② tay
- ③ kính
- ④ khen
- ⑤ tháp

03 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

26082-0123



- ① i
- ② í
- ③ ì
- ④ ỉ
- ⑤ ã

04 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0124

A: Ôi, tên của em là gì nhỉ? Xin lỗi nhưng anh _____ rồi.

B: Không sao. Tên em là Mai.

- ① ăn
- ② nói
- ③ xem
- ④ quên
- ⑤ xuống

05 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

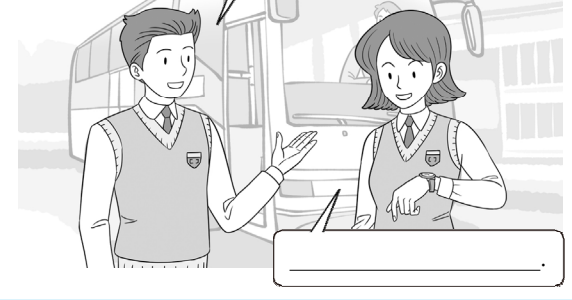
- Anh trai tôi thích _____ bóng.
- Tôi thường uống cà phê đen _____.

- ① đá
- ② mua
- ③ chơi
- ④ ngọt
- ⑤ nóng

06 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0126

Bây giờ là mấy giờ? Hai giờ à?



- ① Hai giờ kém năm phút
- ② Hai kém năm giờ phút
- ③ Kém hai phút năm giờ
- ④ Năm giờ hai phút kém
- ⑤ Năm phút kém hai giờ

07 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0127

A: Sao túi này nặng vậy?

B: Vì trong túi có 5 _____ sách.

- ① tờ
- ② con
- ③ đôi
- ④ quả
- ⑤ quyển

26082-0128

08 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Em thấy chị Mai thế nào?

B : Chị ấy (a) đẹp (b) thông minh.

- | | | | |
|-------|------|-------|-----|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① cả | và | ② từ | đến |
| ③ chỉ | thôi | ④ nếu | thì |
| ⑤ vừa | vừa | | |

26082-0129

09 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

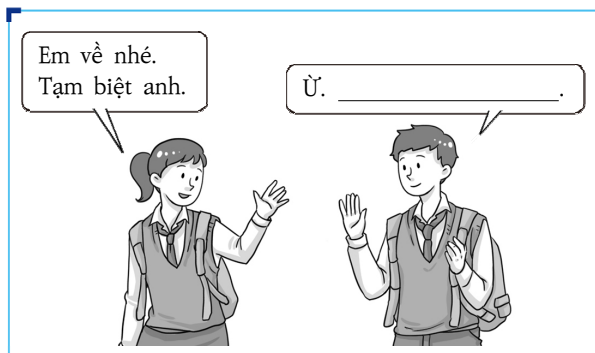
- a. Tuấn được cô Mai khen.
b. Sau về nhà bố đi tập thể dục ngay.
c. Tất cả mọi người ở đây đều đang đội mũ.
d. Tôi đã ăn cơm nhiều nên bây giờ muốn ăn gì cả.

- | | | |
|--------|--------|--------|
| ① a, b | ② a, c | ③ b, c |
| ④ b, d | ⑤ c, d | |

26082-0130

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① Có gì đâu
② Hẹn gặp lại
③ Anh rất khỏe
④ Không sao đâu
⑤ Anh bình thường

26082-0131

11 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

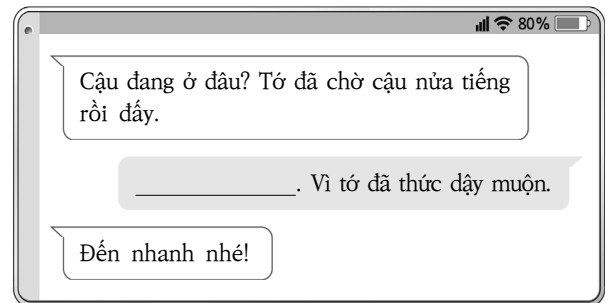
A : Anh trai của cậu _____?

B : Anh ấy là sinh viên.

- | | |
|----------------|----------------|
| ① đi đâu | ② thế nào |
| ③ làm nghề gì | ④ ở đó bao lâu |
| ⑤ có cao không | |

26082-0132

12 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



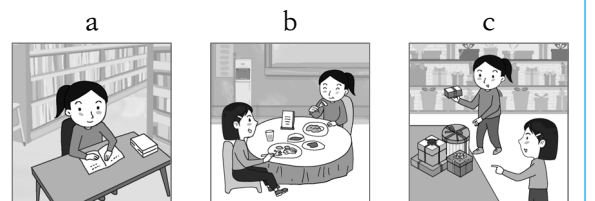
- | | |
|----------------|-------------|
| ① Xin lỗi | ② Cảm ơn |
| ③ Tạm biệt | ④ Không sao |
| ⑤ Máy đang bận | |

26082-0133

13 글의 내용으로 보아, Mai가 어제 한 일을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

Hôm qua, Mai và chị gái đi mua quà cho bố mẹ rồi 2 người cùng đi ăn trưa. Sau đó, Mai đến thư viện học bài để chuẩn bị thi.

<보기>



- | | |
|---------|---------|
| ① a-b-c | ② a-c-b |
| ③ b-a-c | ④ c-a-b |
| ⑤ c-b-a | |

26082-0134

14 Mai에 관한 글에서 답을 찾을 수 없는 질문은?

Tôi tên là Mai. Năm nay, tôi 23 tuổi. Tôi là sinh viên năm thứ ba. Gia đình tôi có 4 người: bố mẹ, chị gái và tôi. Chị gái tôi là giáo viên tiếng Anh và nhiều hơn tôi 2 tuổi.

- ① 몇 학년인가?
- ② 올해 나이는 몇 살인가?
- ③ 아버지의 직업은 무엇인가?
- ④ 누나/언니의 직업은 무엇인가?
- ⑤ 누나/언니의 나이는 몇 살인가?

26082-0135

15 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Alô. Tôi là Mai, nhân viên công ti HQ. Làm ơn cho tôi gặp anh Tuấn.
B : Xin lỗi, anh Tuấn đang bận nên không nghe điện thoại được. Chị có nhắn gì không?
A : Không. Tôi _____.

<보기>

- a. không bận
- b. sẽ gọi lại sau
- c. đã mua điện thoại rồi
- d. sẽ nhắn tin cho anh ấy

- ① a, b ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0136

16 광고문에 언급되지 않은 것은?

CÔNG TI XE BUÝT VN

205.000
đồng/vé

Xe buýt TP. Hồ Chí Minh đi Mũi Né

- ▶ Giờ xe chạy : 07:00, 09:00, 15:00, 17:00
- ▶ Nơi bán vé và khởi hành :
28 Bùi Viện, TP. Hồ Chí Minh
- ▶ Điện thoại : 08 38309308



- ① قیمت ② 판매처
- ③ 회사명 ④ 도착 시간
- ⑤ 출발 시간

26082-0137

17 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은? [1점]

Hôm nay, cậu đi xem phim với mình, được không?



Chúng ta xem loại phim nào?

<보기>

- a. Được chứ b. Không được
- c. Để lần sau nhé d. Tất nhiên là được

- ① a, c ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0138

18 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

A: Ngày 3 tháng 9 là sinh nhật của Mai nhỉ?
B: Ừ, thứ 4 tuần sau đấy. Vậy, chủ nhật này chúng ta cùng đi mua quà sinh nhật nhé?
A: Tớ có hẹn rồi. Hay là thứ 7 đi, được không?
B: Cũng được.

- ① Mai의 생일은 일요일이다.
- ② Mai의 생일은 3월 9일이다.
- ③ B는 이번 주 토요일에 바쁘다.
- ④ A는 일요일에 B를 만나기로 했다.
- ⑤ B는 Mai의 생일 선물을 사려고 한다.

26082-0139

19 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

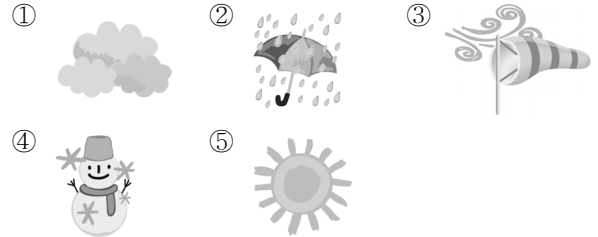


- ① Không có gì
- ② Máy đang bận
- ③ Anh nhầm số rồi
- ④ Tôi sẽ gọi lại sau
- ⑤ Công ti ABC xin nghe

26082-0140

20 대화의 내용으로 보아 Huế의 오늘 날씨는? [1점]

A: Đạo này, thời tiết ở Huế thế nào?
B: Hôm qua, trời mưa nhiều và có gió mạnh nhưng hôm nay trời nắng đẹp.



26082-0141

21 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Anh _____ ạ?
B: Cho tôi một cốc cà phê sữa.
A: Anh đợi một chút ạ.

- ① đang đi đâu
- ② đang làm gì
- ③ muốn dùng gì
- ④ có khoẻ không
- ⑤ đã ăn cơm chưa

26082-0142

22 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은? [1점]

A: Em ơi, cam này _____?
B: Một cân 65.000 đồng ạ.
Chị mua _____ ạ?
A: Hơi đắt. Em _____?
B: Chị mua 2 cân thì em bớt cho chị 5.000 đồng.

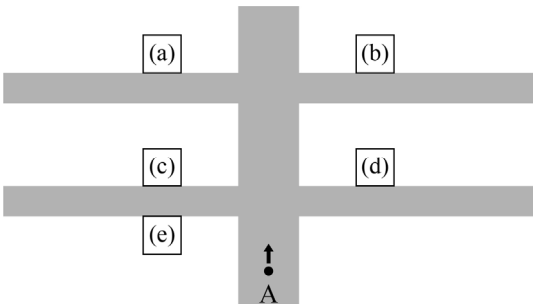
<보기>

- a. mấy cân
- b. bán thế nào
- c. giảm giá được không

- ① a-b-c
- ② a-c-b
- ③ b-a-c
- ④ c-a-b
- ⑤ c-b-a

26082-0143

23 대화의 내용으로 보아 약도에서 A가 가고자 하는 곳은?

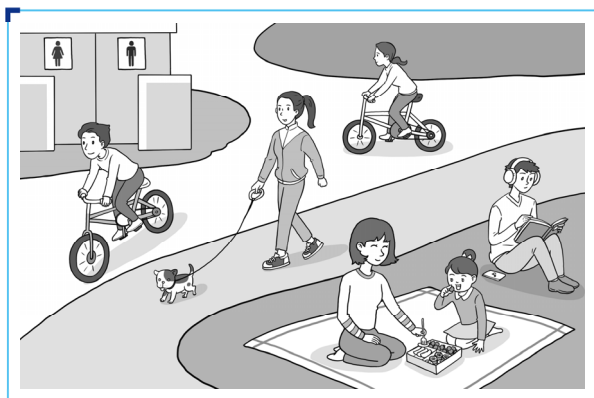


A: Làm ơn cho em hỏi đường một chút. Bưu điện Hà Nội ở đâu ạ?
B: Em đi thẳng đường này đến ngã tư thứ 2 thì rẽ phải. Bưu điện Hà Nội ở phía tay trái.
A: Cảm ơn anh ạ.

- ① (a) ② (b) ③ (c)
④ (d) ⑤ (e)

26082-0144

24 그림에 대한 설명으로 알맞은 것은?



- ① Một người đang chạy.
② Một con chó đang uống nước.
③ Hai người đang ngồi nghe nhạc.
④ Trước nhà vệ sinh có một cái cây lớn.
⑤ Trên đường có hai người đang đi xe đạp.

26082-0145

25 대화의 내용으로 보아 Mai의 현재 증상에 해당하는 것은?

A: Mai ơi, cậu bị làm sao thế?
B: Đạo này, tớ ăn nhiều đồ ngọt quá nên bị đau răng.
A: Vậy, cậu nên đi bệnh viện.



26082-0146

26 글의 내용이 가리키는 것은?

[1점]

○ Là ngày 2 tháng 9.
○ Là một ngày lễ lớn ở Việt Nam.
○ Là ngày kỉ niệm sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

* chủ tịch: (국가)주석
* bản Tuyên ngôn Độc lập: 독립 선언문

- ① Tết Trung thu
② Tết Nguyên đán
③ Ngày Phụ nữ Việt Nam
④ Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương
⑤ Ngày Quốc khánh Việt Nam

26082-0147

27 베트남 날씨에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은?

Miền Bắc Việt Nam có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Mùa hè ở đây, trời thường nóng và có mưa nhiều. Mùa đông, trời lạnh. Còn miền Nam Việt Nam chỉ có mùa mưa và mùa khô thôi. Mùa mưa thường có mưa lớn, còn mùa khô thì trời nắng nóng. Mùa mưa thường kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11. Còn mùa khô thường kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

* kéo dài: 지속되다, 이어지다

- ① 북부에는 4계절이 있다.
- ② 북부 여름은 비가 많이 온다.
- ③ 남부 건기는 5월에 시작한다.
- ④ 남부는 우기에 폭우가 내린다.
- ⑤ 남부의 건기 날씨는 매우 무덥다.

26082-0148

28 '바인쑹(bánh chưng)'에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A: Ở Việt Nam, vào dịp tết Nguyên đán có món ăn gì đặc biệt không?
B: Có bánh chưng, món ăn truyền thống của Việt Nam.
A: Bánh chưng được làm như thế nào? Có khó không?
B: Không khó lắm. Món này thường được làm bằng gạo nếp, đậu xanh, thịt lợn. Người Việt Nam thường làm món này để cúng tổ tiên và cùng nhau ăn vào dịp Tết.

* truyền thống: 전통적인 * gạo nếp: 찰쌀
* đậu xanh: 녹두

<보기>

- a. 만드는 방법이 어렵다.
- b. 조상에게 올리기도 한다.
- c. 찰쌀, 녹두, 소고기를 사용한다.
- d. 설에 먹는 베트남 전통 음식이다.

- ① a, c ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0149

29 대화의 내용으로 보아 밑줄 친 부분과 의미가 유사한 우리말 속담은? [1점]

A: Con trai của anh cao và đẹp trai quá!
B: Cảm ơn em. Con trai anh học khá giỏi và chơi bóng đá cũng rất giỏi.
A: Ồ, thế thì giống anh à? Anh cũng cao và chơi bóng đá giỏi mà.
B: Ừ, cha nào con ấy mà.

- ① 형만 한 아우 없다
- ② 그 아버지에 그 아들
- ③ 천 리 길도 한 걸음부터
- ④ 세 살 버릇 여든까지 간다
- ⑤ 열 손가락 깨물어 안 아픈 손가락이 없다

26082-0150

30 '후에 궁중 아악(Nhã nhạc Cung đình Huế)'에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Nhã nhạc Cung đình Huế được xem là một loại nhạc cung đình phát triển nhất ở Việt Nam. Ngày xưa, loại nhạc này thường được biểu diễn vào các dịp lễ trong năm của nhà Nguyễn (1802 - 1945). Năm 2003, Nhã nhạc Cung đình Huế đã được UNESCO chọn là Di sản văn hoá phi vật thể. Hiện nay, loại nhạc này vẫn được nhiều người biết đến và yêu thích.

* cung đình: 궁중
* biểu diễn: 공연하다
* di sản văn hoá phi vật thể: 무형문화유산

- ① 2003년 무형문화유산으로 선정되었다.
- ② 현재는 많은 사람들이 잘 알지 못한다.
- ③ 베트남의 가장 대중적인 음악 공연이다.
- ④ Nguyễn 왕조 시기 민간에서 공연되었다.
- ⑤ Nguyễn 왕조에서 일 년에 한 번 공연되었다.

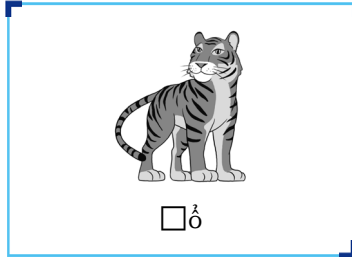
문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

|| 26082 - 0151 ||

01 □에 들어갈 글자는?

|| 26082 - 0151 ||

[1점]



- ① b
- ② h
- ③ l
- ④ m
- ⑤ t

02 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은?

|| 26082 - 0152 ||

[1점]



- ① no
- ② ghé
- ③ nhà
- ④ khen
- ⑤ ngon

03 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

|| 26082 - 0153 ||



- ① ư
- ② ú
- ③ ù
- ④ ử
- ⑤ ữ

04 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

- Tôi thích mùa _____ nhất.
- Bây giờ, ở Nha Trang _____ khách Hàn Quốc lắm.

- ① có ② hè ③ đông
- ④ xuân ⑤ xuống

|| 26082 - 0155 ||

05 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

- A : Em thấy em bị sốt nhẹ.
- B : Em nên _____ thuốc ngay!

- ① ăn ② đọc ③ ngủ
- ④ uống ⑤ viết

|| 26082 - 0156 ||

06 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

- A : Chị mua _____ ?
- B : Thứ 3 tuần trước.

- ① cái túi đẹp này khi nào
- ② cái túi này đẹp khi nào
- ③ đẹp này cái túi khi nào
- ④ khi nào cái túi này đẹp
- ⑤ khi nào đẹp cái túi này

|| 26082 - 0157 ||

07 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

- a. Chúng ta đi ăn trưa nhé!
- b. Chị ấy ngày càng gầy ra.
- c. Em không là người Hàn Quốc.
- d. Bạn thích ăn phở bò hay phở gà?

- ① a, c ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0158

08 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : _____ dưa hấu này trông ngon quá!
B : Dạ, ngon lắm. Chị mua thử đi.

- ① Tờ ② Con ③ Quả
④ Chiếc ⑤ Quyển

26082-0159

09 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A : Sao anh không ăn nữa?
B : (a) anh no quá (b) không muốn ăn nữa.

- | | | | |
|--------|------|-------|-------|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① Cá | và | ② Từ | đến |
| ③ Vì | nên | ④ Tuy | nhưng |
| ⑤ Càng | càng | | |

26082-0160

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Ngày mai, cậu đi xem phim với tớ không?
B : _____. Tớ có việc phải làm rồi.
A : Vậy, lần sau đi nhé.

- ① Xin lỗi ② Có chứ
③ Tốt quá ④ Được thôi
⑤ Không có gì

26082-0161

11 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

A : Chào anh.
B : Chào em. Em có khoẻ không?
A : Em khoẻ. Còn anh?
B : Anh thì hơi mệt.

- ① B는 여성이다.
② B는 조금 피곤하다.
③ A는 건강이 좋지 않다.
④ A는 B보다 나이가 많다.
⑤ A와 B는 처음 만난 사이이다.

26082-0162

12 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① ngủ ngon
② ăn ngon miệng
③ cuối tuần vui vẻ
④ sinh nhật vui vẻ
⑤ nhanh khỏi bệnh

26082-0163

13 대화의 내용을 표현한 그림으로 알맞은 것은? [1점]

A : Hai chị dùng gì?
B : Cho chúng tôi hai đĩa bún chả và 2 li nước đá.



26082-0164

14 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Nhà cậu _____?

B : Nhà tớ ở gần đây.

< 보기 >

- a. ở đâu b. có gần không
c. có mấy người d. có rộng không

- ① a, b ② a, c ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082-0165

15 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Cháu _____?

B : Cháu bị sốt cao từ tối hôm qua ạ.

A : Để bác khám nhé.

< 보기 >

- a. bị làm sao
b. khỏi bệnh chưa
c. bị ốm từ khi nào
d. là bác sĩ, phải không

- ① a, b ② a, c ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082-0166

16 대화의 내용으로 보아 Nha Trang의 오늘 날씨는? [1점]

Nghe nói hôm qua, ở Nha Trang có mưa to, bây giờ thế nào rồi?

Hôm qua, mưa to, nhưng hôm nay trời rất nắng.



26082-0167

17 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은? [1점]

A : Chào anh. Anh cho tôi gửi bưu kiện này đi Hàn Quốc.

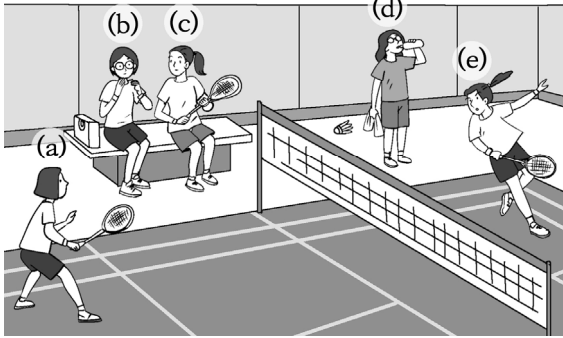
B : Chào chị. Ồi, nặng quá! Trong bưu kiện này có những gì ạ?

A : Trong bưu kiện này có khá nhiều sách.

- ① B là nữ.
② A đang ở Hàn Quốc.
③ Bưu kiện này không nặng.
④ Trong bưu kiện có khá nhiều sách.
⑤ A muốn gửi bưu kiện đi Việt Nam.

26082-0168

18 대화의 내용으로 보아 Mai에 해당하는 사람은?



A : Trong ảnh này, ai là Mai?

B : Mai đang ngồi trên ghế, tóc ngắn và đeo kính.

A : À, tớ thấy rồi!

- ① (a) ② (b) ③ (c)
④ (d) ⑤ (e)

26082-0169

19 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① bao nhiêu tiền
② trả lại được không
③ có màu khác không
④ có cỡ to hơn không
⑤ mặc thử được không

26082-0170

20 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Alô, làm ơn cho tôi gặp cô Hà.

B : Cô ấy mới ra ngoài rồi.

Anh _____?

A : Không ạ. Tôi sẽ gọi lại sau.

- ① gọi số nào
② làm nghề gì
③ đã gọi nhầm số
④ có nhắn gì không
⑤ gọi điện thoại mấy lần rồi

26082-0171

21 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

[1점]

A : Nghe nói, chị sẽ đi Mũi Né.

_____?

B : Mùa hè này chị sẽ đi.

_____?

A : Chưa ạ. _____?

B : Khoảng 1 tuần.

<보기>

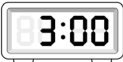
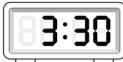
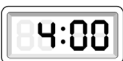
- a. Bao giờ chị đi
b. Chị sẽ ở Mũi Né trong bao lâu
c. Em đã bao giờ đi Mũi Né chưa

- ① a-b-c ② a-c-b
③ b-a-c ④ b-c-a
⑤ c-b-a

26082-0172

22 대화의 내용으로 보아 A와 B가 만나기로 한 시각은?

A: Chúng ta hẹn gặp nhau lúc mấy giờ nhỉ?
B: Nửa tiếng sau.
A: Vậy, 3 giờ gặp nhau ở trước nhà cậu nhé.

- ①  ② 
③  ④ 
⑤ 

26082-0173

23 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

A: Các em có hỏi gì nữa không?
B: Không ạ.
C: Em cũng hiểu hết rồi cô ạ.
A: Ừ, các em nhớ làm bài tập hôm nay nhé.

- ① B는 남학생이다.
② A는 여선생님이다.
③ 오늘 수업은 숙제가 없다.
④ 학생들은 질문할 것이 더 남았다.
⑤ 학생들은 수업 내용을 이해하지 못했다.

26082-0174

24 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Hôm nay, để em thanh toán nhé.
B: Ừ, cũng được.
A: Chị ơi, _____.
C: Dạ, tất cả là 450.000 đồng ạ.

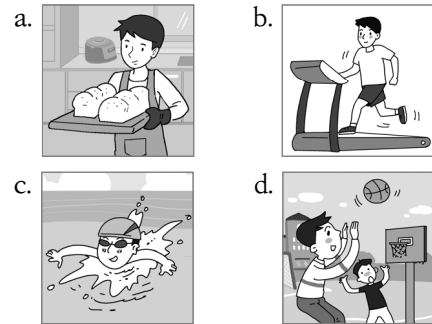
- ① tính tiền cho tôi
② món này rất ngon
③ cho tôi gọi món nhé
④ cho tôi hỏi một chút
⑤ tôi muốn ăn thêm nữa

26082-0175

25 대화의 내용으로 보아 B의 취미에 해당하는 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A: Tớ thích làm bánh. Còn sở thích của cậu là gì?
B: Tớ cũng thích làm bánh. Tớ còn thích bơi nữa.
A: Ồ, vậy lần sau cùng đi bơi nhé.

<보기>



- ① a, b ② a, c ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082-0176

26 글의 내용이 가리키는 인물은?

[1점]

- Tên thật của ông là Trần Quốc Tuấn.
- Ông là một trong những anh hùng dân tộc của Việt Nam.
- Ông đã chỉ huy quân Đại Việt, ba lần thắng quân Mông-Nguyên.

* anh hùng: 영웅 * chỉ huy: 지휘하다
* quân: 군(軍)

- ① Lê Duẩn ② Nguyễn Trãi
③ Hồ Chí Minh ④ Trần Hưng Đạo
⑤ Võ Nguyên Giáp

26082-0177

27 Huế에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Huế nằm ở miền Trung và là một trong sáu thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam. Trước đây, Huế là thủ đô của nhà Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1945. Ở đây có nhiều món ăn ngon như bún bò Huế, chè Huế,... và hàng năm thường tổ chức một lễ hội văn hoá lớn mang tính quốc tế, đó là Festival Huế.

* thành phố trực thuộc trung ương : 중앙직할시
* lễ hội : 축제

< 보기 >

- a. 오늘날 베트남의 수도이다.
- b. 베트남의 중앙직할시 중 하나이다.
- c. Bún bò Huế라는 맛있는 음식이 있다.
- d. Festival Huế는 2년에 한 번 개최된다.

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0178

28 ‘신토(sinh tố)’에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은? [1점]

Sinh tố là đồ uống được làm từ hoa quả tươi như cam, chuối, dưa hấu,... Người Việt thường cho hoa quả vào máy xay sinh tố rồi xay với sữa, đường và đá. Vào mùa hè nóng, nhiều người hay uống sinh tố vì nó mát, ngon và tốt cho sức khoẻ. Sinh tố được bán ở nhiều nơi như quán cà phê, nhà hàng, chợ hoặc các quán nhỏ trên đường. Cách làm sinh tố khá dễ nên ở nhà cũng có thể làm được.

* xay : 갈다

- ① 주로 겨울에 마신다.
- ② 만드는 방법이 어렵다.
- ③ 설탕을 많이 넣어야 한다.
- ④ 전문점에서만 마실 수 있다.
- ⑤ 과일을 우유, 설탕, 얼음과 함께 갈아 만든다.

26082-0179

29 ‘베트남 중추절(tết Trung thu Việt Nam)’에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은?

A : Mai ơi, ngày 15 tháng 8 âm lịch là Chuseok ở Hàn Quốc. Ở Việt Nam, vào ngày này, mọi người có được nghỉ không?

B : Ở Việt Nam thì gọi là tết Trung thu nhưng không được nghỉ. Hiện nay, ngày này được xem là ngày dành cho trẻ em.

A : Thế, vào ngày này người Việt thường làm gì?

B : Người Việt thường cúng tổ tiên và ăn bánh Trung thu. Đặc biệt, người lớn thường tặng quà cho trẻ em.

* âm lịch : 음력 * trẻ em : 어린이

- ① 공휴일이다.
- ② 음력 8월 15일이다.
- ③ 조상들에게 제사를 지낸다.
- ④ 어린이를 위한 날로 여겨진다.
- ⑤ bánh Trung thu를 먹는 날이다.

26082-0180

30 글을 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은?

“Chí Phèo” là truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Nam Cao, được viết vào năm 1941. Truyện kể về cuộc sống vất vả của những người nghèo trong xã hội cũ. Trong đó, Chí Phèo là một người không có cha mẹ, phải làm thuê cho nhà Bá Kiến và luôn làm cho mọi người phải lo sợ. Sau khi gặp và yêu Thị Nở, Chí Phèo muốn sống tốt hơn nhưng cuối cùng vẫn có kết thúc không tốt đẹp. Truyện ngắn này đã được giới thiệu ở Hàn Quốc vào năm 2019.

* nhà văn : 문학가
* xã hội : 사회

- ① Chí Phèo không có cha mẹ.
- ② Chí Phèo luôn làm cho mọi người phải lo sợ.
- ③ Chí Phèo gặp Thị Nở và muốn sống tốt hơn.
- ④ Truyện ngắn này đã được viết vào năm 2019.
- ⑤ Truyện này kể về cuộc sống vất vả của những người nghèo.

문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

26082-0181

01 □에 들어갈 글자는?

26082-0181

[1점]

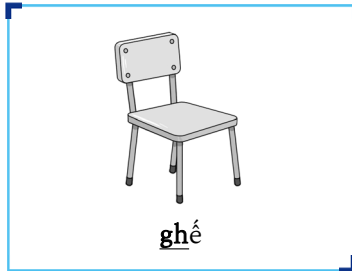


- ① b
- ② k
- ③ m
- ④ p
- ⑤ s

02 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은?

26082-0182

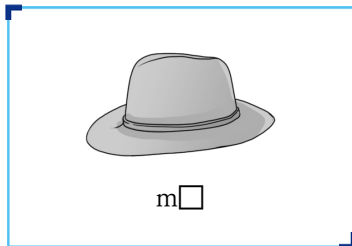
[1점]



- ① ga
- ② nàm
- ③ nghì
- ④ người
- ⑤ nhanh

03 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

26082-0183



- ① u
- ② ú
- ③ ù
- ④ ù
- ⑤ ư

04 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082-0184

- Khoảng 6 giờ _____, tôi về nhà.
- Thành phố này có nhiều đường một _____.

- ① tôi ② ruồi ③ chiều
- ④ tiếng ⑤ chuyển

05 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

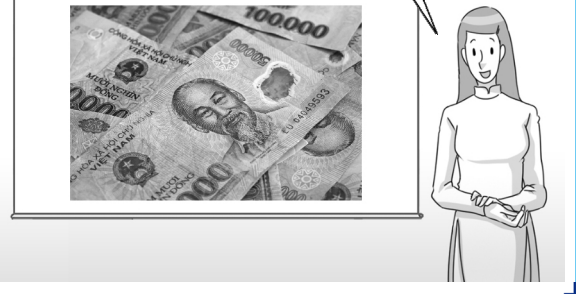
A : Ơ! Nhà _____ nước rồi à?
B : Ừ. Không biết khi nào có nước nhi.

- ① bàn ② mắt
- ③ dùng ④ khen
- ⑤ mang

26082-0186

06 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Đây là tiền giấy Việt Nam. Mặt trước của _____ tiền có hình ảnh của Bác Hồ.



- ① tờ ② bát
- ③ con ④ trái
- ⑤ quyển

26082-0187

07 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Em thấy học tiếng Việt có khó không?
B : Không ạ. Em (a) học (b) thấy thú vị ạ.

- | | | | |
|-------|-------|--------|------|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① cả | và | ② từ | đến |
| ③ gửi | cho | ④ càng | càng |
| ⑤ tuy | nhưng | | |

26082-0188

08 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Từ đây đến nhà sách VN có xa không?

B : Không xa đâu. _____.

- ① Cách đây khoảng 300 mét thôi
- ② Cách thôi đây khoảng 300 mét
- ③ Khoảng 300 mét thôi đây cách
- ④ Khoảng đây thôi 300 mét cách
- ⑤ Thôi đây khoảng cách 300 mét

26082-0189

09 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

- a. Làm sao mà có thể đi bộ được.
- b. Thảo được cô Lan khen vì thi tốt.
- c. Cuối tuần này, tôi muốn làm việc gì cả.
- d. Cả sinh viên nào ở đây cũng biết tiếng Anh.

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0190

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① Xin lỗi ② Tạm biệt
- ③ Có gì đâu ④ Không sao
- ⑤ Không biết

26082-0191

11 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① Xin lỗi anh
- ② Cảm ơn anh
- ③ Hẹn gặp lại ạ
- ④ Chúc anh ngủ ngon
- ⑤ Em vẫn bình thường

26082-0192

12 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

A : Anh trai cậu _____?

B : Anh trai tớ là giáo viên dạy tiếng Việt.

- ① tên là gì
- ② làm nghề gì
- ③ viết thư cho ai
- ④ làm việc ở đâu
- ⑤ có sống ở Việt Nam không

26082-0193

13 Trang의 가족에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Gia đình của Trang có 5 người: ông, bố mẹ, em gái và Trang. Ông của Trang 80 tuổi rồi nhưng vẫn rất khỏe. Bố của Trang là nhân viên ngân hàng, còn mẹ là y tá. Em gái của Trang là học sinh lớp 11.

- ① 부모님은 동갑이다.
- ② 동생은 대학생이다.
- ③ 어머니는 간호사이다.
- ④ 할아버지는 은행원이다.
- ⑤ 아버지는 고등학교 선생님이다.

26082-0194

14 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Alô! Công ti VN xin nghe.

B : _____.

A : Chị ấy vừa đi ra ngoài rồi ạ.

<보기>

- a. Xin cho tôi gặp chị Lan
- b. Chị Lan đã gọi nhầm số rồi
- c. Chị Lan không có ở công ti
- d. Làm ơn cho tôi nói chuyện với chị Lan

- ① a, c ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0195

15 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

[1점]



<보기>

- a. dùng gì
- b. muốn ăn gì
- c. mua mấy cân cam
- d. có nấu phở bò không

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0196

16 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Khi rảnh, bạn _____?

B : Mình thường đi đá bóng. Còn bạn thì sao?

A : Mình thì hay đi chụp ảnh.

- ① thể nào ② học với ai
- ③ thường làm gì ④ đến trường bằng gì
- ⑤ thích xem loại phim gì

26082-0197

17 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A : Chào chị. _____.

B : Chào anh. _____?

A : Có mấy quyển sách và 2 túi cà phê.

B : _____?

A : Tôi muốn gửi nhanh.

<보기>

- a. Anh gửi nhanh hay gửi thường
- b. Trong bưu kiện này có những gì
- c. Tôi muốn gửi bưu kiện này đi Hàn Quốc

- ① a-b-c ② a-c-b
- ③ b-c-a ④ c-a-b
- ⑤ c-b-a

26082-0198

18 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

[1점]

A : Chị ơi, có còn vé đi Huế lúc 1 giờ chiều không?

B : Xin lỗi, hết vé lúc 1 giờ rồi. Nhưng còn vé lúc 2 giờ.

A : Vậy thì cho em một vé lúc 2 giờ.

- ① A는 Huế에 살고 있다.
- ② B는 비행기 승무원이다.
- ③ A와 B는 Huế에 함께 갈 것이다.
- ④ Huế행 1시 표가 한 장 남아 있다.
- ⑤ A는 Huế로 가는 표를 사고자 한다.

26082-0199

19 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?



< 보기 >

- a. bán cho ai b. bán thế nào
c. mua ở đâu d. bao nhiêu tiền

- ① a, b ② a, c ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082-0200

20 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① bị làm sao
② đến đây để làm gì
③ sẽ ở đó bao nhiêu ngày
④ muốn trở thành bác sĩ à
⑤ thấy hôm nay thời tiết thế nào

26082-0201

21 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Chào anh. Tôi muốn đổi đô la Mỹ ra tiền Việt Nam. _____?
B: Một đô la bằng 26.100 đồng, chị ạ.

- ① Anh đến đây với ai
② Anh cần loại tiền gì
③ Anh đã ghi họ, tên chưa
④ Hôm nay tỉ giá bao nhiêu
⑤ Tôi có thể giúp gì cho anh

26082-0202

22 날씨 정보로 보아 Đà Lạt의 내일 날씨는?

[1점]

Dự báo thời tiết Đà Lạt

Hôm nay	21°C - 26°C	Trời có mây
Ngày mai	20°C - 24°C	Trời mưa



26082-0203

23 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Chúng ta học đến đây nhé.
Em hiểu hết chưa?
B: Em _____ ạ.
A: Vậy thì cô giải thích lại nhé.

- ① hiểu hết rồi
② chưa hiểu câu này
③ sẽ nhớ làm bài tập
④ thấy bài này dễ hiểu
⑤ không có câu hỏi gì cả

26082 - 0204

24 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

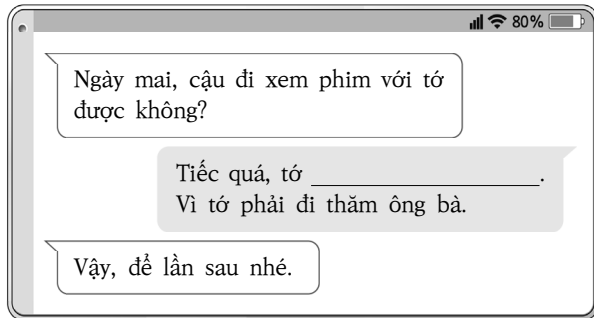
A : Anh đã _____ ?
B : Chưa, anh chưa lập gia đình.

- ① lấy vợ chưa
- ② gặp cô ấy ở đâu
- ③ xem phim này rồi à
- ④ đi Việt Nam bao giờ
- ⑤ gọi điện thoại cho gia đình chưa

26082 - 0205

25 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① không bận
- ② đi được chứ
- ③ không đi được
- ④ có thời gian rảnh
- ⑤ rất muốn đi xem phim

26082 - 0206

26 글의 내용이 가리키는 교통수단은?

[1점]

- Là phương tiện đi lại có hai bánh.
- Là phương tiện phổ biến nhất ở Việt Nam.
- Ở Việt Nam, có dịch vụ chở người và hàng hoá bằng phương tiện này.

* dịch vụ : 서비스
* chở : 나르다, 수송하다

- ① Xe đạp
- ② Xe lửa
- ③ Xe máy
- ④ Xe buýt
- ⑤ Tàu thủy

26082 - 0207

27 Hai Bà Trưng에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Thảo : Bạn có biết Hai Bà Trưng không?
Su-ho : Mình không biết. Hai Bà Trưng là ai?
“Hai” là họ, còn “Trưng” là tên à?
Thảo : Không. Hai Bà Trưng là tên gọi tắt của hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị. Năm 40, Hai Bà Trưng đã đánh đuổi quân Đông Hán và lập ra một quốc gia. Hai bà được xem là hai nữ anh hùng trong lịch sử Việt Nam.
Su-ho : À... Mình hiểu rồi. Mình sẽ tìm hiểu thêm về Hai Bà Trưng.

* đánh đuổi : 물리치다 * quân : 군(軍)
* anh hùng : 영웅

<보기>

- a. 전쟁에 40차례 참전하였다.
- b. Hai는 성, Trưng은 이름이다.
- c. Đông Hán군을 물리치고 나라를 세웠다.
- d. 베트남 역사상 유명한 두 여성 영웅이다.

- ① a, c
- ② a, d
- ③ b, c
- ④ b, d
- ⑤ c, d

26082 - 0208

28 '째오(chèo)'에 관한 글에 언급된 것은?



Chèo là một loại nhạc kịch truyền thống của Việt Nam, có từ khoảng thế kỉ 10. Trong chèo, phần hát nhiều hơn phần nói nên còn được gọi là hát chèo. Chèo phát triển mạnh ở phía Bắc Việt Nam. Vào các ngày lễ tết, một số nơi ở phía Bắc Việt Nam thường có hát chèo.

* truyền thống: 전통 * phần: 부분
* một số: 일부

- ① 공연 순서 ② 공연 시간
- ③ 공연 주제 ④ 발생 시기
- ⑤ 악기 재료

26082 - 0209

29 '판씨땡산(núi Phan-xi-păng)'에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은?

Núi Phan-xi-păng cao hơn 3.100m, nằm ở miền Bắc Việt Nam và là núi cao nhất ở Việt Nam. Núi này còn cao nhất Đông Dương nên được gọi là "Nóc nhà Đông Dương". Đây là một địa điểm du lịch nổi tiếng, được nhiều người trong và ngoài nước biết đến. Có hai cách để lên trên núi, đó là đi bộ hoặc đi cáp treo.

* Đông Dương: 인도차이나 * nóc nhà: 지붕
* cáp treo: 케이블카

- ① Là núi cao nhất Việt Nam.
- ② Có thể lên núi bằng cáp treo.
- ③ Nằm ở miền Trung Việt Nam.
- ④ Được nhiều người nước ngoài biết đến.
- ⑤ Còn được gọi là "Nóc nhà Đông Dương".

26082 - 0210

30 '덴훙축제(lễ hội Đền Hùng)'에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?



Lễ hội Đền Hùng là một trong những lễ hội lớn của Việt Nam. Lễ hội thường được tổ chức vào đầu tháng 3 âm lịch tại Đền Hùng ở Phú Thọ. Đây là dịp để nhớ đến các Hùng Vương đã có công xây dựng nước.

* lễ hội: 축제 * âm lịch: 음력
* công: 공, 공적

<보기>

- a. 보통 음력 3월 초에 열린다.
- b. Đền Hùng 입장은 엄격하게 제한된다.
- c. Phú Thọ 지역민을 위한 별도의 행사가 있다.
- d. Hùng Vương의 건국 공적을 기리는 축제이다.

- ① a, b ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

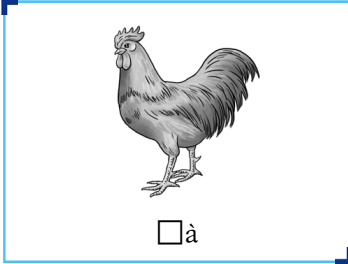
문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

26082 - 0211

01 □에 들어갈 글자는?

26082 - 0211

[1점]



- ① b
- ② d
- ③ đ
- ④ g
- ⑤ h

02 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은?

26082 - 0212

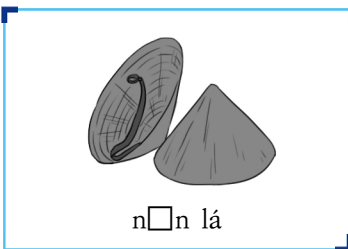
[1점]

Chúng ta cùng đi ngắm phong cảnh nhé.

- ① giờ
- ② ghé
- ③ nầu
- ④ nghĩ
- ⑤ trông

03 □에 들어갈 글자와 성조 표기가 같은 낱말은?

26082 - 0213



- ① bò
- ② hỏ
- ③ chó
- ④ sữa
- ⑤ tôm

04 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082 - 0214

- Tôi _____ điện thoại khi làm bài tập.
- “TP. HCM” là từ viết _____ của Thành phố Hồ Chí Minh.

- ① mở
- ② bàn
- ③ đưa
- ④ tắt
- ⑤ dùng

05 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① nắm
- ② ngã
- ③ mượn
- ④ nhìn
- ⑤ ngừng

06 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082 - 0216



- ① tờ
- ② con
- ③ đôi
- ④ quả
- ⑤ quỷn

07 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082 - 0217

- A: Em học tiếng Việt vào thứ mấy?
- B: Em học vào thứ 7 và chủ nhật, (a) 4 giờ (b) 6 giờ chiều.

- (a) (b) (a) (b)
- ① dù nhưng ② từ đến
- ③ vì nên ④ chỉ thôi
- ⑤ càng càng

26082-0218

08 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : _____ thể nào?
B : Nó vừa rẽ vừa chạy rất tốt.

- ① Chiếc này màu xanh xe đạp
- ② Chiếc xe đạp màu xanh này
- ③ Màu xanh xe đạp chiếc này
- ④ Đây xe đạp chiếc màu xanh
- ⑤ Xe đạp màu xanh chiếc này

26082-0219

09 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

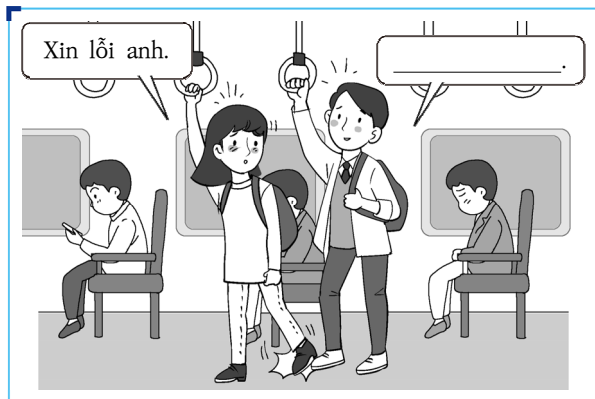
- a. Hiền định đi nhảy cho vui.
- b. Sơn thường đọc báo trong bữa ăn.
- c. Tuấn không là người Trung Quốc.
- d. Hôm qua, anh ấy được cảnh sát bắt.

- ① a, b ② a, c ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082-0220

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① Hơi đôi ② Không sao
- ③ Tôi ăn rồi ④ Tất nhiên rồi
- ⑤ Chúc ngủ ngon

26082-0221

11 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① gặp ai
- ② học ở đâu
- ③ ăn món gì
- ④ nên mặc áo nào
- ⑤ mua hết bao nhiêu tiền

26082-0222

12 광고문에 언급된 것은?

[1점]



- ① 출발지 ② 호텔명
- ③ 여행 코스 ④ 할인 조건
- ⑤ 여행사 주소

26082 - 0223

13 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Alô! Làm ơn cho tôi gặp anh Hùng.
B : Anh ấy vừa đi ra ngoài.
Chị _____?
A : Không ạ. Tôi sẽ gọi lại sau.

- ① có nhắn gì không
- ② đã gọi số bao nhiêu
- ③ quen anh Hùng từ khi nào
- ④ thường làm gì vào cuối tuần
- ⑤ đã gọi điện thoại mấy lần rồi

26082 - 0224

14 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A : _____?
B : Gia đình tớ có 5 người: ông, bố mẹ, anh trai và tớ.
A : _____?
B : Anh trai tớ 21 tuổi. Anh ấy là sinh viên.
A : _____?
B : Trường Đại học Luật Hà Nội.

<보기>

- a. Anh ấy học ở trường nào
- b. Gia đình cậu có mấy người
- c. Anh trai cậu bao nhiêu tuổi

- ① a - b - c
- ② b - a - c
- ③ b - c - a
- ④ c - a - b
- ⑤ c - b - a

26082 - 0225

15 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Chào anh. Lâu rồi mới gặp anh.
B : Chào em. Em có khoẻ không?
A : Vâng. Em khoẻ ạ. Còn _____?
B : Anh vẫn bình thường.

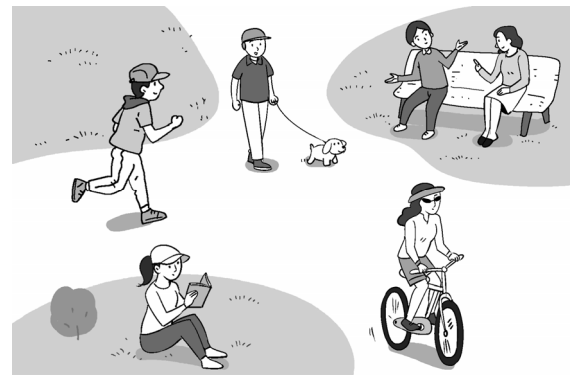
<보기>

- a. anh thì sao
- b. anh thế nào
- c. tên anh là gì
- d. ai gọi điện thoại cho anh

- ① a, b
- ② a, c
- ③ b, c
- ④ b, d
- ⑤ c, d

26082 - 0226

16 그림에 대한 설명으로 알맞은 것은?



- ① Hai người đang chụp ảnh.
- ② Hai người đang đi xe đạp.
- ③ Một người đang uống nước.
- ④ Một người đang ngồi đọc sách.
- ⑤ Một người đang chạy cùng với một con chó.

26082 - 0227

17 빈칸에 들어갈 말로 알맞지 않은 것은?

A : Sau khi học xong, cậu đi đá bóng với tớ nhé!
B : Tiếc quá! Tớ _____.
A : Vậy, lần sau cùng đi nhé.

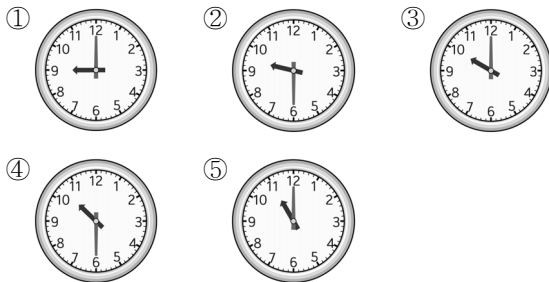
- ① bận lắm
- ② có hẹn khác rồi
- ③ có nhiều thời gian
- ④ định đi thăm ông bà
- ⑤ phải về nhà trông cháu

26082 - 0228

18 대화의 내용으로 보아 현재 시각은?

[1점]

A : Siêu thị VN đóng cửa lúc mấy giờ?
B : 10 giờ.
A : Vậy, chỉ còn 1 tiếng nhĩ.

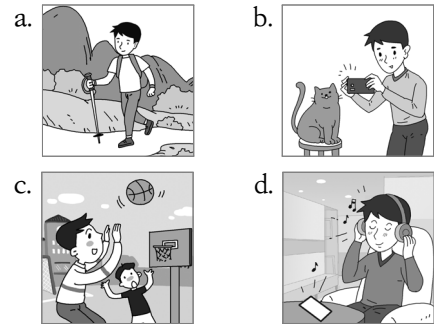


26082 - 0229

19 대화의 내용으로 보아 A의 취미에 해당하는 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Sở thích của bạn là gì?
B : Sở thích của mình là đi leo núi và chụp ảnh. Còn bạn thì sao?
A : Sở thích của mình là chơi bóng rổ và nghe nhạc.

<보기>



- ① a, b
- ② a, c
- ③ b, c
- ④ b, d
- ⑤ c, d

26082 - 0230

20 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Túi này đẹp nhưng hơi đắt.
Chị bớt cho em một chút được không?



Không được đâu. _____ ạ.

- ① Thôi được
- ② Tất nhiên được
- ③ Tôi bán cho chị
- ④ Ở đây bán đúng giá
- ⑤ Để tôi giảm giá cho chị một chút

26082 - 0231

21 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

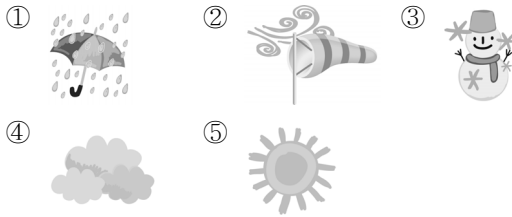
A : Cháu bị làm sao vậy?
B : Cháu bị sốt và đau họng, bác sĩ ạ.
A : Thế, _____ nhé.

- ① cùng đi chợ ② để bác khám
- ③ tôi uống thuốc ④ trở thành bác sĩ
- ⑤ đừng đi bệnh viện

26082 - 0232

22 대화의 내용으로 보아 Hà Nội의 오늘 날씨는? [1점]

A : Hôm nay, thời tiết ở Hà Nội thế nào?
B : Hôm nay, trời mưa to. Theo dự báo thời tiết, từ ngày mai trời sẽ nắng đẹp.



26082 - 0233

23 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① trả lại tiền cho tôi
- ② mua bưu kiện này đi
- ③ giảm giá cho tôi một chút
- ④ cho tôi biết tỉ giá hôm nay
- ⑤ ghi rõ các thông tin vào đây

26082 - 0234

24 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

A : Hôm nay, cậu thi mấy môn?
B : Tôi thi hai môn.
A : Là những môn nào?
B : Môn Toán và môn Tiếng Anh.

- ① A는 오늘 시험이 없다.
- ② B는 영어 성적이 올랐다.
- ③ A는 수학을 제일 좋아한다.
- ④ B는 오늘 두 과목을 시험 본다.
- ⑤ A와 B는 시험이 끝나면 영화를 보러 갈 것이다.

26082 - 0235

25 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A : Chị đi Việt Nam về khi nào?
B : Chị về được 3 ngày rồi.
A : Vậy, chị đã ở Việt Nam _____?
B : 2 tháng.

- ① với ai ② để làm gì
- ③ trong bao lâu ④ với gia đình à
- ⑤ học những môn gì

26082 - 0236

26 대화의 내용으로 보아 밑줄 친 말과 가장 가까운 우리말 속담은?

Tuấn : Cậu vừa đi du lịch Phú Quốc về, đúng không?
Su-ho : Ừ, tớ mới về hôm qua.
Tuấn : Nghe nói Phú Quốc đẹp lắm, cậu thấy phong cảnh ở đó thế nào?
Su-ho : Phong cảnh ở đó đẹp thật. Trăm nghe không bằng một thấy nên cậu cũng thử đi xem.

- ① 티끌 모아 태산
- ② 금강산도 식후경
- ③ 백지장도 맞들면 낫다
- ④ 하나를 보고 열을 안다
- ⑤ 백 번 듣는 것이 한 번 보는 것만 못하다

26082 - 0237

27 글의 내용이 가리키는 도시는?

[1점]

- Trước đây có tên là Sài Gòn.
- Là một trong những trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam.
- Có những nơi du lịch nổi tiếng như chợ Bến Thành, nhà thờ Đức Bà,...

* nhà thờ : 성당

- ① Huế ② Hà Nội
③ Đà Nẵng ④ Hải Phòng
⑤ TP. Hồ Chí Minh

26082 - 0238

28 ‘문묘-국자감(Văn Miếu-Quốc Tử Giám)’에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Văn Miếu-Quốc Tử Giám là một trong những di tích lịch sử của Việt Nam. Văn Miếu được xây dựng vào năm 1070 để thờ Khổng Tử. Đến năm 1076, Quốc Tử Giám được xây dựng thêm và được xem là trường đại học đầu tiên của Việt Nam. Từ lâu, nơi đây đã trở thành một địa điểm du lịch nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội.

* di tích : 유적 * thờ : 제사를 모시다
* đầu tiên : 최초의

〈보기〉

- a. Quốc Tử Giám là nơi thờ Khổng Tử.
b. Văn Miếu được xây dựng vào năm 1076.
c. Văn Miếu-Quốc Tử Giám nằm ở Hà Nội.
d. Quốc Tử Giám được xem là trường đại học đầu tiên của Việt Nam.

- ① a, c ② a, d ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082 - 0239

29 ‘베트남 스승의 날(ngày Nhà giáo Việt Nam)’에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

[1점]

- Se-na : Thảo ơi. Hôm nay, trường có việc gì mà các cô mặc áo dài nhiều vậy?
Thảo : À, hôm nay là ngày Nhà giáo Việt Nam.
Se-na : Thế à! Ngày 20 tháng 11 là ngày Nhà giáo Việt Nam à? Vậy, học sinh Việt Nam thường làm gì vào ngày này?
Thảo : Học sinh thường tặng hoa, quà và gửi lời chúc, lời cảm ơn đến các thầy cô.

* lời : 말

- ① 11월 20일이다.
② 국가 지정 공휴일이다.
③ 학생들은 보통 빨간색 옷을 입는다.
④ 선생님이 학생에게 음식을 요리해 준다.
⑤ 최근 단축 수업을 하는 학교들이 늘고 있다.

26082 - 0240

30 ‘분보후에(bún bò Huế)’에 관한 글에 언급된 것은?

Bún bò Huế là một món ăn đặc biệt của Huế. Món ăn này phải có bún, thịt bò, giò heo,... và được ăn cùng với các loại rau sống. Nước dùng thì cay và có màu đỏ. Bún bò Huế là món ăn được nhiều người Việt Nam yêu thích.

* giò heo : 돼지족발 * nước dùng : 육수

- ① 유래 ② 주재료
③ 만든 사람 ④ 조리 시간
⑤ 지역별 가격

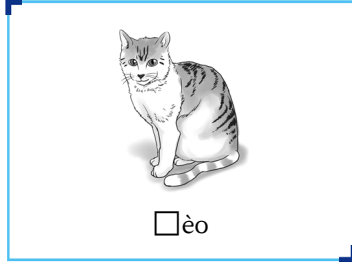
문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

26082 - 0241

01 □에 들어갈 글자는?

26082 - 0241

[1점]



□èo

- ① đ
- ② h
- ③ k
- ④ m
- ⑤ t

02 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은?

26082 - 0242

[1점]

Mình đang ăn phở gà.

- ① cá
- ② dể
- ③ ghế
- ④ ngã
- ⑤ tin

26082 - 0243

03 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?



s□ch

- ① a
- ② à
- ③ á
- ④ ả
- ⑤ ã

26082 - 0244

04 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Nhà hàng hôm qua bạn đi thế nào?

B : Thực đơn của nhà hàng đó _____ và rất ngon.

- ① di động
- ② tổ chức
- ③ khám phá
- ④ thay thế
- ⑤ phong phú

05 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

- Tôi cần _____ màu đen mà không tìm được.
- Con hãy _____ vào đôi giày mà con muốn đi thử.

- ① đau
- ② chỉ
- ③ chín
- ④ kính
- ⑤ rộng

26082 - 0246

06 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Giáo viên : Em _____ ?
Học sinh : Không ạ. Em hiểu hết rồi ạ.

- ① có hỏi gì không
- ② có không gì hỏi
- ③ gì có không hỏi
- ④ gì không có hỏi
- ⑤ không gì hỏi có

26082 - 0247

07 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① tờ
- ② bát
- ③ quả
- ④ chiếc
- ⑤ quyển

26082 - 0278

08 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A : Thứ 7 tuần này, chúng ta cùng đi leo núi nhé.

B : (a) trời không mưa (b) chúng ta đi nhé.

- | | | | |
|--------|------|-------|-----|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① Cả | và | ② Từ | đến |
| ③ Nếu | thì | ④ Vừa | vừa |
| ⑤ Càng | càng | | |

26082 - 0249

09 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

- Chúng ta để sách này ở đây để cùng đọc được nhé.
- Tất cả mọi người ngồi ở đây đều mặc áo màu trắng.
- Tuần đang tìm điện thoại di động ngoài không nhớ đã để ở đâu.
- Em xem phim cho vui chứ không phải là vì muốn trở nên diễn viên.

- | | | |
|--------|--------|--------|
| ① a, b | ② a, c | ③ b, c |
| ④ b, d | ⑤ c, d | |

26082 - 0250

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- | | |
|-----------------|-------------|
| ① Cảm ơn | ② Xin lỗi |
| ③ Tạm biệt | ④ Ăn đủ rồi |
| ⑤ Chúc ngủ ngon | |

26082 - 0251

11 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A : Thứ 5 tuần sau là sinh nhật của mình. Bạn đến nhà mình chơi được không?

B : _____.

A : Hẹn gặp lại vào ngày đó nhé!

- | | |
|---------------------|----------------|
| ① Rất đẹp | ② Không sao |
| ③ Đứng làm ồn | ④ Ngồi chỗ kia |
| ⑤ Tất nhiên là được | |

26082 - 0252

12 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Chào bạn. Bạn khỏe chứ?

B : Ừ. Mình khỏe. Còn bạn, bạn _____?

A : Mình cũng khỏe.

<보기>

- | | |
|---------------|------------------|
| a. đi đâu | b. thế nào |
| c. học với ai | d. có khỏe không |

- | | | |
|--------|--------|--------|
| ① a, b | ② a, c | ③ b, c |
| ④ b, d | ⑤ c, d | |

26082 - 0253

13 대화의 내용으로 보아 기차가 출발하는 시각은? [1점]

A : Chị ơi, xe lửa mấy giờ sẽ chạy ạ?

B : Bây giờ là đúng 10 giờ. 15 phút nữa, xe lửa sẽ chạy.

- | | |
|---------|---------|
| ① 9:45 | ② 10:00 |
| ③ 10:15 | ④ 10:30 |
| ⑤ 10:45 | |

26082 - 0254

14 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

A : Nhà mới của chị _____?
B : Ở ngay bên cạnh công viên KOVI.

- ① ở đâu ② làm bằng gì
- ③ ai xây dựng ④ giá bao nhiêu
- ⑤ có mấy phòng

26082 - 0255

15 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① tôi uống trà ② để tôi khám
- ③ cùng đi thư viện ④ tôi có 1 con chó
- ⑤ tôi tập đi xe đạp

26082 - 0256

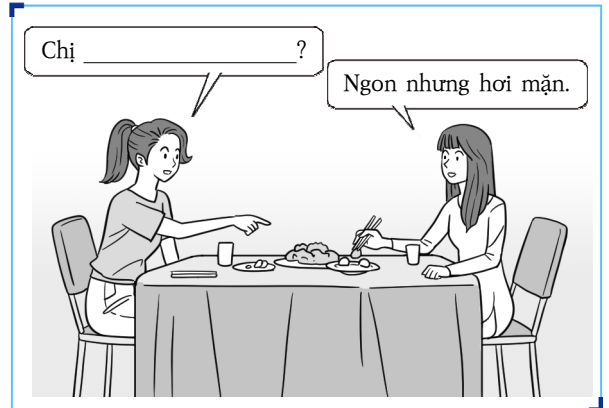
16 그림에 대한 설명으로 알맞은 것은?



- ① Một người đi xe đạp.
- ② Hai người chơi bóng rổ.
- ③ Một người ngồi đọc sách.
- ④ Một người ngồi nghe nhạc.
- ⑤ Hai người chạy với một con chó.

26082 - 0257

17 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① dạy môn gì
- ② ăn trưa với ai
- ③ bao nhiêu tuổi
- ④ đang ăn món gì
- ⑤ thấy món này thế nào

26082 - 0258

18 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

A : Alô, làm ơn cho em gặp thầy Tấn ạ.
B : Thầy Tấn _____.
A : Thế ạ? Vậy, em sẽ gọi lại sau ạ.

- ① hiểu tất cả rồi
- ② lập gia đình rồi
- ③ hay đi bộ đến đây
- ④ vừa đi ra ngoài rồi
- ⑤ mua điện thoại mới

26082 - 0259

19 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Bạn _____?
B : Mình thích môn Toán và môn Tiếng Anh.

- ① tên là gì
- ② học ở đâu
- ③ làm nghề gì
- ④ viết bài xong chưa
- ⑤ thích những môn nào

26082 - 0260

20 날씨 정보로 보아 Sa Pa의 오늘 날씨는?

[1점]

Dự báo thời tiết

Hôm nay, Sa Pa trời nắng.

Nhiệt độ
22°C - 27°C

- ① ② ③
- ④ ⑤

26082 - 0261

21 밑줄 친 부분과 의미상 바꾸어 쓸 수 있는 것은?

A : Cái quần này bao nhiêu tiền?
B : Cái này giá 500 nghìn đồng.
A : Hơi đắt nhĩ. Chị bớt cho em một chút được không?
B : Xin lỗi em. Ở đây bán đúng giá.

- ① có màu khác không
② có cỡ to hơn không
③ có biết ai làm không
④ có thể sửa lại được không
⑤ giảm giá cho em được không

26082 - 0262

22 대화의 내용으로 보아 B의 취미에 해당하는 것은?

A : Khi có thời gian, bạn thường làm gì?
B : Mình thường đi xem kịch.

- ① ②
- ③ ④
- ⑤

26082 - 0263

23 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Gia đình Tuấn có 4 người : ông, bố mẹ và Tuấn. Năm nay, ông Tuấn 73 tuổi nhưng vẫn khoẻ. Bố Tuấn là luật sư, còn mẹ Tuấn dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Tuấn đang là sinh viên năm thứ hai của Trường Đại học Đà Lạt.

- ① Mẹ Tuấn là luật sư.
② Quê Tuấn ở Đà Lạt.
③ Tuấn có một chị gái.
④ Ông Tuấn năm nay 73 tuổi.
⑤ Bố Tuấn dạy môn tiếng Anh.

26082 - 0264

24 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A: Từ đây đến ngân hàng VN có xa không ạ?

B: _____.

A: Cảm ơn cô.

<보기>

- a. Khoảng 2 km
- b. Cô mua nhà mới rồi
- c. Cô đã đến đây mấy lần
- d. Đi xe buýt thì mất 10 phút

- ① a, b ② a, d ③ b, c
- ④ b, d ⑤ c, d

26082 - 0265

25 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A: Tôi muốn đổi đô la Mỹ sang tiền Việt.

_____?

B: Một đô la là 26.100 đồng.

_____?

A: Chị đổi giúp tôi 300 đô la.

(Một lúc sau)

B: _____. Anh kiểm tra xem nhé.

A: Vâng, đủ rồi. Cảm ơn chị.

<보기>

- a. Tiền của anh đây
- b. Anh muốn đổi bao nhiêu
- c. Tỷ giá hôm nay bao nhiêu

- ① a - b - c ② a - c - b
- ③ b - a - c ④ c - a - b
- ⑤ c - b - a

26082 - 0266

26 글의 내용이 가리키는 것은?

[1점]

- Là loại áo truyền thống của Việt Nam.
- Được học sinh nữ ở một số trường trung học phổ thông mặc khi đi học.
- Thường được mặc trong những dịp đặc biệt như ngày Tết, ngày kỉ niệm,...

* truyền thống: 전통 * một số: 몇몇

①



②



③



④



⑤



I 26082 - 0267 I

27 '베트남 국경일(ngày Quốc khánh Việt Nam)'에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Ngày Quốc khánh Việt Nam là ngày 2 tháng 9 và là ngày nghỉ của Việt Nam. Đây là ngày kỉ niệm sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội vào ngày 2 tháng 9 năm 1945. Vào ngày Quốc khánh, khắp nơi ở Việt Nam đều tổ chức các chương trình kỉ niệm.

* chủ tịch : (국가)주석

* bản Tuyên ngôn Độc lập : 독립 선언문

— <보기> —

- a. Là ngày 2 tháng 9 và là ngày nghỉ.
- b. Được tổ chức lễ kỉ niệm ở nơi tên là 1945.
- c. Còn được gọi là ngày Quảng trường Ba Đình.
- d. Là ngày kỉ niệm sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

- ① a, b ② a, d ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

I 26082 - 0268 I

28 Hội An에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Hội An là địa điểm du lịch nổi tiếng ở miền Trung, Việt Nam. Nơi này là một cảng quốc tế lớn vào thế kỉ 17. Khu phố cổ Hội An đã được UNESCO chọn là Di sản văn hoá thế giới vào năm 1999. Hội An đã trở thành địa điểm du lịch được nhiều du khách trong và ngoài nước yêu thích.

* khu phố cổ : 구(舊)시가지

* di sản văn hoá : 문화유산

- ① Nằm ở miền Bắc, Việt Nam.
- ② Được xây dựng lần đầu vào thế kỉ 17.
- ③ Đang bán nhiều tàu thuyền cho nước ngoài.
- ④ Là cảng quốc tế lớn của Việt Nam vào năm 1999.
- ⑤ Có khu phố cổ được UNESCO chọn là Di sản văn hoá thế giới.

I 26082 - 0269 I

29 Ngô Quyền에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

In-ho : Tuấn ơi, đây là đường Ngô Quyền à?

Ngô Quyền có nghĩa là gì?

Tuấn : Ngô Quyền là tên của một anh hùng dân tộc của Việt Nam. Sau chiến thắng Bạch Đằng lịch sử năm 938, Ngô Quyền đã kết thúc hơn một nghìn năm bị Trung Quốc đô hộ và lập ra nhà Ngô.

In-ho : Thế thì, chắc người Việt Nam tự hào về ông lắm nhỉ?

Tuấn : Ừ. Vì vậy, hiện nay tên của ông được đặt cho nhiều đường phố và trường học ở Việt Nam đấy.

* anh hùng : 영웅 * chiến thắng : 승리

* đô hộ : 지배하다

— <보기> —

- a. 938년에 태어났다.
- b. 베트남의 민족 영웅이다.
- c. Bạch Đằng이라고 부르기도 한다.
- d. 천 년이 넘는 중국 지배기를 종식시켰다.

- ① a, b ② a, c ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

I 26082 - 0270 I

30 '벤타인 시장(Chợ Bến Thành)'에 관한 글에 언급된 것은?

[1점]

Chợ Bến Thành là một trong những chợ lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ở đây bán nhiều loại hàng hoá như hoa quả, quần áo,... và còn bán cả đồ lưu niệm dành cho du khách. Khu ăn uống của chợ này có nhiều món ăn ngon nổi tiếng. Vì thế, nhiều du khách đến đây không chỉ để tìm mua đồ mà còn để ăn thử các món ăn ngon.

* đồ lưu niệm : 기념품 * khu : 구역

- ① 건축 연도 ② 관련 설화
- ③ 영업 시간 ④ 판매 물품
- ⑤ 공식 홈페이지

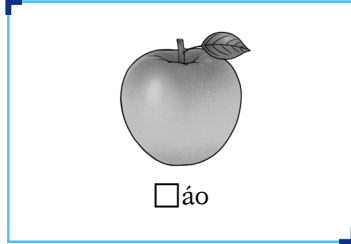
문항에 따라 배점이 다릅니다. 1점 문항에는 점수가 표시되어 있습니다.
점수 표시가 없는 문항은 모두 2점입니다.

26082 - 0274

01 □에 들어갈 글자는?

26082 - 0271

[1점]

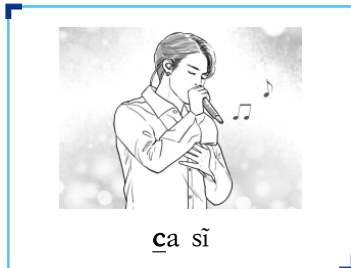


- ① h
- ② n
- ③ s
- ④ t
- ⑤ v

02 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은?

26082 - 0272

[1점]



- ① boi
- ② mèo
- ③ kính
- ④ tươi
- ⑤ xanh

03 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

26082 - 0273



- ① o
- ② ò
- ③ ọ
- ④ ó
- ⑤ ỏ

04 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



A: Tôi đã đặt phòng với tên Trần Hữu Trí.
B: Xin lỗi anh. Xin anh _____ lại tên ạ.
A: Tên tôi là Trần Hữu Trí.

- ① bán ② câu ③ chữa
- ④ nhắc ⑤ quên

05 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082 - 0275

○ Hôm qua, xe máy của tôi đã bị _____ đi rồi.
○ Khi làm con chim bằng giấy, tôi cần dùng _____.

- ① âm ② đá ③ cam
- ④ kéo ⑤ chín

06 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

26082 - 0276

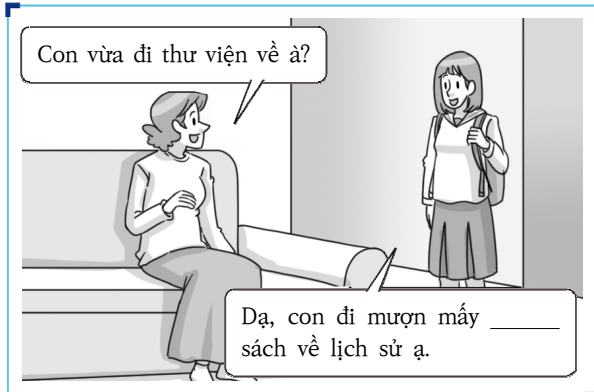
A: Anh sống ở đây bao lâu rồi?
B: Tôi đã sống ở đây _____.

- ① được 2 năm rồi
- ② được năm rồi 2
- ③ năm được 2 rồi
- ④ năm được rồi 2
- ⑤ rồi 2 được năm

26082 - 0277

07 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① tờ ② bát ③ con
④ quả ⑤ quyển

26082 - 0278

08 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

A : Bạn thích ăn phở hay bún chả?

B : Mình thích ăn (a) phở (b) bún chả.

- (a) (b) (a) (b)
① cả và ② vì nên
③ chỉ thôi ④ nếu thì
⑤ tuy nhưng

26082 - 0279

09 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

- a. Em đừng nói chuyện với bạn trong khi giờ học.
b. Bạn mặc thử cái váy này xem có vừa hay không.
c. Vào mùa đông này, tôi sẽ đến Hà Nội cho thăm bạn tôi.
d. Sắp đến sinh nhật cháu rồi nên bà Lan đã gửi qua cho cháu.

- ① a, b ② a, c ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082 - 0280

10 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]

A : Chào anh. _____.

B : Tạm biệt em.

- ① Không có gì
② Hẹn gặp lại anh
③ Em gọi nhầm số
④ Anh là giáo viên
⑤ Tính tiền cho em

26082 - 0281

11 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : _____?

B : Mùa xuân. Vì trời ấm và nắng đẹp.

- ① Hôm nay là thứ mấy
② Ngày mai bạn đi đâu
③ Bạn thích mùa nào nhất
④ Bạn mua cái bàn mới chưa
⑤ Bạn muốn lấy quần màu gì

26082 - 0282

12 Hiền의 가족에 관한 글에 언급된 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Gia đình Hiền có 4 người : bố, mẹ, em gái và Hiền. Gia đình của Hiền đang sống ở Đà Lạt. Bố của Hiền là họa sĩ, còn mẹ của Hiền là y tá. Cả hai chị em Hiền đều là nhân viên của ngân hàng VN.

<보기>

- a. 거주지 b. 아버지의 취미
c. 어머니의 나이 d. 여동생의 직업

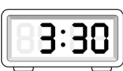
- ① a, b ② a, d ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082 - 0283

13 대화의 내용으로 보아 현재 시각은?

[1점]

A: mấy giờ phim bắt đầu nhỉ?
B: 3 giờ phim bắt đầu.
A: Thế, còn 15 phút đấy.

- ①  ② 
③  ④ 
⑤ 

26082 - 0284

14 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

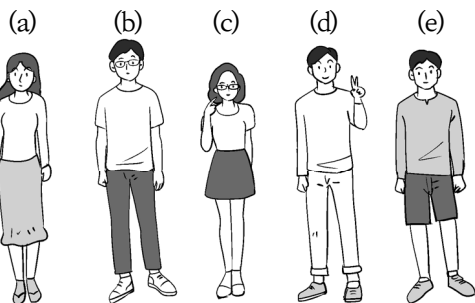
A: Mai ơi, chiều hôm nay đi thư viện với mình, được không?
B: Xin lỗi bạn. _____.
A: Không sao.

- ① Nhà mình không xa
② Bài hát này rất hay
③ Chúc mừng năm mới
④ Mình có hẹn khác rồi
⑤ Mình sẽ mua sách sau

26082 - 0285

15 대화의 내용으로 보아 B의 동생은?

A: Trong ảnh này, ai là em trai của bạn?
B: Người mặc áo ngắn tay và đeo kính.
A: À, mình biết rồi. Em ấy giống bạn nhỉ.



- ① (a) ② (b) ③ (c)
④ (d) ⑤ (e)

26082 - 0286

16 밑줄 친 부분과 의미상 바꾸어 쓸 수 있는 것은?

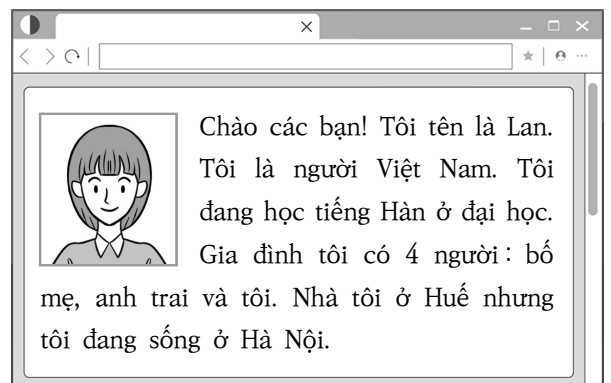


- ① học với ai
② gọi món gì
③ mua sách chưa
④ là người nước nào
⑤ sinh năm bao nhiêu

26082 - 0287

17 글에서 대답을 찾을 수 없는 질문은?

[1점]



- ① Lan đang học gì?
② Lan đang sống ở đâu?
③ Lan đang sống với ai?
④ Lan là người nước nào?
⑤ Gia đình Lan có mấy người?

26082 - 0288

18 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

[1점]



- ① Xin lỗi ② Cảm ơn
③ Mình khỏe ④ Mình đã gặp
⑤ Mình rất vui

26082 - 0289

19 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Alô. Đây có phải là Trung tâm Ngoại ngữ ABC không ạ?
B: Không, _____. Đây là siêu thị ABC.
A: Vậy à? Xin lỗi chị.

- ① đi bộ đến đây được
② vé sáng mai hết rồi
③ anh gọi nhầm số rồi
④ tôi đã gọi mấy lần rồi
⑤ chị không học ngoại ngữ

26082 - 0290

20 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Bạn bị sao thế?
B: Mình thấy hơi chóng mặt và buồn nôn.
A: Bạn hãy đi khám đi.
B: Ừ, mình _____.

- ① đi uống cà phê
② trở thành luật sư
③ định đi gặp bác sĩ
④ làm việc ở bệnh viện VN
⑤ cần mua từ điển Anh-Việt

26082 - 0291

21 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A: Em đã mua áo sơ mi ở đây nhưng áo này _____.
B: Em muốn đổi hay trả lại?
A: Dạ, em muốn đổi ạ.

<보기>

- a. hơi rộng b. màu rất đẹp
c. không đắt lắm d. không vừa với em

- ① a, b ② a, d ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082 - 0292

22 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

A: Cậu đã đi Đà Nẵng bao giờ chưa?
B: Rồi, cuối năm trước tớ đã đi một lần rồi.
A: Cậu đã đi bằng gì?
B: Tớ đã đi bằng máy bay, mất khoảng 1 tiếng.

- ① A và B sắp đi Đà Nẵng.
② B chưa bao giờ đi Đà Nẵng.
③ A đã đi Đà Nẵng mấy lần rồi.
④ A và B đi Đà Nẵng bằng xe lửa.
⑤ Đi Đà Nẵng bằng máy bay mất khoảng 1 tiếng.

26082 - 0293

23 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

[1점]

A: Chào chị. _____.
B: Chào chị. _____?
A: Có 1 chiếc áo dài và mấy quyển sách.
B: _____?
A: Không.

<보기>

- a. Còn có gì nữa không
b. Trong bưu kiện này có những đồ gì
c. Chị cho tôi gửi bưu kiện này đi Hàn Quốc

- ① a - b - c ② b - a - c ③ b - c - a
④ c - a - b ⑤ c - b - a

26082 - 0294

24 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A : Hôm nay, con thi _____?

B : Dạ, con thi hai môn là Địa lí và Lịch sử ạ.

< 보기 >

- a. mấy môn b. lúc mấy giờ
c. những môn gì d. bằng cách nào

- ① a, b ② a, c ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082 - 0295

25 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : _____?

B : Sở thích của mình là đọc sách. Còn bạn?

A : Mình thích nghe nhạc.

- ① Bạn ăn cơm với ai
② Tên của bố bạn là gì
③ Sở thích của bạn là gì
④ Bạn thích loại nhạc nào
⑤ Bạn mua xe máy không

26082 - 0296

26 글의 내용이 가리키는 것은?

[1점]

- Đây là một món ăn tiêu biểu của Việt Nam.
- Sợi bánh của món ăn này được làm bằng gạo.
- Trong món này còn có nước dùng, thịt bò hoặc thịt gà.

* sợi bánh : (국수) 가락 * gạo : 쌀
* nước dùng : 육수

- ① Phở ② Bánh mì
③ Cơm dừa ④ Nước mắm
⑤ Tôm nướng

26082 - 0297

27 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Khi hỏi và trả lời về tuổi, người Việt Nam cũng có thể sử dụng 12 con giáp như người Hàn Quốc. Nhưng khác với Hàn Quốc, trong 12 con giáp của Việt Nam không có tuổi bò, tuổi thỏ và tuổi cừu. Người Việt Nam gọi tuổi bò là tuổi trâu, tuổi thỏ là tuổi mèo và tuổi cừu là tuổi dê.

* cừu : 양 * trâu : 물소 * dê : 염소

< 보기 >

- a. 베트남에서는 띠를 사용해 운수를 본다.
b. 베트남의 물소띠를 한국에서는 소띠라고 한다.
c. 베트남은 한국과 달리 염소띠와 양띠를 모두 사용한다.
d. 베트남과 한국에서는 열두 띠를 사용해 나이를 묻고 답할 수 있다.

- ① a, b ② a, d ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

26082 - 0298

28 '일주사(chùa Một Cột)'에 관한 글에 언급된 것은?



Chùa Một Cột hay còn được gọi là Liên Hoa Đài, nằm ở trung tâm Hà Nội. Chùa được Lý Thái Tông cho xây dựng lần đầu vào năm 1049, nhưng sau đó đã được sửa chữa nhiều lần. Chùa được đặt trên một cây cột nằm ở giữa hồ, trông giống như một bông hoa sen.

* chùa : 절, 사원 * cột : 기둥
* bông hoa sen : 연꽃송이

- ① 건축 연도 ② 관람 시간
③ 관련 전설 ④ 입장 요금
⑤ 연간 방문자 수

I 26082 - 0299 I

29 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Đà Lạt cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 300 km. Vào cuối thế kỉ 19, nơi đây được chọn là địa điểm nghỉ dưỡng dành cho người Pháp ở Đông Dương. Hiện nay, du khách thường đến đây để thăm Nhà ga xe lửa Đà Lạt, hồ Xuân Hương và núi Lang Biang,... Đà Lạt là địa điểm du lịch được nhiều du khách trong và ngoài nước thường tìm đến.

* nghỉ dưỡng : 휴식하다

< 보기 >

- a. Đà Lạt còn có tên là Xuân Hương.
- b. Nhiều du khách đến Đà Lạt bằng tàu thủy.
- c. Đà Lạt cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 300 km.
- d. Nơi đây được chọn là địa điểm nghỉ dưỡng dành cho người Pháp vào cuối thế kỉ 19.

- ① a, b ② a, d ③ b, c
④ b, d ⑤ c, d

I 26082 - 0300 I

30 Nguyễn Trãi에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Su-mi : Linh ơi, trường cậu là trường Nguyễn Trãi, phải không? Nguyễn Trãi có nghĩa là gì?

Linh : Nguyễn Trãi là tên của một anh hùng dân tộc của Việt Nam. Ông đã có những đóng góp to lớn trong việc xây dựng nhà Hậu Lê.

Su-mi : Vậy à? Cho tớ biết thêm thông tin về ông nhé.

Linh : Nguyễn Trãi còn nổi tiếng với các tác phẩm như *Bình Ngô đại cáo*, *Quốc âm thi tập*,... Năm 1980, ông được UNESCO chọn là Danh nhân văn hoá thế giới.

* anh hùng : 영웅 * tác phẩm : 작품

* danh nhân văn hoá : 문화 인물

- ① Còn được gọi là Hậu Lê.
- ② Đã xây dựng các trường học mang tên mình.
- ③ Đã được chọn là Danh nhân văn hoá thế giới.
- ④ Có đóng góp to lớn trong việc viết sách lịch sử.
- ⑤ Đã để lại truyện ngắn cuối cùng tên là *Bình Ngô đại cáo*.

실전 모의고사

1회

【본문 1~6 쪽】

01 ①	02 ④	03 ②	04 ⑤	05 ④
06 ①	07 ②	08 ③	09 ⑤	10 ②
11 ③	12 ②	13 ②	14 ②	15 ④
16 ②	17 ①	18 ①	19 ④	20 ①
21 ⑤	22 ⑤	23 ②	24 ⑤	25 ⑤
26 ③	27 ③	28 ②	29 ④	30 ②

01 출제 의도 낱말의 철자 이해

[정답] ①



탁자

해설 bàn(탁자)이므로, □에 들어갈 글자는 답지 ①이다.

02 출제 의도 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ④

나는 구운 생선 요리를 좋아합니다.

- ① 닭 ② 접시 ③ 증기, 약간
④ 가위 ⑤ 사과

해설 c와 k는 서로 발음이 동일하므로 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ④이다.

03 출제 의도 낱말의 성조 이해

[정답] ②



공

해설 bōng(공)이므로, □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은 답지 ②이다.

04 출제 의도 어휘 trông 이해

[정답] ⑤



- ① 잃다, 걸리다
② 보다
③ (바라)보다
④ (보여서) 보다, 느끼다
⑤ 돌보다

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

05 출제 의도 어휘 tiếng 이해

[정답] ④

- 아버지는 자녀가 책 읽는 _____를 듣고 싶다.
○ 나는 여기부터 거기까지 가는 데 몇 _____ 걸리는지 모른다.

- ① 저울, kg ② 의자
③ 파티, 잔치 ④ 소리, 시간
⑤ (여행) 편

해설 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

06 출제 의도 분류사 이해

[정답] ①



- ① 장(종이류) ② 마리(동물)
③ 개(과일, 동그란 물건) ④ 대(기계류), 한 짝
⑤ 권(서적류)

해설 종이에 대한 분류사는 tờ이므로, 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

07 출제 의도 상관어구 이해

[정답] ②

A: 날씨가 이렇게 더운데 축구하러 가니?

B: 예. (a) 날씨가 덥 (b) 저는 여전히 축구하러 가요.

- | | | | |
|--------|-----|------|--------|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① 모두 | 그리고 | ② 비록 | ~이(지만) |
| ③ ~부터 | ~까지 | ④ 단지 | ~뿐 |
| ⑤ ~하면서 | ~하다 | | |

해설 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

08 출제 의도 어순 이해

[정답] ③



해설 '뚜언 오빠를 바꿔 주세요.'는, làm ơn(~해 주세요)과 'cho + A + 동사'(A로 하여금 동사하게 하다)를 결합하여 Làm ơn cho tôi gặp anh Tuấn.(나로 하여금 뚜언 오빠를 만나게 해 주세요.)으로 쓸 수 있다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

09 출제 의도 복합 문법 이해

[정답] ⑤

- 비문
- 비문
- 내 여동생은 한국 사람이 맞느냐는 질문을 자주 받는다.
- 뚜언 선생님은 인호가 이 두 문장을 이해했는지 아직 이해하지 못했는지를 알고 싶어하신다.

해설 a. chúng tôi(우리)는 복수이므로 các과 함께 쓸 수 없다. 'tất cả + 복수 명사'(모든 명사들), '복수 명사 + đều + 동사/형용사'(명사가 다 ~하다), 'cho + 형용사'(형용사하게)로, Tất cả chúng tôi đều muốn uống trà đá cho mát.(우리 모두는 다 시원하게 아이스차를 마시고 싶다.)이 옳다.
b. 'trong + 명사(구)'(명사 중에) 또는 'trong khi + (주어) + 동사'(주어가 동사하는 동안)이므로, trong thời gian học(공부

하는 시간 중에) 또는 trong khi học(공부하는 동안에)이 옳다. Mình cố gắng không xem điện thoại di động trong khi học.(나는 공부하는 동안에 핸드폰을 보지 않으려고 노력한다.)이 옳다.

c. 'được + 동사'(수동태)와 A là B phải không?(A는 B가 맞아요?)을 함께 썼으므로 Em gái mình hay được hỏi là người Hàn Quốc phải không.은 옳다.

d. Thầy Tuấn muốn biết(뚜언 선생님은 알고 싶어 하신다)과 đã ~ hay chưa?(~했는가 아직 아닌가?)를 함께 썼으므로 Thầy Tuấn muốn biết In-ho đã hiểu hai câu này hay chưa.는 옳다.

따라서 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은 답지 ⑤이다.

10 출제 의도 인사 관련 표현 이해

[정답] ②



- | | |
|-----------|-------------|
| ① 미안해 | ② 안녕, (학생). |
| ③ 매우 안타까워 | ④ 괜찮아 |
| ⑤ 천만에 | |

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

11 출제 의도 감사 관련 표현 이해

[정답] ③



- | | |
|-------------|------------|
| ① 나는 건강해 | ② 천만에 |
| ③ 고마워 | ④ 잘 가/잘 있어 |
| ⑤ 내가 영화를 봤어 | |

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

12 출제 의도 이름 관련 표현 이해

[정답] ②

A : 안녕하세요, 형/오빠.
B : 안녕. 너는 _____?
A : 제 이름은 란이에요.

- ① 누구를 만나니 ② 이름이 뭐니
- ③ 어디에서 사니 ④ 몇 학년이니
- ⑤ 몇 살이니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

13 출제 의도 전화 관련 표현 이해

[정답] ②

A : 여보세요! 뚬언이니?
B : 아니요. 나는 뚬언이 아닙니다.

A : 죄송합니다.

- ① 뚬언입니다
- ② 번호를 잘못 걸었어요
- ③ 뚬언을 만나게 해 주세요(뚬언을 바꿔 주십시오)
- ④ 나중에 다시 걸겠습니다
- ⑤ 뚬언과 얘기하게 해 주세요(뚬언을 바꿔 주십시오)

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

14 출제 의도 날짜 관련 대화 내용 이해

[정답] ②

A : 레의 생일이 며칠이더라?
B : 14일, 내일이야.

해설 대화의 내용으로 보아 오늘 날짜는 답지 ②이다.

15 출제 의도 가족 관련 글 내용 이해

[정답] ④

란 가족은 부모님, 여동생, 남동생 그리고 란입니다. 아버지는 변호사입니다. 어머니는 요리를 잘하고 매우 쾌활합니다. 여동생은 간호사입니다. 남동생은 여행 가는 것을 좋아합니다.

해설 Lan의 가족에 관한 글에 언급된 것은 답지 ④이다.

16 출제 의도 거리 묻기 표현 이해

[정답] ②

A : 여기에서 너의 집까지 _____?
B : 아니요. 단지 약 200미터예요. 우리 걸어가도 돼요.

- ① 얼마나 걸려 ② 머니
- ③ 몇 백 미터니 ④ 걸어갈 수 있니
- ⑤ 카페가 있니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

17 출제 의도 음식 주문 관련 표현 이해

[정답] ①



<보기>

- a. 무엇을 드시겠어요
- b. 무슨 음식을 주문하시겠어요
- c. 무슨 과목 시험 보세요
- d. 무슨 음식을 요리하세요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은 답지 ①이다.

18 출제 의도 쇼핑 관련 표현 이해

[정답] ①

A : 형/오빠, 이 수박은 얼마예요?
B : 1kg에 7만 동입니다.

- ① 어떻게 팔아요 ② 어느 것이 맛있어요
- ③ 몇 살이에요 ④ 맛있어요
- ⑤ 가격을 깎아 줄 수 있어요

해설 밑줄 친 부분과 의미상 바꾸어 쓸 수 있는 것은 답지 ①이다.

19 출제 의도 인물 묘사 관련 표현 이해

[정답] ④



- ① 모자를 썼다.
- ② 치마를 입었다.
- ③ 안경을 썼다.
- ④ 반팔 옷을 입었다.
- ⑤ 축구를 하고 있다.

해설 그림의 인물에 대한 묘사로 알맞은 것은 답지 ④이다.

20 출제 의도 진료 관련 표현 이해

[정답] ①



- ① 왜 그러니
- ② 언제부터 아팠니
- ③ 의사 만났니(진찰받았니)
- ④ 병원에 있니
- ⑤ 이 병원이 어때 보여

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

21 출제 의도 취미 관련 표현 이해

[정답] ⑤

A : 한가할 때, 선생님은 보통 뭐 하세요?
 B : 나는 보통 운동해.
 그런데 너는, _____?
 A : 저는 독서를 좋아해요.

- ① 너는 어디에서 사니
- ② 너는 무엇을 먹고 싶니
- ③ 너는 몇 살이니
- ④ 너는 무슨 책 읽는 것을 좋아하니
- ⑤ 너의 취미는 뭐니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

22 출제 의도 학습 관련 표현 이해

[정답] ⑤

A : 오늘 너는 몇 과목 시험 봐?
 B : 저는 _____.
 A : 시험 잘 봐라.

- ① 다 이해했어요
- ② 이 문장을 이해하지 못했어요
- ③ 수학이 너무 어렵다고 느껴요
- ④ 베트남어 공부에 재미있다고 느껴요
- ⑤ 베트남어와 수학 두 과목 시험 봐요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

23 출제 의도 계절 관련 대화 내용 이해

[정답] ②

A : 란아, 베트남에는 어떤 계절이 있어?
 B : 베트남 북부 지역은 봄, 여름, 가을, 겨울, 4계절이 있어. 그리고 베트남 남부 지역은 단지 우기와 건기만이 있어.
 A : 남북 두 지역에서의 계절이 서로 그렇게 달라?
 B : 그래.

<보기>

- a. 베트남 북부 지역은 가을이 있다.
- b. 베트남 남부 지역은 사계절이 있다.
- c. 베트남 남부 지역은 가끔 눈이 온다.
- d. 베트남 북부와 남부 지역의 계절은 서로 다르다.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은 답지 ②이다.

24 출제 의도 기원 관련 표현 이해

[정답] ⑤

A : 이번 주말에, 형은 / 오빠는 여자 친구와 영화 보러 가려고 해.
 B : 좋겠어요! _____!
 A : 고마워.

- ① (동생) 잘 자
- ② 새해 복 많이 받으세요
- ③ (친구) 맛있게 먹어
- ④ 너의 생일을 축하해
- ⑤ (형 / 오빠) 즐거운 주말을 보내세요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

25 출제 의도 우체국 관련 대화의 흐름 이해

[정답] ⑤

A : 안녕하세요. _____.
 B : _____?
 A : 아니요. _____.
 B : 소포를 저울에 올려놓으세요.

<보기>

- a. (나는) 일반(우편)으로 보내고 싶어요
- b. (오빠는) 속달로 보낼 필요가 있어요
- c. (나는) 한국으로 소포를 보내고 싶어요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은 답지 ⑤이다.

26 출제 의도 인물(호찌민 주식) 관련 글 내용 이해 [정답] ③

- 베트남 사람은 그를 보통 호 큰아버지라고 부른다.
- 그는 베트남 초대 국가 주석이다.
- 베트남에는 그의 이름을 딴 한 도시가 있다.

- ① 쭈반안 ② 응우옌짜이
③ 호찌민 ④ 하이바쯔
⑤ 쩌옹다오

해설 글의 내용이 가리키는 인물은 답지 ③이다.

27 출제 의도 언어문화(속담) 관련 표현 이해 [정답] ③

뚜언: 이번 시험이 매우 어려웠는데 란은 여전히 10점을 맞았어.
하나: 그래. 란은 정말 총명해. 그 친구는 한 번 설명하는 것을 듣기만 해도 바로 다 이해해. 그때, 한국 사람은 보통 “하나를 들으면 열을 안다”라고 말해.
뚜언: 베트남어 역시 그와 비슷한 속담이 있어. 그것은 “_____”이야.
하나: 오, 재미있네.

- ① 그 아버지에 그 자녀
② 유일무이하다
③ 하나를 배우면 열을 안다
④ 동분서주하다
⑤ 말은 쉽고 행동은 어렵다

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

28 출제 의도 예술 문화(쭈옌끼에우) 관련 글 내용 이해 [정답] ②

응우옌주(1766~1820)의 ‘쭈옌끼에우’는 베트남 문학 중 가장 유명한 작품들 중 하나이다. ‘쭈옌끼에우’는 19세기 초에 높 문자로 쓰였다. 이 작품은 총명하면서 아름답지만 행복하지 못한 한 여성, 투이끼에우에 대한 이야기이다. 작품은 한국어로 번역되었다.

해설 쭈옌끼에우(Truyện Kiều)에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은 답지 ②이다.

29 출제 의도 베트남 자연(호안끼엠호수) 관련 글 내용 이해 [정답] ④

호그옌이라고 불리기도 하는 호안끼엠호수는 수도 하노이 중심에 위치해 있다. 호수의 면적은 약 12헥타르이다. 호수 주변에는 역사문화유적이 많이 있으며 이곳의 풍경이 매우 아름답다. 주말 밤에는, 많은 사람이 여기에 와서 (오락) 즐기고 물건을 사며 밤 풍경을 감상한다.

해설 호안끼엠호수(hồ Hoàn Kiếm)에 관한 글에 언급된 것은 답지 ④이다.

30 출제 의도 전통 문화(송땃) 관련 대화 내용 이해 [정답] ②

인호: 송땃은 베트남 음력설의 풍속이라고 하던데, 맞아?
짱: 응, 베트남 사람은 새해 첫날에 처음으로 집을 방문하는 사람을 송땃하는 사람이라고 불러.
인호: 베트남 사람은 왜 그렇게 송땃을 중요시해?
짱: 왜냐하면 베트남 사람은 만약 좋은 사람이 송땃을 하러 오면 그해 내내 자신의 가정에 많은 행운이 있을 거라고 믿기 때문이야.

〈보기〉

- a. 송땃은 새해 첫날의 풍속이다.
b. 베트남 사람은 송땃을 부탁하기 위해 자신보다 나이가 적은 사람을 찾는다.
c. 베트남 사람은 한 해의 마지막 날에 다른 사람 집을 방문하지 않는다.
d. 베트남 사람은 새해 첫날이 좋으면 일 년 내내 또한 좋을 것이라고 생각한다.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은 답지 ②이다.

실전 모의고사

2회

【본문 7~12 쪽】

01 ③	02 ②	03 ②	04 ①	05 ①
06 ②	07 ⑤	08 ②	09 ④	10 ①
11 ③	12 ④	13 ⑤	14 ②	15 ①
16 ③	17 ①	18 ③	19 ⑤	20 ④
21 ③	22 ②	23 ④	24 ③	25 ④
26 ②	27 ⑤	28 ②	29 ②	30 ③

01 출제 의도 낱말의 철자 이해

[정답] ③



안경

해설 ḳinh(안경)이므로, □에 들어갈 글자는 답지 ③이다.

02 출제 의도 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ②

나는 닭고기 퍼를 먹고 싶어요.

- ① 물고기, 생선 ② 기입하다
- ③ 가격 ④ 넘어지다
- ⑤ 듣다

해설 g와 gh는 서로 발음이 동일하므로 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ②이다.

03 출제 의도 낱말의 성조 이해

[정답] ②



그릇

해설 ḅạt(그릇)이므로, □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은 답지 ②이다.

04 출제 의도 어휘 đ̣õr 이해

[정답] ①

A: 너 감기 걸렸다면, 지금은 어때?
B: 어제는 내가 아주 견디기 힘들었어. 하지만 오늘 아침에 약 먹어서 지금은 내가 더 많이 _____해.

- ① 덜하다, 나아지다 ② 기침하다
- ③ 열나다 ④ 춥다
- ⑤ 무겁다

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

05 출제 의도 어휘 đ̣i 이해

[정답] ①

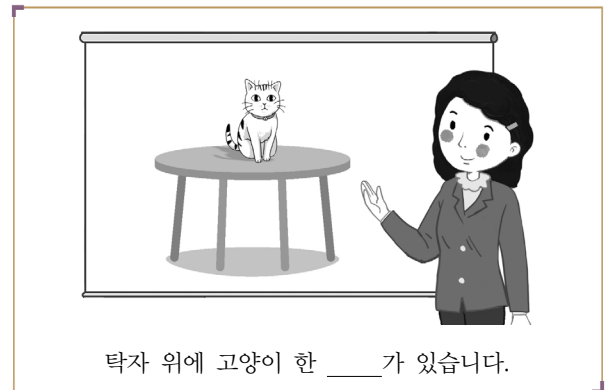


- ① 가다, (신발) 신다, (교통수단) 타다
- ② 낚다(낚시하다), 문장
- ③ 잃다, (시간) 걸리다
- ④ 수리하다, 고치다
- ⑤ 빨래하다

해설 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

06 출제 의도 분류사 이해

[정답] ②



- ① 장(종이류) ② 마리(동물)
- ③ 쌍 ④ 대(기계류), 한 짝
- ⑤ 권(서적류)

해설 동물에 쓰이는 분류사는 con이므로, 그림으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

07 출제 의도 상관어구 이해

[정답] ⑤

A: 란이 공부를 참 잘하네!

B: 그래. 공부 잘하는 거 (a), 그 친구는 또 마음이 착하 (b).

- | | | | |
|--------|---------|------|--------|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① ~부터 | ~까지 | ② 단지 | ~뿐 |
| ③ 만약 | ~하면 | ④ 비록 | ~이(지만) |
| ⑤ ~ 외에 | ~이기도 하다 | | |

해설 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

08 출제 의도 어순 이해

[정답] ②



해설 '수사 + 단위명사 + 명사 + 수식어' 어순으로, một bát phở bò(소고기 퍼 한 그릇)가 옳다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

09 출제 의도 복합 문법 이해

[정답] ④

- 비문
- 나는 푸언 선생님이 결혼했는지 아직 안 했는지 전혀 모른다.
- 비문
- 저는 짱 선생님께 베트남어를 매우 잘한다고 칭찬 받아서 매우 기쁩요.

해설 a. 'sau khi + (주어) + 동사'(주어가 동사한 후에)이므로 sau khi có việc làm(일이 있을(일자리가 생김) 후에)은 옳다. 변화를 나타내는 표현 중, 증가하거나 긍정적인 변화는 '형용사 + ra', 감소하거나 부정적인 변화는 '형용사 + đi'이다. '예뻐지다'는 긍정적인 변화로 đẹp ra가 옳다. Sau khi có việc làm chị Mai trông đẹp ra nhiều.(일이 있을(일자리가 생김) 후에 마이 누나/언니는 많이 예뻐져 보인다.)가 옳다.
b. chẳng ~ đâu(전혀 ~하지 않다)는 강한 부정이며, đã ~ hay chưa(~했는가 아직 안 했는가?)와 함께 쓰였으므로, Mình chẳng biết thầy Tuấn đã lấy vợ hay chưa đâu.는 옳다.
c. '명사 + nào + cũng ~'(어떤 명사이든지 ~) 또는 'tất cả + 명사 + (đều) ~'(모든 명사가 (다) ~)로, Sinh viên nào ở đây cũng nói tiếng Việt được.(여기에 있는 어느 대학생이나 베

트남어를 말할 수 있다.) 또는 Tất cả sinh viên ở đây đều nói tiếng Việt được.(여기에 있는 모든 대학생이 다 베트남어를 말할 수 있다.)이 옳다.

d. 'A + được + B + 동사'(수동태: A는 B에게 ~받다)와 'A + vì + B'(B이기 때문에 A이다)가 함께 쓰였으므로, Em rất vui vì được cô Trang khen là nói tiếng Việt rất giỏi.는 옳다. 따라서 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은 답지 ④이다.

10 출제 의도 안부 관련 표현 이해

[정답] ①

A: 안녕하세요, 누나 / 언니.

B: 안녕. 너는 건강하니?

A: 예. _____.

- 저는 건강해요
- 죄송합니다, 누나 / 언니
- 감사합니다, 형 / 오빠
- 저는 건강하지 않아요
- 누나 / 언니는 보통이에요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

11 출제 의도 사과 관련 표현 이해

[정답] ③



- 먹지 마
- 안녕
- 괜찮아
- 또 만나
- 고마워

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

12 출제 의도 나이 관련 표현 이해

[정답] ④

A: 형 / 오빠의 남동생은 _____?

B: 그 애는 19살이야.

- 무엇을 먹고 있어요
- 어디에서 살아요
- 누구를 만나고 싶어 해요
- 몇 살이에요
- 어느 나라 사람이예요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

13 [출제 의도] 전화 관련 표현 이해

[정답] ⑤

A: 여보세요! 란 선생님을 바꿔 주세요.
B: 란 선생님은 여기에 안 계셔. 너 _____?
A: 아니요. 제가 나중에 다시 걸게요.

- ① 어디 가니 ② 이름이 뭐니
③ 누구와 먹니 ④ 어디에서 일하니
⑤ 메모를 남길 거니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

14 [출제 의도] 시간 관련 대화 내용 이해

[정답] ②

A: 몇 시에 영화가 시작하더라?
B: 3시 반. 15분 더 남았어.

해설 대화의 내용으로 보아 현재 시각은 답지 ②이다.

15 [출제 의도] 가족 관련 표현 이해

[정답] ①



A: 여기가 우리 오빠야.
B: 그 오빠는 너무 미남이네. 그 오빠는 결혼했어?
A: 아직.

- ① 장가가다 ② 밥을 먹다
③ 여자 친구를 만나다 ④ 새 집을 사다
⑤ 애인이 있다

해설 밑줄 친 부분과 의미상 바꾸어 쓸 수 있는 것은 답지 ①이다.

16 [출제 의도] 경험 관련 표현 이해

[정답] ③

A: 너 후에에 가 _____?
B: 그래. 나 한 번 가 봤어.

〈보기〉

- a. 얼마나 오래 됐어 b. 해 봤어
c. 해 봤어 d. 여러 번 했어

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은 답지 ③이다.

17 [출제 의도] 음식 관련 표현 이해

[정답] ①

A: 너 뭐 더 먹을래?
B: 아니요. 저 배불러요.
A: 그럼, 내가 _____게. 여기요, 계산해 주세요.

- ① 돈을 낼 ② 영화 볼
③ 요리할 ④ 더 주문할
⑤ 메뉴를 너에게 가져다 줄

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

18 [출제 의도] 쇼핑 관련 표현 이해

[정답] ③

A: 저기요, 어제 여기에서 이 치마를 샀는데 약간 작아요. _____요?
B: 잠시 기다리세요. 내가 볼게요.

- ① 교환하고 싶어 ② 다른 색깔이 있어
③ 더 큰 사이즈가 있어 ④ 할인해 줄 수 있어
⑤ 더 작은 치마가 있어

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

19 [출제 의도] 광고문 내용 이해

[정답] ⑤




○ 2025/10/3 18시
○ 하노이, ABC운동장
○ 200,000동 / 표
☎ 024 3456 7890

Click!



해설 축구 경기 광고문에 언급되지 않은 것은 답지 ⑤이다.

20 [출제 의도] 진료 관련 표현 이해

[정답] ④



- ① 매우 건강해 ② 운동해
③ 새 옷을 사 ④ 머리가 매우 아파
⑤ 의사가 되고 싶어

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

21 **출제 의도** 취미 관련 대화 내용 이해 [정답] ③

A: 한가할 때, 너는 보통 뭐 해?
B: 나는 음악 듣는 것을 좋아해. 그런데 너의 취미는 뭐야?
A: 나의 취미는 등산이야.

해설 대화의 내용으로 보아 A의 취미는 답지 ③이다.

22 **출제 의도** 학습 관련 표현 이해 [정답] ②

A: 오늘 우리 여기까지 공부하자.
무슨 질문이 있니?
B: 아니요. 저는
A: 너 너무 잘한다.

- ① 이해하지 못했어요
② 다 이해했어요
③ 더 질문하고 싶어요
④ 이 문장을 아직 이해하지 못했어요
⑤ 숙제를 할 수가 없어요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

23 **출제 의도** 날씨 관련 대화 내용 이해 [정답] ④



해설 대화의 내용으로 보아 Hà Nội의 현재 날씨는 답지 ④이다.

24 **출제 의도** 제안 및 수락 관련 대화 내용 이해 [정답] ③

A: 내일이 내 생일이야.
B: 그래? 생일 축하해!
A: 내일 오후에 내 생일 파티에 와!
B: 물론이지.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은 답지 ③이다.

25 **출제 의도** 은행 관련 대화의 흐름 이해 [정답] ④

A: 무엇을 도와드릴까요?
B:?
A:
B: 200달러 바꿔 주세요.

〈보기〉

- a. 오늘 환율이 얼마예요
b. 1달러에 26,000동입니다
c. 미국 달러를 베트남 돈으로 바꾸고 싶어요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 〈보기〉에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은 답지 ④이다.

26 **출제 의도** 전통문화(음력설) 관련 글 내용 이해 [정답] ②

- 음력 1월 1일이다.
- 베트남의 연중 최대 명절이다.
- 베트남 사람이 보통 고향에 가서 가족과 친지를 만나는 때이다.

- ① 중추절 ② 원단절(음력설)
③ 베트남 여성의 날 ④ 베트남 스승의 날
⑤ 베트남 국경일

해설 글의 내용이 가리키는 것은 답지 ②이다.

27 **출제 의도** 생활 문화(베트남 화폐) 관련 글 내용 이해 [정답] ⑤

베트남의 화폐 단위는 ‘동’이며 보통 줄여서 ‘đ’라고 쓰인다. 현재, 베트남에는 지폐와 동전이 모두 있다. 지폐는 백 동부터 오십만 동까지 12종류가 있다. 동전은 이백 동부터 오천 동까지 5종류가 있다. 이백 동 이상 지폐의 앞면에는 모두 호찌민 주석의 초상화가 있다.

해설 베트남 화폐에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은 답지 ⑤이다.

28 **출제 의도** 베트남 지리(사빠) 관련 글 내용 이해 [정답] ②

사빠는 베트남 서북 고산 지대에 위치해 있다. 연중 평균 기온은 단지 15도 정도여서 여름에 많은 사람이 피서를 위해 그리고 아름다운 풍경을 보러 온다. 그리고 겨울에는 가끔 사빠에 눈이 와서 많은 관광객이 눈을 볼 것을 기대하여 여기에 온다.

해설 Sa Pa에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 〈보기〉에서 고른 것은 답지 ②이다.

29 **출제 의도** 예술 문화(बाट짱도자기) 관련 글 내용 이해 [정답] ②

बाट짱도자기는 하노이, बात짱마을에서 만들어지는 각종 도자기의 명칭이다. 전통적인 물품 외에, बात짱도자기는 그릇, 접시, 컵 등과 같이 일상생활에서 사용되는 다양한 종류도 있다. बात짱에 오면, 사람들은 자신의 기호에 따라 도자기를 만드는 프로그램에 참여할 수 있다.

〈보기〉

- a. बात짱마을은 하노이에 있다.
- b. बात짱도자기는 전통적인 물품만 있다.
- c. 하노이에서 만들어지는 각종 도자기는 बात짱도자기라고 불린다.
- d. बात짱에 오는 사람들은 자신의 기호에 따라 도자기를 만들 수 있다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 〈보기〉에서 고른 것은 답지 ②이다.

30 **출제 의도** 생활 문화(피) 관련 글 내용 이해 [정답] ③

피는 하노이의 대표적인 음식이다. 피 한 그릇에는 보통 쌀로 만든 국수 가락, 육수와 함께 소고기 또는 닭고기가 있다. 현재, 피는 세계 각국에 알려져 있다. 한국에도 피를 파는 식당이 많이 있다.

해설 피에 관한 글에 언급된 것은 답지 ③이다.

실전 모의고사

3회

【본문 13~18쪽】

01 ③	02 ⑤	03 ②	04 ①	05 ⑤
06 ④	07 ③	08 ②	09 ②	10 ④
11 ④	12 ③	13 ⑤	14 ②	15 ①
16 ③	17 ④	18 ①	19 ②	20 ①
21 ⑤	22 ①	23 ③	24 ⑤	25 ⑤
26 ③	27 ①	28 ②	29 ③	30 ①

01 **출제 의도** 낱말의 철자 이해

[정답] ③



꽃

해설 hoa(꽃)이므로, □에 들어갈 글자는 답지 ③이다.

02 **출제 의도** 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ⑤

- ① 소 - 호랑이 ② 가위 - 원숭이
- ③ 오렌지 - 시장 ④ 사과 - 알, 달걀
- ⑤ 날 - 직업, 일

해설 ng와 ngh는 서로 발음이 동일하다. 따라서 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ⑤이다.

03 **출제 의도** 낱말의 성조 이해

[정답] ②



생선

해설 cá(생선)이므로, □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은 답지 ②이다.

04 **출제 의도** 어휘 câu 이해

[정답] ①

- 란은 삶에 대한 좋은 _____들을 자주 읽는다.
- 주말마다 나의 아버지는 나의 오빠와 함께 새우 _____ 간다.

- ① 문장, 낱다(낱시하다) ② (일)하다, 만들다
③ 놀다, 연주하다 ④ 소리, 시간, 언어
⑤ 착각하다, 실수하다

해설 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

05 **출제 의도** 어휘 hòng 이해

[정답] ⑤

A: 네 컴퓨터는 왜 켜지지 않니?
B: 왜냐하면 그것은 _____.
A: 그래? 고치러 가.

- ① 팔다 ② 연습하다
③ 고치다 ④ 잇다
⑤ 고장 나다

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

06 **출제 의도** 분류사 이해

[정답] ④



- ① 장(종이류) ② 마리(동물)
③ 개(과일류, 둥근 물건) ④ 짝, 대(기계류)
⑤ 권(서적류)

해설 젓가락 한 짝에 쓰는 분류사는 chiếc이다. 따라서 정답은 답지 ④이다.

07 **출제 의도** 상관어구 이해

[정답] ③

A: 오늘, 너 어디 안 좋니?
B: 저는 (a) 가벼운 감기에 걸렸을 (b) 이에요.

- | | | | |
|--------|-----|--------|-----|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① 모두 | 그리고 | ② ~부터 | ~까지 |
| ③ 단지 | ~뿐 | ④ ~하면서 | ~하다 |
| ⑤ ~할수록 | ~하다 | | |

해설 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

08 **출제 의도** 어순 이해

[정답] ②

A: 실례지만, ABC 병원으로 가는 길을 _____.
B: 유감인데, 나는 몰라.

해설 '2인칭 + làm ơn + 동사'는 '당신이 (동사)해 주세요'이고, 'cho + A + 동사'는 'A로 하여금 (동사)하게 하다'의 의미이다. 그러므로 bà làm ơn cho cháu biết đường đến bệnh viện ABC.(할머니 저로 하여금 ABC 병원으로 가는 길을 알게 해 주세요. = 할머니 ABC 병원으로 가는 길을 좀 알려 주세요.)의 어순이 옳다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

09 **출제 의도** 복합 문법 이해

[정답] ②

- a. 효영은 아직 공부를 시작하지 않았는데 어떻게 알 수 있겠어요.
b. 비문
c. 어느 부모든지 자기 자식이 좋은 사람이 되길 바란다.
d. 비문

해설 a. '아직 ~ 하지 않았다'라는 의미를 가지는 'chưa + 동사'와 '어떻게 ~할 수 있겠어요', 즉 '~할 수 없다'라는 의미를 가지는 'làm sao mà + 동사 + được' 문법이 사용되어 옳은 문장이다.
b. 'sau + 명사(구)(명사 후에) 또는 'sau khi + (주어) + 동사'(주어가 동사한 후에)이므로, sau khi tập thể dục(운동을 한 후에)을 써서 Em nên tắm bằng nước lạnh sau khi tập thể dục.(너는 운동을 한 후에 차가운 물로 목욕하는 것이 좋다.)으로 써야 옳은 문장이다.
c. '명사 + nào + cũng ~'(어떤 명사이든지)과 'trở thành + 명사'(명사가 되다) 문법이 사용되어 옳은 문장이다.
d. 변화를 나타내는 표현 중, 증가하거나 긍정적인 변화는 '형용사 + ra', 감소하거나 부정적인 변화는 '형용사 + đi'인데, '늙다'는 부정적인 변화로 'già đi'로 써서 Trông Lan ngày càng già đi vì dạo này bạn ấy phải làm nhiều việc vất vả.(란은 요즘 힘든 일을 많이 해야만 해서 날이 갈수록 늙어 보인다.)로 써야 옳은 문장이다.
따라서 정답은 답지 ②이다.

10 **출제 의도** 감사 표현 이해

[정답] ④



- ① 너는 건강해 ② 너무 유감이야
③ 너는 15살이야 ④ 고마워
⑤ 이것은 논라야

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

11 **출제 의도** 인사와 안부 관련 표현 이해 [정답] ④

A: 안녕. 너는 건강하니?
B: 저는 _____.

〈보기〉

- a. 또 봐어요 b. 보통이에요
c. 교사예요 d. 별로 건강하지 않아요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

12 **출제 의도** 개인 정보 관련 글 내용 이해 [정답] ③

튀는 간호사입니다. 올해, 튀는 35살입니다. 튀는 호찌 민시에 살고 있습니다. 한가할 때, 튀는 보통 집에서 계임을 합니다.

해설 Thuý에 관한 글에 언급된 것은 답지 ③이다.

13 **출제 의도** 전화 관련 표현 이해 [정답] ⑤

A: 여보세요! 짱 선생님 좀 바꿔 주세요.
B: 짱 선생님은 _____.
A: 그래요? 나중에 다시 걸게요.

- ① 커피 마시는 것을 좋아해요
② 이 길로 직진해요
③ 문자 메시지로 보낼 거예요
④ 보통 일찍 일어나요
⑤ 다른 전화를 받고 있어요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

14 **출제 의도** 날짜 관련 대화 내용 이해 [정답] ②

A: 오늘은 7월 15일이에요. 언제 형/오빠는 일본에 가나요?
B: 2일 후에, 나는 친구들과 함께 가.

해설 대화의 내용으로 보아 B가 일본에 갈 날짜는 7월 15일의 2일 후인 답지 ②이다.

15 **출제 의도** 가족 관련 표현 이해 [정답] ①

A: 네 가족은 _____?
B: 내 가족은 할아버지, 부모님, 오빠 그리고 나, 5명 이야.

- ① 몇 명이니
② 이해하니
③ 언제 고향에 돌아갔니
④ 몇 년도에 태어났니
⑤ 베트남 사람이 맞니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

16 **출제 의도** 이동과 여행 관련 대화의 흐름 이해 [정답] ③

A: 누나/언니, 누나/언니는 _____?
B: 아직, 나는 후에를 아직 가 본 적 없어서 이번에 후에에 갈 거야.
A: 좋겠어요!
누나/언니는 _____?
B: 3일. 너는 _____ 알고 있지?
A: 네, 여기에서 후에까지 약 1시간 걸려요.

〈보기〉

- a. 후에에 얼마나 있을 건가요
b. 후에에 가 본 적 있어요
c. 후에까지 비행기로 가면 얼마나 걸리는지

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 〈보기〉에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은 답지 ③이다.

17 **출제 의도** 음식 관련 표현 이해 [정답] ④



- ① 계산했니
② 수영할 수 있니
③ 배가 고프니
④ 이 음식은 어때
⑤ 여기에는 무엇들이 있니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

18 [출제 의도] 흥정 관련 대화 내용 이해 [정답] ①

A: 오빠, 이 파인애플은 얼마예요?
B: 하나에 3만 동이에요.
A: 비싸네요! 오빠 나에게 가격을 조금 깎아 주세요.
B: 네. 5천 동 깎아 드릴게요.
A: 감사합니다. 하나 주세요.

[해설] 대화의 내용으로 보아 A가 파인애플을 사는 가격은 답지 ①이다.

19 [출제 의도] 비교하기 관련 표현 이해 [정답] ②

A: 너희 반에서 누가 가장 키가 큰 사람이야?
B: 우리 반에서 수호가 가장 키가 커.

- ① 매우 시끄러워 ② 가장 키가 커
③ 키가 나보다 더 작아 ④ 키가 똑같아
⑤ 매우 공부를 잘해

[해설] 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

20 [출제 의도] 진찰 관련 표현 이해 [정답] ①

A: 너 _____?
B: 저는 어제 저녁부터 배가 아파요.

- ① 어디 안 좋니
② 어느 음식을 먹었니
③ 약을 먹었니
④ 무엇으로 여기에 오니
⑤ 느끼기에 이 방은 어때

[해설] 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

21 [출제 의도] 날씨 관련 대화 내용 이해 [정답] ⑤



[해설] 대화의 내용으로 보아 썬터의 오늘 날씨는 답지 ⑤이다.

22 [출제 의도] 취미 관련 표현 이해 [정답] ①

A: 쉬는 날, _____?
B: 나는 보통 여동생과 함께 빵을 만들어.

- ① 너는 보통 무엇을 하니
② 너는 몇 시에 학교를 가니
③ 너는 빵 만드는 데 얼마나 걸리니
④ 너는 어떤 전화번호를 사용하니
⑤ 너는 언제 조부모님을 뵈러 가니

[해설] 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

23 [출제 의도] 학습 관련 대화 내용 이해 [정답] ③

A: 애야, 너희 학교는 내일 시험을 시작하는 게 맞지?
B: 네, 맞아요. 내일 저는 베트남어, 수학 그리고 역사 세 과목을 시험 볼 거예요.
A: 너는 수학 공부하는 것을 좋아하니?
B: 아니요. 저는 수학이 매우 어렵다고 느끼지만, 공부를 잘하기 위해서 노력하는 중이에요.

- ① B는 어제 시험을 봤다.
② A는 베트남어 공부하는 것을 좋아한다.
③ B는 수학 공부하는 것이 매우 어렵다고 느낀다.
④ A와 B는 영어 수업을 함께 듣는 친구이다.
⑤ 내일이 시험이지만 A는 여전히 아무것도 준비하지 않았다.

[해설] 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ③이다.

24 [출제 의도] 제안 및 수락 관련 표현 이해 [정답] ⑤

A: 다음 주 금요일에 너 나와 함께 축구 보러 갈 수 있어?
B: _____. 왜냐하면 저는 다른 약속이 없어서요.
A: 그럼 그날 다시 만나자.

- ① 미안해요 ② 유감이에요
③ 다음번에요 ④ 안 돼요
⑤ 당연히 돼요

[해설] 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

25 [출제 의도] 우체국 관련 표현 이해 [정답] ⑤

A: 누나는 _____?
B: 아니요, 일반(우편)으로요.
A: 네, 제게 편지를 주세요.

- ① 이름이 무엇인가요
- ② 얼마짜리 지폐가 필요하세요
- ③ 진찰받으러 갔나요
- ④ 받는 사람의 이름을 적었나요
- ⑤ 등기로 보내시길 원하나요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

26 **출제 의도** 지리(하노이) 관련 글 내용 이해 **[정답] ③**

- 베트남의 수도이다.
- 베트남 북부에 위치해 있다.
- 호안끼엠호수, 띠호수 등과 같은 아름다운 호수가 많이 있다.

- ① 후에 ② 달랏 ③ 하노이
- ④ 다낭 ⑤ 호찌민시

해설 글의 내용이 가리키는 도시는 하노이이므로 정답은 답지 ③이다.

27 **출제 의도** 언어문화(남북 언어 차이) 관련 대화 내용 이해 **[정답] ①**

- 히옌: 수호야, 우리 이 과일 살래?
 수호: 응. 그런데 너는 왜 “trái cây”라고 하는 거야?
 “hoa quả”라고 해야 하는 거 아냐?
 히옌: 아, 내가 까먹었어. 나는 남부 지역 사람인데 너
 는 북부 지역에서 베트남어를 공부했지. 남부 지
 역에서는 “trái cây”라고 하면 북부 지역에서의
 “hoa quả”를 의미해.
 수호: 그래? 베트남어는 공부할수록 어렵게 느껴져!

해설 베트남 남북 언어 차이에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ①이다.

28 **출제 의도** 전통문화(림 축제) 관련 글 내용 이해 **[정답] ②**

- 림 축제는 베트남 북부 지역에 위치한 도시인 박닌의 대표적인 축제이다. 매년 림 축제는 보통 음력 1월에 약 2, 3일 동안 개최된다. 림 축제는 많은 문화예술 프로그램이 있다. 그중에 베트남 유명한 민요의 한 종류인 판호 부르기라는 특별한 프로그램이 있다.

해설 림 축제에 관한 글에 언급된 것은 답지 ②이다.

29 **출제 의도** 생활 문화(느억맘) 관련 글 내용 이해 **[정답] ③**

느억맘은 베트남인의 식사에서 빠질 수 없는 것이다. 느억맘은 보통 각종 신선한 생선, 새우와 바다 소금으로 만들어진다. 베트남인은 요리하거나 음식을 찍어 먹기 위해 느억맘을 사용한다. 푸꾸옥과 판티엣은 베트남에서 느억맘으로 유명한 두 곳이다.

〈보기〉

- a. 소고기와 바다 소금으로 만들어진다.
- b. 요리하거나 음식을 찍어 먹기 위해 사용된다.
- c. 푸꾸옥의 유명한 것들 중 하나이다.
- d. 프랑스인의 식사에서 빠질 수 없는 것이다.

해설 느억맘에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 〈보기〉에서 고른 것은 답지 ③이다.

30 **출제 의도** 예술 문화(수상 인형극) 관련 글 내용 이해 **[정답] ①**

수상 인형극은 베트남에서 아주 오래전부터 있었던 무대 공연 예술 중 하나이다. 배우들은 보통 물 표면 위에서 공연하기 위해 인형을 사용한다. 수상 인형극은 보통 옛날 북부 사람의 일상생활을 묘사한다. 현재 베트남에 오는 외국 관광객은 수상 인형극을 보는 것을 보통 매우 좋아한다.

해설 수상 인형극에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ①이다.

실전 모의고사

4회

【본문 19~24 쪽】

01 ⑤	02 ②	03 ③	04 ①	05 ④
06 ③	07 ⑤	08 ①	09 ②	10 ②
11 ③	12 ④	13 ⑤	14 ②	15 ③
16 ④	17 ①	18 ①	19 ⑤	20 ③
21 ①	22 ④	23 ①	24 ⑤	25 ①
26 ①	27 ④	28 ②	29 ②	30 ④

01 출제 의도 낱말의 철자 이해

[정답] ⑤



פה, 쌀국수

해설 phở(פה, 쌀국수)이므로, □에 들어갈 글자는 답지 ⑤이다.

02 출제 의도 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ②

저희 집에서 하노이역까지는 꽤 멀어요.

- ① (발로) 차다, 얼음 ② 의자
③ 야채 ④ 춤추다
⑤ 달, 월

해설 g와 gh는 서로 발음이 동일하다. 따라서 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ②이다.

03 출제 의도 낱말의 성조 이해

[정답] ③



돼지

해설 lợn(돼지)이므로, □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은 답지 ③이다.

04 출제 의도 어휘 tra 이해

[정답] ①

- 저는 매달 말에 집세를 _____.
○ 로안은 어제 빌렸던 책을 나에게 다시 _____.

- ① 지불하다, 돌려주다
② 번역하다
③ 추측하다
④ (감상하면서) 보다, 구경하다
⑤ 보다, ~로 보이다

해설 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

05 출제 의도 어휘 khát 이해

[정답] ④



- ① 배부르다 ② 맵다 ③ 좁다
④ 목마르다 ⑤ 마시다

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

06 출제 의도 분류사 이해

[정답] ③

A: 형/오빠, 이 신발 _____는 얼마예요?
B: 삼백만 동이에요.

- ① 장(종이류)
② 마리(동물)
③ 쌍, 켤레(쌍을 이루는 물건)
④ 개(파일류, 둥근 물건)
⑤ 권(서적류)

해설 신발처럼 쌍을 이루는 물건에 쓰는 분류사는 đôi이다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

07 출제 의도 상관어구 이해

[정답] ⑤

A: 누나/언니가 느끼기에 이 음식은 어때요?
B: (a) 조금 짜 (b) 맛있어.

- (a) (b) (a) (b)
① 모두 그리고 ② ~부터 ~까지
③ 보내다 ~로 ④ ~이기도 하다 더
⑤ 비록 ~지만

해설 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

08 출제 의도 어순 이해

[정답] ①



해설 분류사와 지시사가 함께 쓰이는 경우의 어순은 '분류사 + 명사 + 지시사'이며, '시험 삼아 ~하다, ~해 보다'의 의미를 가지는 thử는 '동사 + thử'의 형태로 사용되어 ăn thử quả cam này(이 오렌지를 먹어 봐도)의 어순이 되어야 옳다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

09 출제 의도 복합 문법 이해

[정답] ②

- 비는 새 전화를 잃어버려서 하루종일 찾으러 다녔다.
- 비문
- 비문
- 모든 베트남 민족은 모두 국가 발전에 기여하기 위해 노력한다.

해설 a. 대상이 어떤 부정적인 일을 당할 때 또는 그러한 의미의 수동태 형식 'bị'와 '명사 내내'를 의미하는 'cả + 시간명사' 문법이 사용되어 옳은 문장이다.
b. '주어가 아무것도 ~하지 않다'의 강한 부정의 의미를 나타내는 표현은 '주어 + chưa / không / chẳng + 동사 + gì + cả'이므로, Sắp đến ngày thi rồi nhưng các bạn trong lớp này chưa chuẩn bị gì cả.(시험일이 곧 다가오지만 이 반 친구들은 아무것도 준비하지 않았다.)로 써야 옳은 문장이다.
c. B의 내용을 부정하며 A의 내용을 강조하는 'A(이)지 B는 않다' 의미의 'A chứ không B'는 A와 B가 명사인 경우 'A chứ không phải là B'(A(이)지 B가 아니다)이므로, Phim hành động này chỉ dành cho người từ 19 tuổi chứ không phải là từ 15 tuổi.(이 액션영화는 15세 이상이 아니라 19세 이상만을 위한 것이다.)로 써야 옳은 문장이다.
d. 'tất cả các + 명사 + đều'(모든 명사는 모두 ~하다)와 '~하기 위해서'를 의미하는 'để + 동사' 문법이 사용되어 옳은 문장이다.
따라서 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은 답지 ②이다.

10 출제 의도 주소 관련 표현 이해

[정답] ②

- A: 미나야, 한국에서 너는 _____?
B: 나의 집은 서울에 있어.

- 누구를 만나
- 어디에서 살아
- 직업이 뭐야
- 몇 살이야
- 빵 먹는 것을 좋아해

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

11 출제 의도 사과 관련 표현 이해

[정답] ③



- 조금 비싸
- 드세요, 누나
- 괜찮아
- 나의 이름은 뚜언이야
- 생일 축하해

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

12 출제 의도 인사 관련 표현 이해

[정답] ④

- A: 안녕 친구. 내일 만나자.
B: _____!

<보기>

- 천만에
- 잘 가
- 내가 말할게
- 또 만나

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은 답지 ④이다.

13 출제 의도 전화 관련 표현 이해

[정답] ⑤

- A: 여보세요! ABC 식당입니다.
B: 안녕하세요. 저는 오늘 저녁 7시에 테이블을 예약하고 싶습니다.
A: 네. _____?
B: 제 전화번호는 010 1234 5678입니다.

- 당신은 어디에서 일을 하십니까
- 당신은 몇 년도에 태어났습니까
- 당신은 가정을 이루었습니까
- 당신의 회사 주소는 무엇입니까
- 당신의 전화번호는 몇 번입니까

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

14 **출제 의도** 시간 관련 대화 내용 이해 [정답] ②

A: 동생아, 지금 몇 시야?
B: 지금 5시가 되었어요.
A: 세상에! 10분 뒤에 영화가 시작할 거야.

해설 대화의 내용으로 보아 영화가 시작하는 시각은 답지 ②이다.

15 **출제 의도** 가족 관련 글 내용 이해 [정답] ③

란의 가족은 부모님, 언니, 란 그리고 남동생, 5명입니다. 란의 부모님은 모두 변호사이십니다. 2년 전에 란의 언니는 한국어를 공부하기 위해서 한국에 왔습니다. 란의 남동생은 대학교 2학년 학생입니다.

- ① 아버지는 올해 몇 살이십니까?
- ② 언니는 결혼했습니까?
- ③ 남동생은 대학교 몇 학년 학생입니까?
- ④ 란은 부모님과 함께 살고 있습니까?
- ⑤ 어머니는 몇 시부터 몇 시까지 일을 하십니까?

해설 Lan의 가족에 관한 글에서 대답을 찾을 수 있는 질문은 답지 ③이다.

16 **출제 의도** 경험 관련 표현 이해 [정답] ④

A: 형/오빠는 언제 다낭에 여행을 갔어요?
B: _____.

〈보기〉

- a. 2주 후에 b. 작년에
- c. 몇 달 후에 d. 며칠 전에

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 〈보기〉에서 고른 것은 답지 ④이다.

17 **출제 의도** 음식 주문 관련 표현 이해 [정답] ①



- ① 이미 배불러요 ② 아직 먹지 않았어요
- ③ 너무 배가 고파요 ④ 더 주문하고 싶어요
- ⑤ 구운 새우 한 접시를 더 먹을 거예요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

18 **출제 의도** 쇼핑 관련 대화의 흐름 이해 [정답] ①

A: 안녕하세요. _____?
B: 나는 바지를 사고 싶어요.
_____?
A: 60만 동이에요.
B: 오, 이 바지는 예쁘고 나에게 맞지만 좀 비싸네요!
_____?
A: 안 돼요. 저희는 정가로 팔아요.
B: 그래요? 그럼 이 바지 하나 주세요.

〈보기〉

- a. 무엇을 사고 싶은가요
- b. 이 바지는 얼마예요, 언니
- c. 가격을 깎아 주실 수 있나요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 〈보기〉에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은 답지 ①이다.

19 **출제 의도** 진료 관련 표현 이해 [정답] ⑤

A: 지금 형/오빠는 몸이 어때요?
B: 나는 여전히 열이 나고 머리가 아파.
A: 형/오빠는 _____.

- ① 더 나아졌어요
- ② 어지러워요
- ③ 일찍 일어나는 게 좋아요
- ④ 운동하러 가야 해요
- ⑤ 당장 진찰받으러 가세요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

20 **출제 의도** 광고문 내용 이해 [정답] ③

 dulich_abc_123



dulich_abc_123 사빠 여행
2박 3일 (하노이에서 출발)
○ 기차로 감
○ 단지 3.000.000동 / 1인
(6인 이상 그룹은 10% 할인됨)
○ 연락처 : (024) 123 4567

해설 광고문에 언급되지 않은 것은 답지 ③이다.

21 **출제 의도** 취미 관련 내용 이해 [정답] ①

A : 너의 취미는 무엇이니?
B : 나의 취미는 주말마다 사진을 찍으러 가는 거야.

해설 대화의 내용으로 보아 B의 취미는 답지 ①이다.

22 **출제 의도** 학습 관련 표현 이해 [정답] ④

A : 오늘 우리 여기까지 공부하자. 너희들 더 물어볼 것이 있니?
B : 있어요. _____.

- ① 저는 다 이해했어요
- ② 저는 2과목 시험 볼 거예요
- ③ 저는 수학 과목을 좋아해요
- ④ 잠시 여쭙볼게요
- ⑤ 이 과는 그다지 어렵지 않아요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

23 **출제 의도** 계절 관련 대화 내용 이해 [정답] ①

인호 : 짱아, 베트남의 날씨는 어때?
짱 : 베트남 북부와 남부의 날씨는 서로 달라. 북부에는 봄, 여름, 가을, 겨울, 4계절이 있어. 그런데 남부에는 우기와 건기, 2계절만 있어.
인호 : 그래? 재미있네! 그럼, 베트남 북부의 겨울은 춥니?
짱 : 한국만큼 춥지 않지만 가끔 몇몇 곳에 눈이 와.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ①이다.

24 **출제 의도** 축하(기원) 관련 표현 이해 [정답] ⑤



- ① 소란스럽게 하지 마
- ② 잘 자
- ③ 이것은 엄마의 사진이야
- ④ 이 옷의 가격은 매우 저렴해
- ⑤ 맛있게 먹어

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

25 **출제 의도** 은행 관련 표현 이해 [정답] ①

A : 나는 미화 200달러를 베트남 돈으로 바꾸고 싶어요.
B : 네. 형/오빠는 _____?
A : 나에게 50만 동짜리 지폐를 주세요.

- ① 얼마짜리 지폐가 필요하세요
- ② 등기로 보낼 필요가 있으세요
- ③ 몇 시에 놀러 가고 싶으세요
- ④ 이 음식을 먹어 볼 수 있으세요
- ⑤ 저와 함께 갈 시간이 있으세요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

26 **출제 의도** 생활 문화(싸움) 관련 글 내용 이해 [정답] ①

○ 베트남에서 보편적인 이동 수단이다.
○ 오토바이로 손님이 원하는 장소에 손님을 데려다주는 서비스이다.
○ 손님은 휴대 전화의 앱을 통해 이 수단을 예약할 수 있다.

- ① 싸움
- ② 자전거
- ③ 기차
- ④ 버스
- ⑤ 배

해설 글의 내용이 가리키는 것은 답지 ①이다.

27 **출제 의도** 베트남 개관(민족) 관련 글 내용 이해 [정답] ④

베트남은 모두 54개의 민족이 있다. 그중에서 비엣족이라고도 불리는 킨족이 인구수가 가장 많다. 킨족은 보통 평야와 도시에 살고, 소수 민족은 보통 산간 지대에서 산다. 그래서 각 민족들의 생활이 꽤 많이 서로 다르다.

해설 베트남 민족에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ④이다.

28 **출제 의도** 인물(민망) 관련 글 내용 이해 [정답] ②

민망(1791~1841)은 응우옌 왕조의 두 번째 왕이다. 그의 본명은 응우옌푹담이다. 1820년 왕위에 오른 후, 그는 큰 업적을 많이 남겼다. 1821년, 그는 후예에 있는 국가감을 확장시켰다. 그는 또한 1838년에 베트남의 국명을 다이남으로 변경하였다.

해설 민망에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은 답지 ②이다.

29 **출제 의도** 예술 문화(베트남 미술 박물관) 관련 글 내용 이해 [정답] ②

베트남 미술 박물관은 하노이 응우옌타이후 거리에 위치해 있다. 박물관은 1930년대에 프랑스인에 의해 건설되었다. 처음에 이곳은 다른 용도로 사용되었지만 이후 확장되어 박물관이 되었다. 현재 박물관은 베트남 미술을 대표하는 2만 점 넘는 작품을 보관하고 있다.

해설 베트남 미술 박물관에 관한 글에 언급되지 않은 것은 답지 ②이다.

30 **출제 의도** 전통문화(베트남 여성의 날) 관련 대화 내용 이해 [정답] ④

뚜언: 안녕. 여성의 날을 축하해!
미나: 고마워. 그런데 여성의 날은 3월 8일인데, 맞지?
뚜언: 너 모르니? 3월 8일은 국제 여성의 날이고, 10월 20일은 베트남 여성의 날이야.
미나: 그래? 이날들에 베트남인들은 보통 어떻게 축하해?
뚜언: 베트남인은 보통 자기 주변의 여성들에게 꽃과 선물을 주고 덕담을 전해.
미나: 그럼 나도 2번 축하받겠네. 너무 좋다!

- ① 3월 8일이다.
- ② 베트남의 공휴일이다.
- ③ 여성이 남성을 위해 요리하는 날이다.
- ④ 여성에게 덕담을 전하는 날이다.
- ⑤ 베트남 여성만 서로에게 선물을 주는 날이다.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ④이다.

실전 모의고사

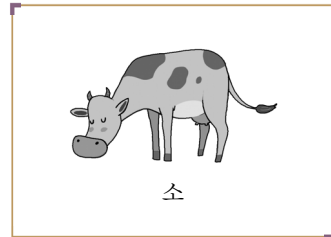
5회

【 본문 25~30 쪽 】

01 ①	02 ③	03 ②	04 ④	05 ①
06 ①	07 ⑤	08 ⑤	09 ②	10 ②
11 ③	12 ①	13 ⑤	14 ③	15 ④
16 ④	17 ②	18 ⑤	19 ③	20 ⑤
21 ③	22 ③	23 ②	24 ⑤	25 ②
26 ③	27 ③	28 ④	29 ②	30 ①

01 **출제 의도** 낱말의 철자 이해

[정답] ①



해설 bò(소)이므로, □에 들어갈 글자는 답지 ①이다.

02 **출제 의도** 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ③

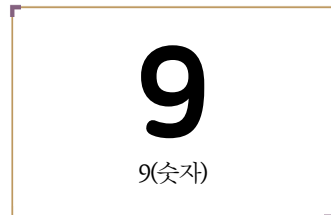


- ① 개
- ② 손, 팔
- ③ 안경, 유리
- ④ 칭찬하다
- ⑤ 낮다, 키가 작다

해설 c와 k는 서로 발음이 동일하므로 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ③이다.

03 **출제 의도** 낱말의 성조 이해

[정답] ②



해설 (숫자)9는 chín이므로, □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은 답지 ②이다.

04 출제 의도 어휘 quên 이해

[정답] ④

A: 오, 너의 이름이 뭐지?
미안하지만 내가 _____.
B: 괜찮아요. 제 이름은 마이예요.

- ① 먹다 ② 말하다 ③ 보다
④ 잊다 ⑤ 내리다

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 ‘잊다’의 의미를 가진 quên이다. 따라서 정답은 답지 ④이다.

05 출제 의도 어휘 đá 이해

[정답] ①

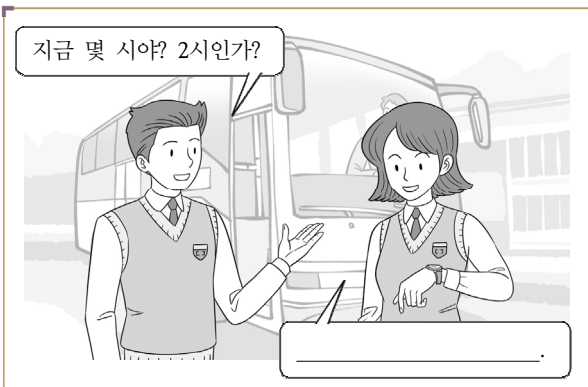
○ 나의 형은/오빠는 공 _____는 것을 좋아한다.
○ 나는 보통 _____ 블랙커피를 마신다.

- ① 차다, 얼음 ② 사다
③ 놀다, 연주하다 ④ 달다
⑤ 뜨겁다, 덥다

해설 đá는 ‘(공을) 차다’, ‘얼음’의 의미를 가지고 있다. 첫 번째 문장에서는 동사의 의미(차다)로 쓰였으며, 두 번째 문장에서는 명사의 의미(얼음)로 쓰였다. 따라서 정답은 답지 ①이다.

06 출제 의도 어순 이해

[정답] ①



해설 시간을 묻고 답하는 대화로, 질문에서 ‘2시인가?’라고 한 점에 비추어 볼 때 현재 시각은 2시에 가까워지고 있는 상황이다. 베트남어에서 ‘~시 ~분 전’을 표현할 때는 ‘시 + kém + 분’의 어순을 사용하므로, ‘2시 5분 전’은 Hai giờ kém năm phút이 된다. 따라서 정답은 답지 ①이다.

07 출제 의도 분류사 이해

[정답] ⑤

A: 이 가방은 왜 이렇게 무거워?
B: 가방 안에 책 5_____이 들어 있기 때문이야.

- ① 장(종이류) ② 마리(동물)
③ 쌍, 벌, 켄레 ④ 개(과일류, 둥근 물건)
⑤ 권(서적류)

해설 책에 대한 분류사는 quyển이다. 따라서 정답은 답지 ⑤이다.

08 출제 의도 상관어구 이해

[정답] ⑤

A: 너가 보기에 마이 누나/언니는 어때?
B: 그녀는 예쁘 (a) _____ 똑똑 (b) _____.

- | (a) | (b) | (a) | (b) |
|----------|-------|-------|-------|
| ① 모두 | 그리고 | ② ~부터 | ~까지 |
| ③ 단지 | ~일(뿐) | ④ 만약 | ~(하)면 |
| ⑤ ~(하)면서 | ~하다 | | |

해설 문맥상 상관어구 ‘vừa + A + vừa + B’가 사용되어 vừa đẹp vừa thông minh.(예쁘면서 똑똑해요.)이라는 문장이 만들어져야 한다. 따라서 정답은 답지 ⑤이다.

09 출제 의도 복합 문법 이해

[정답] ②

- a. 뚜언은 마이 선생님에게 칭찬을 받았다.
b. 비문
c. 여기 있는 모든 사람들은 모두 다 모자를 쓰고 있다.
d. 비문

해설 a. ‘주어 + được + 대상 + 동사’의 형태에서 được은 ‘주어가 어떤 긍정적인 일을 받아들인다’는 의미의 수동태 표현이므로 옳다.
b. ‘sau + 명사(구)’(명사 후에) 또는 ‘sau khi + (주어) + 동사’ (주어가 동사한 후에)이므로, Sau khi về nhà, bố đi tập thể dục ngay.(집에 온 후에, 아버지는 바로 운동을 하러 가셨다.)로 써야 옳은 문장이다.
c. tất cả mọi + 명사 + đều ~는 ‘모든 명사는 다 / 모두 ~하다’를 표현하는 문법으로 그 쓰임이 옳다.
d. 강한 부정을 나타내는 표현은 ‘부정어(không, chẳng, chưa) + 동사 + 의문사(gì, ai, đâu, 명사 + nào) + cả’이므로, Tôi đã ăn cơm nhiều nên bây giờ không muốn ăn gì cả.(나는 밥을 많이 먹어서 지금은 아무것도 먹고 싶지 않다.)로 써야 옳은 문장이다.
따라서 문장 표현이 옳은 것은 a와 c이므로 정답은 답지 ②이다.

10 출제 의도 인사 관련 표현 이해

[정답] ②



- ① 천만에 ② 또 만나
③ 나는 아주 건강해 ④ 괜찮아
⑤ 나는 보통이야

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

11 출제 의도 직업 관련 표현 이해

[정답] ③

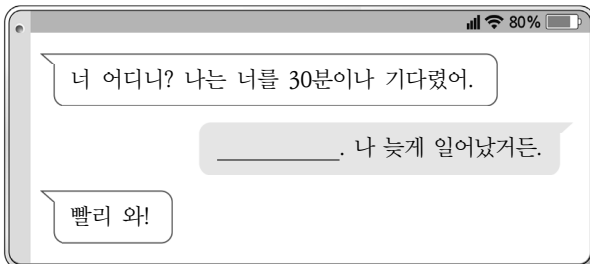
A: 너의 형은/오빠는 _____?
B: 그는 대학생이야.

- ① 어디에 가니 ② 어머니
③ 직업이 무엇이니 ④ 그곳에 얼마나 오래 있니
⑤ 키가 크니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

12 출제 의도 사과 관련 표현 이해

[정답] ①



- ① 미안해 ② 고마워 ③ 잘 가
④ 괜찮아 ⑤ 통화 중이야

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

13 출제 의도 일과 관련 글 내용 이해

[정답] ⑤

어제, 마이와 언니는 부모님을 위한 선물을 사러 가고 함께 점심을 먹었다. 그 후 마이와 언니는 시험을 준비하기 위해 도서관에 가서 공부했다.

해설 마이와 언니가 어제 한 일을 순서대로 바르게 배열한 것은 'c-b-a'이므로 정답은 답지 ⑤이다.

14 출제 의도 개인 정보 관련 글 내용 이해

[정답] ③

나의 이름은 마이야. 올해 나는 23살이야. 나는 대학교 3학년 학생이야. 나의 가족은 부모님, 누나/언니와 나 4명이야. 나의 누나/언니는 영어 교사이고 나보다 2살이 많아.

해설 글의 내용에서 마이 아버지의 직업에 대한 것은 알 수 없으므로 대답을 찾을 수 없는 질문은 답지 ③이다.

15 출제 의도 전화 관련 표현 이해

[정답] ④

A: 여보세요. HQ 회사의 직원 마이입니다. 뚜언 씨 좀 바꿔 주세요.
B: 죄송합니다만 뚜언 씨는 지금 바빠서 전화를 받을 수 없어요. 전해드릴 게 있을까요?
A: 아니요. 나는 _____.

<보기>

- a. 바쁘지 않습니다
b. 다음에 다시 걸겠습니다
c. 이미 전화기를 샀습니다
d. 그에게 문자를 보내겠습니다

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 b와 d이다. 따라서 정답은 답지 ④이다.

16 출제 의도 광고문 내용 이해

[정답] ④

 VN 버스 회사

205,000
동/표

호찌민시에서 무이네로 가는 버스

▶ 출발시간 : 07:00, 09:00, 15:00, 17:00
▶ 판매처와 출발지 : 호찌민시 부이비엔 28(번지)
▶ 전화 : 08 38309308



해설 광고문에서 언급되지 않은 것은 답지 ④이다.

17 **출제 의도** 수락 관련 표현 이해

[정답] ②



〈보기〉

- a. 가능하고 말고 b. 안 돼
c. 다음에 하자 d. 당연히 가능하지

해설 영화를 보러 가자는 친구의 제안에 대해 수락하는 대답으로 알맞은 것은 a와 d이므로 정답은 답지 ②이다.

18 **출제 의도** 제안 관련 대화 이해

[정답] ⑤

- A: 9월 3일이 마이의 생일이이지?
B: 응, 다음 주 수요일이야. 그럼, 이번 주 일요일에 우리 함께 선물 사러 가자.
A: 나는 이미 약속이 있어. 아니면 토요일에 가는 건 가능해?
B: 가능해.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

19 **출제 의도** 전화 관련 표현 이해

[정답] ③



- ① 천만요
② 통화 중이에요
③ 전화 잘못 거셨어요
④ 다음에 다시 전화하겠습니다
⑤ ABC 회사입니다

해설 대화의 내용 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

20 **출제 의도** 날씨 관련 대화 내용 이해

[정답] ⑤

- A: 요새 후에 날씨는 어때?
B: 어제는 비가 많이 오고 바람이 강하게 불었지만 오늘은 날씨가 맑고 화창해.

해설 어제까지 비가 오던 날씨가 오늘부터 맑고 화창해졌다고 했기 때문에 정답은 답지 ⑤이다.

21 **출제 의도** 주문 관련 표현 이해

[정답] ③

- A: _____?
B: 저에게 밀크커피 한 잔 주세요.
A: 잠시만 기다리세요.

- ① 어디 가는 중이세요 ② 무엇을 하는 중이세요
③ 무엇을 드시겠어요 ④ 건강하세요
⑤ 밥 먹었나요

해설 대화의 내용 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

22 **출제 의도** 쇼핑 관련 대화의 흐름 이해

[정답] ③

- A: 저기, 이 오렌지는 _____?
B: 1kg에 65,000동이에요. _____ 사요?
A: 약간 비싸. 너는 _____?
B: 2kg 사면 5,000동 깎아 드릴게요.

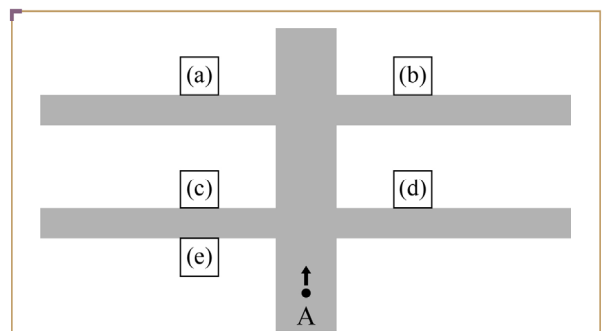
〈보기〉

- a. 몇 킬로
b. 어떻게 팔아
c. 가격을 깎아 줄 수 있어

해설 대화의 흐름에 맞는 순서는 'b-a-c'이므로 정답은 답지 ③이다.

23 **출제 의도** 길 묻기 대화 내용 이해

[정답] ②

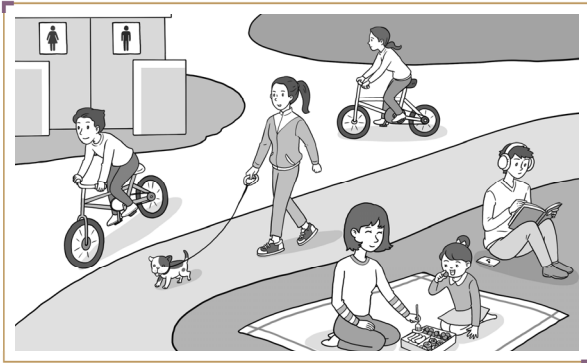


A: 길 좀 묻겠습니다. 하노이 우체국이 어디에 있나요?
B: 이 길로 쭉 가다 두 번째 사거리에서 오른쪽으로 도세요. 하노이 우체국은 왼편에 있어요.
A: 감사합니다.

해설 대화의 내용으로 보아 A가 가고자 하는 곳은 (b)이므로 정답은 답지 ②이다.

24 **출제 의도** 묘사 표현 이해

[정답] ⑤



- ① 한 사람이 뛰고 있다.
- ② 강아지 한 마리가 물을 마시고 있다.
- ③ 두 사람이 앉아 음악을 듣고 있다.
- ④ 화장실 앞에 큰 나무가 한 그루 있다.
- ⑤ 길에서 두 사람이 자전거를 타고 있다.

해설 그림에 대한 설명으로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

25 **출제 의도** 증상 관련 대화 내용 이해

[정답] ②

A: 마이야, 너 어디가 안 좋니?
B: 요새 단 것을 많이 먹어서 이가 아파.
A: 그럼, 병원에 가는게 좋겠어.

해설 대화의 내용으로 보아 마이의 현재 증상으로 알맞은 것은 답지 ②이다.

26 **출제 의도** 전통 문화(국경일) 관련 글 내용 이해 [정답] ⑤

○ 9월 2일이다.
○ 베트남에서 큰 명절이다.
○ 호찌민 주석이 독립 선언문을 낭독한 사건을 기념하는 날이다.

- ① 중추절 ② 원단절(음력설)
- ③ 베트남 여성의 날 ④ 흥브엉 기일
- ⑤ 베트남 국경일

해설 글의 내용이 가리키는 것은 답지 ⑤이다.

27 **출제 의도** 자연(베트남 날씨) 관련 글 내용 이해 [정답] ③

베트남 북부에는 봄, 여름, 가을, 겨울 네 계절이 있다. 이곳의 여름은, 날씨가 보통 덥고 비가 많이 온다. 겨울은 날씨가 춥다. 반면 베트남 남부는 우기와 건기만 있다. 우기에는 폭우가 내리고, 건기에는 날씨가 찜찜하고 덥다. 우기는 보통 5월부터 11월까지 지속된다. 그리고 건기는 보통 12월부터 다음 해 4월까지 이어진다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은 답지 ③이다.

28 **출제 의도** 생활 문화(바인쑹) 관련 대화 내용 이해 [정답] ④

A: 베트남에서는 설날에 어떤 특별한 음식이 있어?
B: 바인쑹이 있어. 베트남의 전통 음식이야.
A: 바인쑹은 어떻게 만들어? (만들기) 어려워?
B: 그리 어렵지 않아. 이 음식은 찹쌀, 녹두, 돼지고기로 만들어. 베트남 사람들은 설날에 이 음식을 조상에 올리기 위해 만들고 함께 먹기도 해.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 b와 d이므로 정답은 답지 ④이다.

29 **출제 의도** 언어문화(속담) 관련 표현 이해 [정답] ②

A: 형/오빠의 아들은 키가 크고 너무 잘생겼네요!
B: 고마워. 나의 아들은 공부도 꽤 잘하고 축구도 매우 잘해.
A: 오, 그럼 형과/오빠와 닮았네요? 형/오빠도 키가 크고 축구를 잘하잖아요.
B: 응, 그 아버지에 그 아들이라잖아.

해설 대화의 내용에서 밑줄 친 부분과 의미가 유사한 우리말 속담은 ‘그 아버지에 그 아들’이다. 따라서 정답은 답지 ②이다.

30 **출제 의도** 예술 문화(후에 궁중 아악) 관련 글 내용 이해 [정답] ①

후에 궁중 음악은 베트남에서 가장 발달한 궁중 음악으로 여겨진다. 과거 이 음악은 응우옌 왕조(1802~ 1945) 시기의 여러 연중 행사에서 주로 연주되었다. 후에 궁중 음악은 2003년 유네스코 무형문화유산으로 선정되었다. 오늘날 이 음악은 여전히 많은 사람들에게 알려져 있으며 사랑받고 있다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ①이다.

실전 모의고사

6회

【본문 31~36 쪽】

01 ②	02 ⑤	03 ⑤	04 ③	05 ④
06 ①	07 ②	08 ③	09 ③	10 ①
11 ②	12 ④	13 ③	14 ①	15 ②
16 ①	17 ④	18 ②	19 ⑤	20 ④
21 ②	22 ③	23 ②	24 ①	25 ②
26 ④	27 ③	28 ⑤	29 ①	30 ④

01 출제 의도 낱말의 철자 이해

[정답] ②



호랑이

해설 h(호랑이)이므로, □에 들어갈 글자는 답지 ②이다.

02 출제 의도 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ⑤



- ① 배부르다
- ② 의자
- ③ 집
- ④ 칭찬하다
- ⑤ 맛있다

해설 ngh와 ng는 서로 발음이 동일하므로 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ⑤이다.

03 출제 의도 낱말의 성조 이해

[정답] ⑤



우유

해설 우유는 sữa이므로, □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은 답지 ⑤이다.

04 출제 의도 어휘 đông 이해

[정답] ③

- 나는 _____ (계절)을 가장 좋아해.
- 지금 나짱은 한국 관광객으로 매우 _____ .

- ① 가지다, 있다
- ② 여름
- ③ 겨울, 봄비다, 동(東)
- ④ 봄
- ⑤ 내리다

해설 đông은 '겨울', '봄비다', '동(東)'의 의미를 가지고 있다. 첫 번째 문장은 '겨울'의 의미로 쓰였으며, 두 번째 문장에서는 '봄비다' 의미로 쓰였다. 따라서 정답은 답지 ③이다.

05 출제 의도 어휘 uống 이해

[정답] ④

- A: 저 조금 열이 나는 것 같아요.
- B: 너는 바로 약을 _____ 는 것이 좋겠다!

- ① 먹다
- ② 읽다
- ③ 자다
- ④ 마시다, (약)을 먹다
- ⑤ 쓰다

해설 빈칸에 들어갈 알맞은 단어는 '마시다'의 의미를 갖는 uống이며, 베트남에서는 '약을 먹다'의 표현을 할 때, ăn(먹다)이 아닌 uống(마시다)을 사용한다. 따라서 정답은 답지 ④이다.

06 출제 의도 어순 이해

[정답] ①

- A: 누나/언니는 _____ 샀어요?
- B: 지난주 화요일.

해설 분류사와 지시형용사가 함께 쓰이는 경우의 어순은 '분류사 + 명사 + 수식어 + 지시형용사'이다. 또한 khi nào(언제)는 문두에 놓일 경우 '미래의 행위'를, 문미에 놓일 경우 '과거의 행위'를 묻는 표현으로, 여기서 B가 '지난주 화요일'이라는 과거 시점으로 대답했으므로 A의 질문 역시 '과거의 행위'에 대해 물어야 옳다. 따라서 답지에 있는 낱말을 옳은 순서대로 나열하면 cái túi đẹp này khi nào(이 예쁜 가방을 언제)가 되므로 정답은 답지 ①이다.

07 출제 의도 복합 문법 이해

[정답] ②

- a. 우리 점심 먹으러 가자!
- b. 비문
- c. 비문
- d. 너는 소고기 퍼 먹는 것을 좋아하니? 아니면 닭고기 퍼 먹는 것을 좋아하니?

해설 a. '우리'라는 의미로 청자를 포함하지 않는 chúng tôi와 청자를 포함하는 chúng ta가 있다. 'chúng ta(우리)'를 사용하여 상대방에게 제안을 하는 표현으로 그 쓰임이 옳다.

b. 변화를 나타내는 표현 중, 증가하거나 긍정적인 변화는 ‘형용사 + ra’, 감소하거나 부정적인 변화는 ‘형용사 + di’이다. ‘살이 빠지다’는 감소하는 변화이므로, Chì ấy ngày càng gầy đi.(그 누나/그 언니는 날이 갈수록 살이 빠진다.)로 써야 옳은 문장이다.

c. ‘~이다’의 의미인 là의 부정형은 không phải là(~이 아니다)이다. 따라서 Em không phải là người Hàn Quốc.(저는 한국 사람이 아닙니다.)으로 써야 옳은 문장이다.

d. ‘혹은 / 또는’의 의미를 갖는 선택의문문 표현인 hay를 사용하였으므로 그 쓰임이 옳다.

따라서 문장 표현이 옳은 것은 a와 d이므로 정답은 답지 ②이다.

08 출제 의도 분류사 이해

[정답] ③

A : 이 _____ 수박은 정말 맛있어 보이네요!
B : 네, 매우 맛있어요. 한번 사 보세요.

- ① 장(종이류) ② 마리(동물)
③ 개(과일류, 둥근 물건) ④ 대(기계류), 한 짝
⑤ 권(서적류)

해설 과일류에 사용하는 분류사는 quả이다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

09 출제 의도 상관계구 이해

[정답] ③

A : 왜 형은/오빠는 더 안 먹어요?
B : 나는 너무 배부르기 (a) _____ (b) _____ 더 먹고 싶지 않아.

- | | | | |
|--------|-----|-------|--------|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① 모두 | 그리고 | ② ~부터 | ~까지 |
| ③ ~때문에 | 그래서 | ④ 비록 | ~(하)지만 |
| ⑤ ~할수록 | ~하다 | | |

해설 이유를 묻는 표현에 대한 답이므로, 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

10 출제 의도 거절 관련 표현 이해

[정답] ①

A : 내일 나랑 영화 보러 갈래?
B : _____. 나는 이미 할 일이 있어.
A : 그럼, 다음에 자자.

- ① 미안해 ② 당연하지 ③ 아주 좋아
④ 가능하지 ⑤ 천만에

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

11 출제 의도 안부 관련 대화 내용 이해

[정답] ②

A : 안녕하세요, 형/오빠.
B : 안녕. 너는 건강하니(잘 지냈니)?
A : 저는 건강해요. 형은/오빠는요?
B : 나는 조금 피곤해.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ②이다.

12 출제 의도 축하 관련 표현 이해

[정답] ④



- ① 잘 자기를 ② 맛있게 먹기를
③ 즐거운 주말 보내기를 ④ 즐거운 생일 보내기를
⑤ 빨리 병이 낫기를

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

13 출제 의도 주문 관련 대화 내용 이해

[정답] ③

A : 두 분은 무엇을 드시겠어요?
B : 분짜 2접시와 얼음물 2잔 주세요.

해설 식당에서 주문하는 대화이다. 따라서 정답은 답지 ③이다.

14 출제 의도 개인 정보 관련 표현 이해

[정답] ①

A : 너희 집은 _____?
B : 나의 집은 여기 근처에 있어.

< 보기 >

- a. 어디니 b. 가깝니
c. 몇 명이 있니 d. 넓니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 a와 b이므로 정답은 답지 ①이다.

15 출제 의도 증상 관련 표현 이해

[정답] ②

A : 너는 _____?
B : 저는 어제 저녁부터 열이 많이 났어요.
A : 내가 진찰해 볼게.

〈보기〉

- a. 어디 안 좋니 b. 병이 나왔니
c. 언제부터 아팠니 d. 의사 맞지

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 a와 c이므로 정답은 답지 ②이다.

16 **출제 의도** 날씨 관련 대화 내용 이해

[정답] ①



해설 대화의 내용으로 보아 나짱의 오늘 날씨로 알맞은 것은 답지 ①이다.

17 **출제 의도** 우체국 관련 대화 내용 이해

[정답] ④

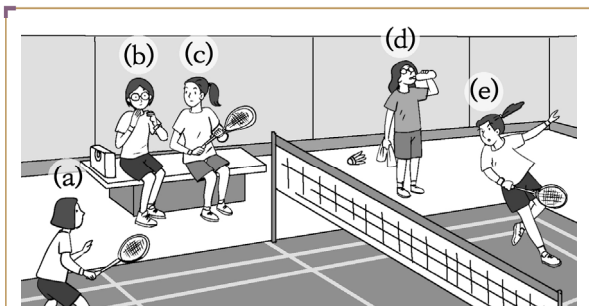
A: 안녕하세요 (오빠). 이 소포를 한국으로 보내 주세요.
B: 안녕하세요 (누나). 오, 너무 무겁네요. 이 소포 안에 어떤 것들이 들어 있나요?
A: 이 소포 안에는 꽤 많은 책이 들어 있어요.

- ① B는 여성이다.
② A는 한국에 있다.
③ 이 소포는 무겁지 않다.
④ 소포 안에 많은 책이 들어 있다.
⑤ A는 소포를 베트남으로 보내고 싶어 한다.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ④이다.

18 **출제 의도** 묘사(인물) 관련 대화 내용 이해

[정답] ②



A: 이 사진 속에 누가 마이야?

B: 마이네 의자에 앉아 있고, 짧은 머리에 안경을 끼고 있어.

A: 아, 보인다.

해설 그림에 대한 설명으로 알맞은 것은 답지 ②이다.

19 **출제 의도** 구매 관련 표현 이해

[정답] ⑤



- ① 얼마인가요 ② 반품할 수 있나요
③ 다른 색이 있냐요 ④ 더 큰 사이즈가 있냐요
⑤ 입어 볼 수 있냐요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

20 **출제 의도** 전화 관련 표현 이해

[정답] ④

A: 여보세요, 하 선생님을 바꿔 주세요.

B: 그 선생님은 방금 나가셨어요.

당신은 _____?

A: 아니요. 제가 다음에 다시 전화하겠습니다.

- ① 몇 번에 거셨나요 ② 직업이 무엇인가요
③ 잘못 거셨어요 ④ 전하실 말이 있냐요
⑤ 몇 번 전화하셨나요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

21 **출제 의도** 여행 관련 대화의 흐름 이해

[정답] ②

A: 듣기에, 누나/언니 무이네에 간다면서요.

_____?

B: 이번 여름에 갈 거야.

_____?

A: 아직이요. _____?

B: 대략 1주일.

〈보기〉

- a. 언제 누나/언니는 (무이네에) 가나요
b. 누나/언니는 무이네에 얼마 동안 있냐요
c. 너는 무이네에 가 본 적 있니

해설 대화의 흐름에 맞는 순서는 'a-c-b'이므로 정답은 답지 ②이다.

22 **출제 의도** 시간 관련 대화 내용 이해 [정답] ③

A : 우리 몇 시에 보기로 했지?
B : 30분 후에.
A : 그럼, 3시에 네 집 앞에서 만나자.

해설 대화의 내용에 따르면 A와 B가 만나기로 한 시각은 3시이므로 정답은 답지 ③이다.

23 **출제 의도** 학습 관련 대화 내용 이해 [정답] ②

A : 여러분, 더 질문할 것이 있나요?
B : 아니요.
C : 저도 다 이해했어요, (여)선생님
A : 응. 여러분 오늘 숙제하는 거 기억하세요.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ②이다.

24 **출제 의도** 구매 관련 표현 이해 [정답] ①

A : 오늘은 제가 계산할게요.
B : 응, 그래.
A : 여가, _____.
C : 네, 모두 450,000동입니다.

- ① 계산해 주세요
- ② 이 음식은 매우 맛있어요
- ③ 음식을 시킬게요
- ④ 잠시 질문할게요
- ⑤ 더 먹고 싶어요.

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

25 **출제 의도** 취미 관련 대화 내용 이해 [정답] ②

A : 나는 빵 만드는 것을 좋아해. 그런데 너의 취미는 무엇이니?
B : 나도 빵 만드는 것을 좋아해. 나는 수영도 좋아해.
A : 오, 그럼 다음에 함께 수영하러 가자.

해설 대화의 내용으로 보아 B의 취미는 빵 만드는 것과 수영이므로 정답은 답지 ②이다.

26 **출제 의도** 인물(전흥다오) 관련 글 내용 이해 [정답] ④

- 그의 본명은 전꾸옥뚜언이다.
- 그는 베트남의 민족 영웅 중 한 사람이다.
- 그는 다이비엠큐를 지휘하여 몽골(원)군을 세 번 이겼다.

- ① 레주언
- ② 응우옌짜이
- ③ 호찌민
- ④ 전흥다오
- ⑤ 보응우옌잡

해설 글의 내용이 가리키는 인물은 답지 ④이다.

27 **출제 의도** 자연 지리(후에) 관련 글 내용 이해 [정답] ③

후에는 베트남의 6개 중앙직할시 중 하나로, 중부에 위치한다. 예전에 후에는 1802년부터 1945년까지 응우옌 왕조의 수도였다. 이곳에는 분보후에, 째 후에 등과 같은 맛있는 음식이 많이 있고 매년 국제적인 대규모 문화 축제를 개최하는데, 그것이 바로 후에 페스티벌이다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 b와 c이므로 정답은 답지 ③이다.

28 **출제 의도** 생활 문화(신포) 관련 글 내용 이해 [정답] ⑤

신포는 오렌지, 바나나, 수박 등과 같은 신선한 과일로 만든 음료이다. 베트남 사람들은 보통 과일을 믹서기에 넣고, 우유, 설탕, 얼음과 함께 간다. 더운 여름에 많은 사람들은 신포를 자주 마시는데, 시원하고 맛있으며 건강에 좋기 때문이다. 신포는 카페, 식당, 시장 또는 길가의 작은 가게 등 여러 곳에서 팔린다. 신포를 만드는 법은 꽤 쉬워서 집에서 만들 수 있다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

29 **출제 의도** 전통문화(베트남 중추절) 관련 대화 내용 이해 [정답] ①

A : 마이야, 음력 8월 15일은 한국의 추석이야. 베트남은 이날에 사람들이 쉬니?
B : 베트남에서는 중추절이라 부르는데 쉬지 않아. 오늘날, 이날은 어린이를 위한 날로 여겨져.
A : 그렇다면 그날 베트남 사람들은 보통 무엇을 해?
B : 베트남 사람은 대체로 조상에게 제사를 지내고 바인쥬투를 먹어. 특히 어른들은 보통 어린이들에게 선물을 줘.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은 답지 ①이다.

30 [출제 의도] 예술 문화(찌패오 소설) 관련 글 내용 이해

[정답] ④

‘찌패오(Chí Phèo)’는 남까오 작가의 유명한 단편 소설로, 1941년에 쓰였다. 이 소설은 옛 사회에서 가난한 사람들의 힘겨운 삶을 이야기한다. 그중 찌패오는 부모가 없고, 바깥엔 집에서 품을 팔며, 항상 사람들에게 두려움을 주는 인물이다. 찌패오는 티너를 만나 사랑하게 되면서 더 잘살기를 원했으나, 결국 비극적인 결말을 맺게 된다. 이 단편 소설은 2019년에 한국에 소개되었다.

- ① 찌패오는 부모가 없다.
- ② 찌패오는 항상 사람들에게 두려움을 주었다.
- ③ 찌패오는 티너를 만나 더 잘살고 싶어 했다.
- ④ 이 단편 소설은 2019년에 쓰였다.
- ⑤ 이 소설은 가난한 사람들의 고단한 삶에 대해 이야기한다.

[해설] 글을 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은 답지 ④이다.

실전 모의고사

7회

【본문 37~42 쪽】

01 ②	02 ①	03 ④	04 ③	05 ②
06 ①	07 ④	08 ①	09 ①	10 ②
11 ②	12 ②	13 ③	14 ②	15 ①
16 ③	17 ⑤	18 ⑤	19 ④	20 ①
21 ④	22 ⑤	23 ②	24 ①	25 ③
26 ③	27 ⑤	28 ④	29 ③	30 ②

01 [출제 의도] 낱말의 철자 이해

[정답] ②



[해설] 가위는 kéo이다. 따라서 □에 들어갈 글자는 답지 ②이다.

02 [출제 의도] 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ①



- ① 역
- ② 늡다
- ③ 쉬다
- ④ 사람
- ⑤ 빠르다

[해설] gh와 같은 발음은 g이다. 따라서 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ①이다.

03 [출제 의도] 낱말의 성조 이해

[정답] ④



[해설] 모자는 mũ이다. 따라서 □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은 답지 ④이다.

04 출제 의도 어휘 chiều 이해

[정답] ③

- 대략 _____ 6시에 나는 귀가해요.
○ 이 도시에는 많은 일_____통행로가 있어요.

- ① 저녁 ② 절반
③ 오후, 방향 ④ 시간, 언어, 소리
⑤ (이동, 여행)편

해설 chiều는 ‘오후’, ‘방향’ 등의 의미로 사용되는 다의어이다. 따라서 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

05 출제 의도 어휘 mất 이해

[정답] ②

- A : 어! 집에 물이 _____?
B : 응. 언제 물이 나올지 모르겠네.

- ① 토론하다, 탁자 ② 잃다, (시간이) 걸리다
③ 드시다, 사용하다 ④ 칭찬하다
⑤ 가져오다, 지나다

해설 mất은 ‘잃다’의 의미로, nước(물)과 결합할 경우 ‘물을 잃다’ 즉 ‘물이 끊기다, 단수되다’라는 의미로 쓸 수 있다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

06 출제 의도 분류사 이해

[정답] ①

이것은 베트남 지폐예요. 돈 _____ 앞면에 호 큰아
버지(호찌민 주식)의 이미지가 있습니다.



- ① 장(종이류) ② 그릇(단위명사)
③ 마리(동물) ④ 개(과일류, 둥근 물건)
⑤ 권(서적류)

해설 종이류에 사용하는 분류사는 tờ이다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

07 출제 의도 상관어구 이해

[정답] ④

- A : 네가 느끼기에 베트남어 공부하는 거 어려워?
B : 아니요. 제가 느끼기엔 공부 (a) 재미 (b) _____.

- (a) (b) (a) (b)
① 모두 그리고 ② ~부터 ~까지
③ ~를 보내다 ~에게 ④ ~할수록 ~하다
⑤ 비록 ~(이)지만

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸 (a), (b)에는 ‘~할수록 ~하다’ 의미의 상관어구가 들어가야 적합하다. 따라서 정답은 답지 ④이다.

08 출제 의도 어순 이해

[정답] ①

- A : 여기에서 VN 서점까지 먼가요?
B : 전혀 멀지 않아요. _____.

해설 cách đây는 공간의 간격을 나타내는 표현으로 ‘여기에서 ~만큼 떨어져 있다’를 의미한다. ‘여기에서 (대략) ~ 정도 떨어져 있을 뿐이다’를 표현하는 올바른 어순은 ‘cách đây + khoảng + 거리 + 단위 + thời’이다. 따라서 정답은 답지 ①이다.

09 출제 의도 복합 문법 이해

[정답] ①

- a. 어떻게 걸어갈 수 있겠어.(=걸어갈 수 없다.)
b. 타고는 시험을 잘 봐서 란 선생님에게 칭찬을 받았다.
c. 비문
d. 비문

해설 a. ‘어떻게 ~할 수 있겠어’라는 의미의 ‘làm sao mà (có thể) + 동사 + được’ 형태로, 명확한 의미 전달이 가능하므로 그 표현이 옳다.

b. được은 긍정 의미를 나타내는 수동태에 사용된다. ‘khen (칭찬하다)’은 긍정적인 의미이므로, được cô Lan khen은 옳은 표현이다.

c. ‘아무것도 ~하지 않다’는 ‘không / chẳng + 동사 + gì + cá’ 형태로 써야 옳은데, 부정어가 생략된 형태이므로 c는 옳지 않다. Cuối tuần này, tôi không / chẳng muốn làm việc gì cả.(이번 주말에 나는 아무것도 하고 싶지 않다.)라고 해야 옳은 문장이다.

d. ‘명사 + nào + cũng ~’은 ‘어떤 (명사)이든지~’라는 의미인데, 명사 앞에 cá를 썼으므로 d는 옳지 않다. Sinh viên nào ở đây cũng biết tiếng Anh.(여기에 있는 어떤 학생이든지 영어를 안다.)이라고 해야 옳은 문장이다.

따라서 문장 표현이 옳은 것은 a와 b이므로 정답은 답지 ①이다.

10 출제 의도 인사 관련 표현 이해

[정답] ②



- ① 미안해 ② 잘 가
③ 천만에 ④ 괜찮아
⑤ 몰라

해설 대화의 내용으로 보아 헤어질 때의 인사 표현이 와야 한다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

11 출제 의도 감사 관련 표현 이해

[정답] ②



- ① 미안해요 오빠
② 고마워요 오빠
③ 다시 만나요
④ 오빠 안녕히 주무세요
⑤ 저는 여전히 보통이에요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

12 출제 의도 직업 관련 표현 이해

[정답] ②

A: 네 형은/오빠는 _____?
B: 네 형은/오빠는 베트남어를 가르치는 선생님이야.

- ① 이름이 뭐야 ② 직업이 뭐야
③ 누구에게 편지를 써 ④ 어디에서 일해
⑤ 베트남에 사는 거야

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

13 출제 의도 가족 관련 글 내용 이해

[정답] ③

짱의 가족은 할아버지, 부모님, 여동생 그리고 짱 5명이다. 짱의 할아버지는 80세이지만 여전히 매우 건강하다. 짱의 아버지는 은행원이고, 어머니는 간호사이다. 짱의 여동생은 11학년(고등학교 2학년) 학생이다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ③이다.

14 출제 의도 전화 관련 표현 이해

[정답] ②

A: 여보세요! VN 회사입니다.
B: _____
A: 그녀는 방금 나갔습니다.

<보기>

- a. 란씨 좀 바꿔 주세요
b. 란씨는 전화를 잘못 걸었어요
c. 란씨는 회사에 없어요
d. 란씨와 이야기하게 해 주세요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 a와 d이다. 따라서 정답은 답지 ②이다.

15 출제 의도 주문 관련 표현 이해

[정답] ①



<보기>

- a. 무엇을 드시겠어요
b. 무엇을 먹길 원하세요
c. 오렌지 몇 킬로를 사요
d. 소고기 퍼를 요리해요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 a와 b이다. 따라서 정답은 답지 ①이다.

16 출제 의도 취미 관련 표현 이해

[정답] ③

A: 한가할 때 너는 _____?
B: 나는 보통 공을 차러 가. 그런데 너는 어때?
A: 나는 자주 사진을 찍으러 가.

- ① 어때 ② 누구와 공부해
③ 보통 뭐 해 ④ 뭘 타고 학교에 가
⑤ 무슨 장르의 영화를 좋아해

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

17 **출제 의도** 우체국 관련 대화의 흐름 이해 [정답] ⑤

A: 안녕하세요. _____.
B: 안녕하세요. _____?
A: 몇 권의 책과 커피 두 꾸러미가 들어 있어요.
B: _____?
A: 나는 속달로 보내고 싶어요.

〈보기〉

- a. 속달로 보내실래요 아니면 일반으로 보내실래요
b. 이 소포 안에 무엇들이 있나요
c. 나는 이 소포를 한국으로 보내고 싶어요

해설 대화의 흐름에 맞는 순서는 'c-b-a'이므로 정답은 답지 ⑤이다.

18 **출제 의도** 표 구매 관련 대화 내용 이해 [정답] ⑤

A: 저기요, 오후 1시 후에도 가는 표가 남아 있나요?
B: 죄송하지만, 1시 표는 매진됐어요. 그런데 2시 표는 남아 있어요.
A: 그럼 2시 표 하나 주세요.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

19 **출제 의도** 가격 묻고 답하기 표현 이해 [정답] ④



〈보기〉

- a. 누구에게 팔아요 b. 어떻게 팔아요
c. 어디에서 사요 d. 얼마예요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 b와 d이다. 따라서 정답은 답지 ④이다.

20 **출제 의도** 증상 관련 표현 이해 [정답] ①



- ① 어디가 안 좋니 ② 뭘 하러 여기에 왔어
③ 거기에 며칠 있을 거야 ④ 의사가 되고 싶은 거니
⑤ 오늘 날씨 어때 보여

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

21 **출제 의도** 은행 관련 표현 이해 [정답] ④

A: 안녕하세요. 저는 미국 달러를 베트남 돈으로 바꾸고 싶어요. _____?
B: 1달러는 26,100동이에요.

- ① 당신은 누구와 여기 왔어요
② 당신은 어떤 종류의 돈이 필요한가요
③ 당신은 성, 이름을 기입했나요
④ 오늘 환율이 얼마예요
⑤ 무엇을 도와드릴까요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

22 **출제 의도** 날씨 정보 내용 이해 [정답] ⑤

달랏 일기 예보		
오늘	21°C ~ 26°C	구름 낀
내일	20°C ~ 24°C	비

해설 일기 예보로 보아 달랏의 내일 날씨는 비가 내린다. 따라서 정답은 답지 ⑤이다.

23 **출제 의도** 학습 관련 표현 이해 [정답] ②

A: 우리 여기까지 공부하자. 너는 다 이해했니?
B: 저는 _____.
A: 그러면 선생님이 다시 설명해 줄게.

- ① 다 이해했어요
- ② 아직 이 문장을 이해하지 못했어요
- ③ 숙제하는 걸 기억할게요
- ④ 이 단원은 이해하기 쉽다고 느껴요
- ⑤ 아무 질문도 없어요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

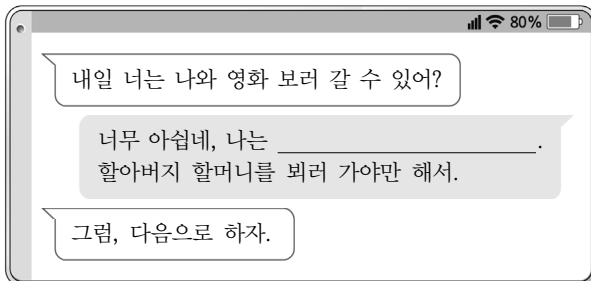
24 **출제 의도** 혼인 관계 관련 표현 이해 **[정답] ①**

A: 형은/오빠는 _____?
B: 아니, 나는 아직 가정을 꾸리지 않았어.

- ① 아내를 얻었어요(결혼했어요)
- ② 그녀를 어디에서 만났어요
- ③ 이 영화를 봤나요
- ④ 베트남에 언제 갔어요
- ⑤ 가족에게 전화를 걸었어요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

25 **출제 의도** 제안 및 거절 관련 표현 이해 **[정답] ③**



- ① 바쁘지 않아
- ② 갈 수 있지
- ③ 갈 수 없어
- ④ 한가한 시간이 있어
- ⑤ 영화를 매우 보러 가고 싶어

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

26 **출제 의도** 생활 문화(오토바이) 관련 글 내용 이해 **[정답] ③**

- 바퀴가 두 개 달린 이동 수단이다.
- 베트남에서 가장 보편적인 교통수단이다.
- 베트남에는 이 교통수단으로 사람과 상품을 수송하는 서비스가 있다.

- ① 자전거
- ② 기차
- ③ 오토바이
- ④ 버스
- ⑤ 배

해설 글의 내용이 가리키는 교통수단은 오토바이이므로 정답은 답지 ③이다.

27 **출제 의도** 인물(하이바짱) 관련 대화 내용 이해 **[정답] ⑤**

타오: 너는 하이바짱을 아니?
수호: 나는 몰라. 하이바짱이 누구야? '하이'는 성, 그리고 '짱'은 이름이야?
타오: 아니. 하이바짱은 짱짜과 짱니 두 자매를 줄여 부르는 이름이야. 40년에 하이바짱은 동한군을 물리치고 나라를 세웠어. 두 사람은 베트남 역사에서 두 여성 영웅으로 여겨져.
수호: 아, 이해했어. 내가 하이바짱에 대해 좀 더 알아볼게.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 c와 d이므로 정답은 답지 ⑤이다.

28 **출제 의도** 예술 문화(째오) 관련 글 내용 이해 **[정답] ④**

째오는 베트남의 전통 음악극 장르로, 약 10세기부터 있었다. 째오에는 노래하는 부분이 말하는 부분보다 많아서 핫째오(째오 부르기)라고도 불린다. 째오는 베트남 북부에서 크게 발전하였다. 명절들에 베트남 북부 일부 지역에서는 보통 째오 부르기를 한다.

해설 글에 언급된 것은 발생 시기로 정답은 답지 ④이다.

29 **출제 의도** 지리(판씨땡산) 관련 글 내용 이해 **[정답] ③**

높이가 3,100미터가 넘는 판씨땡산은 베트남 북부에 위치해 있으며 베트남에서 가장 높은 산이다. 이 산은 또 한 인도차이나에서 가장 높아서 '인도차이나의 지붕'이라고 불린다. 이곳은 유명한 관광지로, 국내외의 많은 사람들에게 알려져 있다. 산 위에 오르는 방법은 두 가지인데, 트레킹을 하거나 케이블카로 가는 것이다.

- ① 베트남에서 가장 높은 산이다.
- ② 케이블카로 산에 오를 수 있다.
- ③ 베트남 중부 지역에 위치한다.
- ④ 많은 외국인에게 알려져 있다.
- ⑤ '인도차이나의 지붕'이라고도 불린다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은 답지 ③이다.

30 **출제 의도** 전통문화(덴홍축제) 관련 글 내용 이해 **[정답] ②**

덴홍(홍 사당)축제는 베트남의 큰 축제들 중 하나이다. 축제는 보통 음력 3월 초에 푸토에 있는 덴홍에서 개최된다. 이는 나라를 세우는 데 공이 있는 홍왕들을 기리기 위한 때(기회)이다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 a와 d이므로 정답은 답지 ②이다.

실전 모의고사

8회

【본문 43~48 쪽】

01 ④	02 ④	03 ③	04 ④	05 ②
06 ③	07 ②	08 ②	09 ①	10 ②
11 ③	12 ①	13 ①	14 ③	15 ①
16 ④	17 ③	18 ①	19 ⑤	20 ④
21 ②	22 ①	23 ⑤	24 ④	25 ③
26 ⑤	27 ⑤	28 ⑤	29 ①	30 ②

01 출제 의도 낱말의 철자 이해

[정답] ④



해설 닭은 gà이다. 따라서 □에 들어갈 글자는 답지 ④이다.

02 출제 의도 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ④

우리 함께 경치를 감상하러 가자.

- ① 시(時) ② 의자
③ 요리하다 ④ 생각하다
⑤ 돌보다, ~로 보이다

해설 ng와 ngh는 서로 발음이 동일하다. 따라서 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ④이다.

03 출제 의도 낱말의 성조 이해

[정답] ③



- ① 소 ② 호랑이
③ 개 ④ 우유
⑤ 새우

해설 논라는 nòn lá이다. 따라서 □에 들어갈 글자와 성조 표기와 같은 것은 답지 ③이다.

04 출제 의도 어휘 tắt 이해

[정답] ④

- 나는 숙제를 할 때 전화를 _____.
○ 'TP. HCM'은 Thành phố Hồ Chí Minh의 _____
 쓴 단어이다.

- ① 열다 ② 토론하다, 탁자
③ 데리고 가다, 건네주다 ④ 끄다, 줄이다
⑤ 사용하다, 드시다

해설 tắt은 '끄다', '줄이다'라는 의미가 있다. 따라서 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

05 출제 의도 어휘 ngã 이해

[정답] ②



- ① (주먹, 손에) 쥐다 ② 넘어지다
③ 빌리다 ④ (바라)보다
⑤ 멈추다

해설 ngã는 '넘어지다'라는 의미가 있다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

06 출제 의도 분류사 이해

[정답] ③



- ① 장(종이류) ② 마리(동물)
③ 켄레(신발), 쌍 ④ 개(과일, 둥근 물건)
⑤ 권(서적류)

해설 쌍으로 된 신발에 사용하는 분류사는 đôi이다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

07 출제 의도 상관어구 이해

[정답] ②

A: 너는 베트남어 공부를 무슨 요일에 해?
B: 저는 토요일과 일요일, 오후 4시 (a) 6시 (b) 공부해요.

- (a) (b) (a) (b)
① 비록 ~이지만 ② ~부터 ~까지
③ ~기 때문에 그래서 ④ 단지 ~일 뿐이다
⑤ ~할수록 ~하다

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에는 ‘~부터 ~까지’라는 의미의 상관어구가 들어가야 한다. 따라서 정답은 답지 ②이다.

08 출제 의도 어순 이해

[정답] ②

A: _____ 어때?
B: 그건 저렴하면서도 매우 잘 달려.

해설 분류사와 지시어가 함께 쓰이는 경우 어순은 ‘분류사 + 명사 + 수식어 + 지시어’ 순으로, ‘이 파란색 자전거’라는 표현은 Chiếc xe đạp màu xanh này가 올바르다. 따라서 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

09 출제 의도 복합 문법 이해

[정답] ①

- a. 히옌은 즐거우려고(즐겁도록) 춤추러 갈 예정이다.
b. 선은 보통 식사 중 신문을 읽는다.
c. 비문
d. 비문

해설 a. ‘~하게/~하도록’을 의미하는 ‘cho + 형용사’를 활용한 a는 옳은 문장이다.
b. 시간부사 trong khi가 뒤에 ‘(주어) + 동사’를 수반하는 반면, trong은 뒤에 명사(구)를 수반해야 한다. 따라서 ‘trong + bữa ăn(식사)’ 형태이므로 b는 옳은 문장이다.
c. là의 부정형은 ‘không phải là’ 형태로 사용한다. 따라서 phải가 생략된 형태인 không là를 사용한 c는 옳지 않다. Tuấn không phải là người Trung Quốc.(투언은 중국 사람이 아니다.)이라고 해야 옳은 문장이다.
d. được은 긍정 의미를 나타내는 수동태에 사용된다. bắt은 ‘잡다’라는 의미의 동사로, cảnh sát을 주체로 할 경우 부정적인 의미가 된다. 따라서 được cảnh sát bắt은 옳지 않은 표현이며, bị cảnh sát bắt이라고 쓰는 것이 옳다. Hôm qua, anh ấy bị cảnh sát bắt.(어제 그는 경찰에 잡혔다.)이라고 해야 옳은 문장이다.
따라서 문장 표현이 옳은 것은 a와 b이므로 정답은 답지 ①이다.

10 출제 의도 사과 관련 표현 이해

[정답] ②

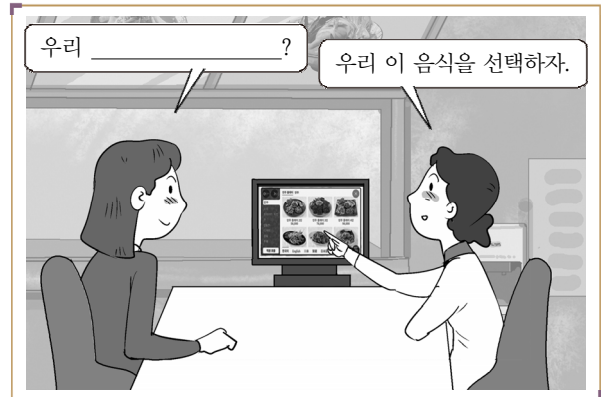


- ① 약간 배고파요 ② 괜찮아요
③ 나는 먹었어요 ④ 당연하죠
⑤ 잘 자요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

11 출제 의도 음식 주문 관련 표현 이해

[정답] ③



- ① 누구 만나 ② 어디에서 공부해
③ 무슨 음식을 먹을까 ④ 어느 옷을 입는 게 나아
⑤ 얼마에 다 샀어

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

12 출제 의도 광고문 내용 이해

[정답] ①

나짱 여행 VN 여행사

- 2박 3일
- 비행기표 + 호텔
- 하노이 출발
- 650만 동 / 1인

해설 광고문의 내용에 언급된 것은 답지 ①이다.

13 [출제 의도] 전화 관련 표현 이해

[정답] ①

A : 여보세요! 홍씨 좀 바꿔 주세요.
B : 그는 방금 밖으로 나갔습니다.
당신은 _____?
A : 아니요. 내가 나중에 다시 전화할게요.

- ① 전할 말 있으세요
- ② 몇 번에 거셨어요
- ③ 언제부터 홍씨를 알게 됐어요
- ④ 주말에 보통 뭐 하세요
- ⑤ 몇 차례 전화했어요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

14 [출제 의도] 가족 관련 대화의 흐름 이해

[정답] ③

A : _____?
B : 우리 가족은 할아버지, 부모님, 형/오빠 그리고 나 5명이야.
A : _____?
B : 내 형은/오빠는 21살이야. 그는 대학생이야.
A : _____?
B : 하노이 법대.

〈보기〉

- a. 그 형은/오빠는 어느 학교에서 공부해
- b. 네 가족은 몇 명 있어
- c. 네 형은/오빠는 몇 살이야

해설 대화의 흐름에 맞는 순서는 'b-c-a'이므로 정답은 답지 ③이다.

15 [출제 의도] 인사와 안부 관련 표현 이해

[정답] ①

A : 안녕하세요. 오랜만에 만나 뵙습니다.
B : 안녕. 너 건강해(잘 지내)?
A : 네. 저는 건강해요.
그런데 _____?
B : 나는 여전히 보통이야.

〈보기〉

- a. 형은/오빠는 어때요
- b. 형은/오빠는 어때요
- c. 형/오빠 이름은 뭐예요
- d. 누가 형/오빠에게 전화했어요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 a와 b이므로 정답은 답지 ①이다.

16 [출제 의도] 묘사 관련 표현 이해

[정답] ④



- ① 두 사람이 사진을 찍고 있다.
- ② 두 사람이 자전거를 타고 있다.
- ③ 한 사람이 물을 마시고 있다.
- ④ 한 사람이 앉아서 책을 읽고 있다.
- ⑤ 한 사람이 강아지 한 마리와 같이 달리고 있다.

해설 그림에 대한 설명으로 알맞은 것은 답지 ④이다.

17 [출제 의도] 제안 및 거절 관련 표현 이해

[정답] ③

A : 공부를 끝낸 후에 너 나랑 공 차려 가자!
B : 너무 아쉽다! 나는 _____.
A : 그럼 다음에 같이 가자.

- ① 매우 바빠
- ② 이미 다른 약속이 있어
- ③ 시간이 아주 많아
- ④ 조부모님을 뵈러 가려고 해
- ⑤ 조카를 보러 집에 가야 해

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞지 않은 것은 답지 ③이다.

18 [출제 의도] 시간 관련 대화 내용 이해

[정답] ①

A : VN 마트는 몇 시에 문 닫아?
B : 10시.
A : 그럼 1시간밖에 안 남았네.

해설 대화의 내용으로 보아 현재 시각은 9시이므로 정답은 답지 ①이다.

19 [출제 의도] 취미 관련 대화 내용 이해

[정답] ⑤

A : 너의 취미는 뭐니?
B : 내 취미는 등산과 사진 찍기야. 그런데 너는 어때니?
A : 내 취미는 농구하기와 음악 듣기야.

해설 대화의 내용으로 보아 A의 취미에 해당하는 것은 c와 d이다. 따라서 정답은 답지 ⑤이다.

20 [출제 의도] 쇼핑 관련 표현 이해

[정답] ④

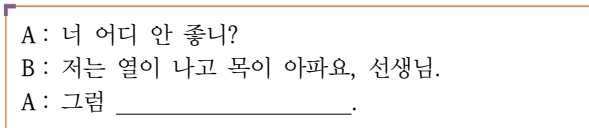


- ① 그래요(깎아 줄게요) ② 당연하죠
③ 당신에게 팔게요 ④ 여기는 정가로 팔아요
⑤ 내가 당신에게 가격을 조금 할인해 줄게요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

21 [출제 의도] 진료 관련 표현 이해

[정답] ②

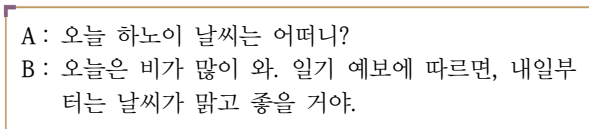


- ① 같이 시장에 가자 ② 내가 진찰할게
③ 내가 약을 먹을게 ④ 의사가 되렴
⑤ 병원에 가지 마

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

22 [출제 의도] 날씨 관련 대화 내용 이해

[정답] ①



해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ①이다.

23 [출제 의도] 우체국 관련 표현 이해

[정답] ⑤

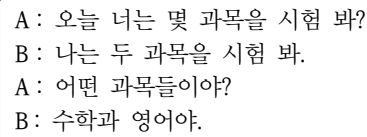


- ① 내게 돈을 돌려주세요
② 이 소포를 사세요
③ 내게 조금 할인해 주세요
④ 오늘 환율을 알려 주세요
⑤ 여기에 정보들을 정확하게 기입하세요

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

24 [출제 의도] 학습 관련 대화 내용 이해

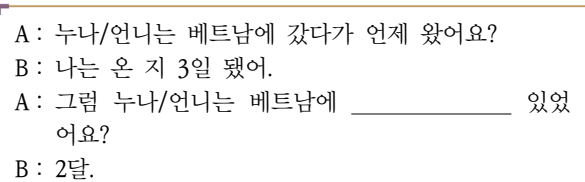
[정답] ④



해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ④이다.

25 [출제 의도] 여행 기간 관련 표현 이해

[정답] ③

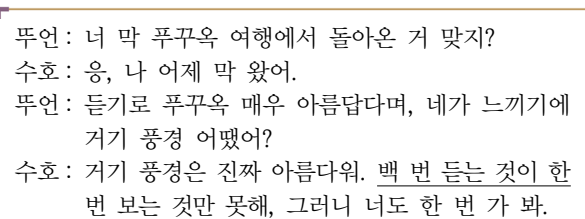


- ① 누구와
② 무엇을 하려고
③ 얼마나 오랫동안
④ 가족과 함께
⑤ 무슨 과목들을 공부하며

해설 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

26 [출제 의도] 언어문화(속담) 관련 대화 내용 이해

[정답] ⑤



해설 대화의 내용으로 보아 밑줄 친 말의 의미와 가장 가까운 우리말 속담은 답지 ⑤이다.

27 [출제 의도] 베트남 개관(호찌민시) 관련 글 내용 이해 [정답] ⑤

- 이전에는 이름이 사이공이었다.
- 베트남의 큰 경제 중심지 중 하나이다.
- 벤타인 시장, 득바 성당 등과 같은 유명한 관광지들이 있다.

- ① 후에 ② 하노이 ③ 다낭
④ 하이퐁 ⑤ 호찌민시

해설 글의 내용이 가리키는 것은 호찌민시이므로 정답은 답지 ⑤이다.

28 [출제 의도] 예술 문화(문묘-국자감) 관련 글 내용 이해 [정답] ⑤

문묘-국자감은 베트남의 역사 유적 중 하나이다. 문묘는 공자 제사를 모시기 위해 1070년에 세워졌다. 1076년이 되어 국자감이 추가로 세워졌고 (이는) 베트남 최초의 대학으로 여겨진다. 오래전부터 이곳은 수도 하노이의 유명한 관광지가 되었다.

〈보기〉

- a. 국자감은 공자 제사를 모시는 곳이다.
b. 문묘는 1076년에 세워졌다.
c. 문묘-국자감은 하노이에 위치한다.
d. 국자감은 베트남 최초의 대학으로 여겨진다.

해설 글의 내용을 이해한 내용으로 알맞은 것은 c와 d이다. 따라서 정답은 답지 ⑤이다.

29 [출제 의도] 전통문화(베트남 스승의 날) 관련 대화 내용 이해 [정답] ①

세나 : 타오야. 오늘 학교에 무슨 일이 있길래 여선생님들이 아오자이를 그렇게 많이 입고 계신 거야?
타오 : 아, 오늘이 베트남 스승의 날이야.
세나 : 그래! 11월 20일이 베트남 스승의 날이구나? 그럼, 베트남 학생들은 이날 보통 무얼 해?
타오 : 학생들은 보통 선생님들께 꽃과 선물을 드리고 축하의 말과 감사의 말을 전해.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ①이다.

30 [출제 의도] 생활 문화(분보후에) 관련 글 내용 이해 [정답] ②

분보후에는 후에의 특별한 음식이다. 이 음식은 분, 소고기, 돼지족발 등이 들어 있어야 하고, 각종 생채소와 함께 먹게 된다. 육수는 맵고 붉은 색이다. 분보후에는 많은 베트남 사람들에게 사랑받는 음식이다.

해설 글에 언급된 것은 답지 ②이다.

실전 모의고사

9회

【 본문 49~54 쪽 】

01 ④	02 ③	03 ③	04 ⑤	05 ②
06 ①	07 ④	08 ③	09 ①	10 ①
11 ⑤	12 ④	13 ③	14 ①	15 ②
16 ②	17 ⑤	18 ④	19 ⑤	20 ①
21 ⑤	22 ①	23 ④	24 ②	25 ⑤
26 ④	27 ②	28 ⑤	29 ④	30 ④

01 [출제 의도] 낱말의 철자 이해

[정답] ④



고양이

해설 mèo(고양이)이므로, □에 들어갈 글자는 답지 ④이다.

02 [출제 의도] 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ③

나는 닭고기 피(쌀국수)를 먹는 중이다.

- ① 물고기, 생선 ② 쉽다
③ 의자 ④ 넘어지다, 교차로
⑤ 민다, 소식

해설 g와 gh는 서로 발음이 동일하다. 따라서 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ③이다.

03 [출제 의도] 낱말의 성조 이해

[정답] ③



책

해설 책은 sách이므로, □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은 답지 ③이다.

04 출제 의도 어휘 phong phú 이해

[정답] ⑤

A : 어제 네가 갔던 식당은 어땠어?
B : 그 식당의 메뉴는 _____고 매우 맛있어.

- ① 이동하다 ② 개최하다, 조직하다
③ 찾아내다, 탐방하다 ④ 대체하다
⑤ 풍부하다

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

05 출제 의도 어휘 chi 이해

[정답] ②

○ 나는 검은색 _____이 필요한데 찾지 못했다.
○ 네가 신어 보고 싶은 신발을 _____.

- ① 아프다 ② 실, 가리키다
③ 아홉, 익다 ④ 공경하다, 유리, 안경
⑤ 넓다

해설 chi는 '실', '가리키다'의 의미를 가지고 있다. 따라서 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

06 출제 의도 어순 이해

[정답] ①

선생님 : 너는 _____?
학생 : 아니요. 저는 모두 이해했어요.

해설 베트남어 의문문 어순은 '주어 + có + 동사 + không'이다. 의문사 gì(무엇)가 동사 뒤에 사용되어, '무엇을 동사하다'를 표현한다. 주어진 낱말을 순서대로 나열하면 Em có hỏi gì không(너는 무슨 질문이 있니)이 옳다. 따라서 정답은 답지 ①이다.

07 출제 의도 분류사 이해

[정답] ④



- ① 장(종이류) ② 그릇
③ 개(과일류, 둥근 사물) ④ 대(기계류), 한 짝/개(사물)
⑤ 권(서적류)

해설 기계류(세탁기)를 가리킬 때 쓰는 분류사는 chiếc이다. 따라서 정답은 답지 ④이다.

08 출제 의도 상관어구 이해

[정답] ③

A : 이번 주 토요일에 우리 함께 등산 가자.
B : (a) 비가 오지 않 (b) 우리 가자.

- | | | | |
|--------|-------|--------|-----|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① 모두 | 그리고 | ② ~부터 | ~까지 |
| ③ 만약 | ~(으)면 | ④ ~하면서 | ~하다 |
| ⑤ ~할수록 | ~하다 | | |

해설 문맥상 상관어구 'nếu + A + thì + B'가 사용되어 Nếu trời không mưa thì chúng ta đi nhé.(만약 비가 오지 않으면 우리 가자.)라는 문장이 만들어져야 한다. 따라서 정답은 답지 ③이다.

09 출제 의도 복합 문법 이해

[정답] ①

- a. 우리 함께 읽을 수 있도록 이 책을 여기에 두자.
b. 여기에 앉아 있는 모든 사람은 다 흰옷을 입었다.
c. 비문
d. 비문

해설 a. '놓다, 두다'의 의미로 사용되는 'để'와 동사 앞에 위치하여 목적을 나타내는 'để'의 쓰임이 옳은 문장이다.
b. 'tất cả mọi + 명사 + đều ~'는 '모든 명사는 다 / 모두 ~하다'를 표현하는 문법으로 그 쓰임이 옳은 문장이다.
c. 긍정문 '주어 + 동사 + 목적어'의 '주어는 ~하다'와 부정문 '주어 + không + 동사 + 목적어'의 '주어는 ~하지 않는다'를 접속사 nhưng(~지만, ~는데)으로 연결한 문장 형태이다. 그러나 문장에서 nhưng이 아닌 ngoài가 사용되었으므로 그 쓰임이 옳지 않은 비문이다. c는 Tuấn đang tìm điện thoại di động nhưng không nhớ đã để ở đâu.(뚜언은 휴대 전화를 찾고 있지만 어디에 두었는지 기억이 나지 않는다.)로 수정해야 옳은 문장이 된다.
d. 'cho + 형용사'의 '~하게, ~하도록'의 문법과 'trở thành + 명사'의 '~이 되다'의 문법을 'A chứ không phải là B'의 'A 이지 B가 아니다'로 연결한 문장 형태이다. 그러나 trở nên 뒤에는 형용사가 와야 하므로 그 쓰임이 옳지 않은 비문이다. d는 'Em xem phim cho vui chứ không phải là vì muốn trở thành diễn viên(저는 즐거우려고 영화를 보는 것이지 배우가 되고 싶어서가 아니에요.)'으로 수정해야 옳은 문장이다. 따라서 문장 표현이 옳은 것은 a와 b이므로 정답은 답지 ①이다.

10 [출제 의도] 감사 관련 표현 이해

[정답] ①



- ① 고마워 ② 미안해
- ③ 잘 가 ④ 충분히 먹었어
- ⑤ 잘 자

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

11 [출제 의도] 제안 및 수락 관련 표현 이해

[정답] ⑤

A: 다음 주 목요일이 내 생일이야. 내 집에 놀러 올 수 있어?
B: _____.
A: 그날 다시 만나자!

- ① 매우 아름다워 ② 괜찮아
- ③ 시끄럽게 하지 마 ④ 저 자리에 앉아
- ⑤ 당연히 되지

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

12 [출제 의도] 인사 관련 표현 이해

[정답] ④

A: 안녕. 너는 건강하지?
B: 응. 나는 건강해. 그런데 너는, 너는 _____?
A: 나 또한 건강해.

〈보기〉

- a. 어디 가 b. 어때
- c. 누구와 공부해 d. 건강하니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 b와 d이므로 정답은 답지 ④이다.

13 [출제 의도] 시간 관련 대화 내용 이해

[정답] ③

A: 누나 / 언니 기차가 몇 시에 출발하나요?
B: 지금은 정각 10시야. 15분 후에 기차가 출발할 거야.

해설 현재 10시이고, 15분 후 기차가 출발하므로 기차 출발 시각은 10시 15분이다. 따라서 정답은 답지 ③이다.

14 [출제 의도] 개인 정보 관련 표현 이해

[정답] ①

A: 누나 / 언니의 새 집은 _____?
B: KOVI 공원 바로 옆에 있어.

- ① 어디인가요 ② 무엇으로 만들었나요
- ③ 누가 건설했나요 ④ 가격이 얼마인가요
- ⑤ 방이 몇 개인가요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

15 [출제 의도] 진료 관련 표현 이해

[정답] ②

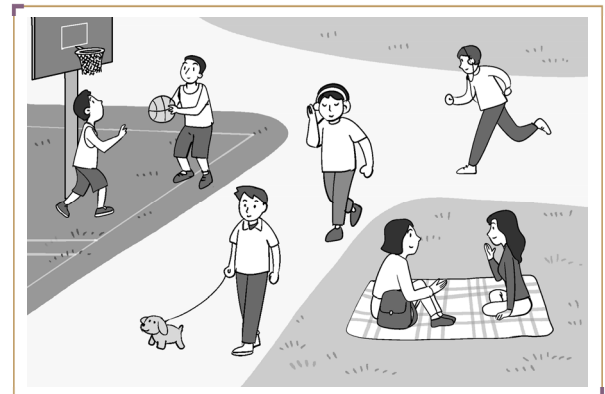


- ① 나는 차를 마실게
- ② 내가 진찰할게
- ③ 함께 도서관에 가자
- ④ 나는 강아지 한 마리가 있어
- ⑤ 나는 자전거 타는 연습을 할게

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

16 [출제 의도] 묘사 관련 표현 이해

[정답] ②



- ① 한 사람이 자전거를 탄다.
- ② 두 사람이 농구를 한다.
- ③ 한 사람이 앉아서 책을 읽는다.
- ④ 한 사람이 앉아서 음악을 듣는다.
- ⑤ 두 사람이 강아지 한 마리와 함께 뛰다.

해설 두 사람이 농구를 하고 있으므로 정답은 답지 ②이다.

17 출제 의도 음식(맛) 관련 표현 이해

[정답] ⑤



- ① 무슨 과목을 가르치세요
- ② 누구와 점심을 먹어요
- ③ 몇 살이세요
- ④ 무슨 음식을 드시고 계세요
- ⑤ 이 음식이 어때세요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

18 출제 의도 전화 관련 표현 이해

[정답] ④

A: 여보세요, 댜 선생님을 바꿔 주세요.
B: 댜 선생님은 _____.
A: 그래요? 그럼 제가 나중에 다시 전화하겠습니다.

- ① 모두 이해했어요
- ② 결혼했어요
- ③ 자주 걸어서 이곳에 오세요
- ④ 방금 막 밖에 나가셨어요
- ⑤ 새 전화기를 사요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

19 출제 의도 학습 관련 표현 이해

[정답] ⑤

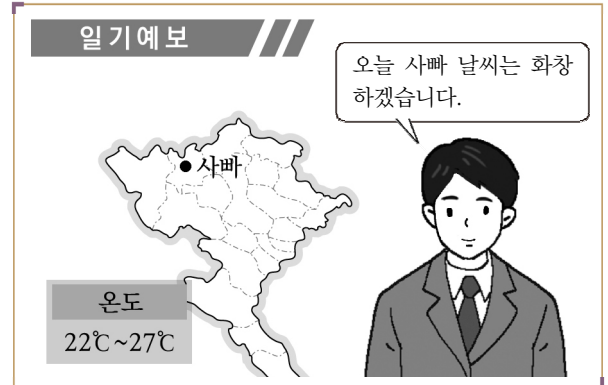
A: 너는 _____?
B: 나는 수학과 영어를 좋아해.

- ① 이름이 뭐야
- ② 어디에서 공부해
- ③ 직업이 무엇이야
- ④ 글을 다 썼어
- ⑤ 어떤 과목들을 좋아해

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

20 출제 의도 날씨 정보 관련 글 내용 이해

[정답] ①



해설 오늘 사빠 날씨는 화창하기 때문에 정답은 답지 ①이다.

21 출제 의도 쇼핑 관련 표현 이해

[정답] ⑤

A: 이 바지는 얼마인가요?
B: 이것은 50만 동입니다.
A: 약간 비싸네요. 조금 깎아 주실 수 있으세요?
B: 미안합니다. 여기는 정가로 판매합니다.

- ① 다른 색깔이 있나요
- ② 더 큰 사이즈가 있나요
- ③ 누가 만들었는지 아세요
- ④ 다시 수선하실 수 있으세요
- ⑤ 할인해 주실 수 있으세요

해설 밑줄 친 부분과 의미상 바꾸어 쓸 수 있는 것은 답지 ⑤이다.

22 출제 의도 취미 관련 표현 이해

[정답] ①

A: 시간이 있을 때 너는 보통 무엇을 해?
B: 나는 보통 연극을 보러 가.

해설 대화의 내용으로 보아 B의 취미는 연극 관람이므로 정답은 답지 ①이다.

23 출제 의도 가족 관련 글 내용 이해

[정답] ④

뚜언의 가족은 할아버지, 부모님 그리고 뚜언 4명이다. 올해 뚜언의 할아버지는 73세이지만 여전히 건강하다. 뚜언의 아버지는 변호사이고, 뚜언의 어머니는 외국인에게 베트남어를 가르친다. 뚜언은 달랏대학교 2학년 학생이다.

- ① 뚜언의 어머니는 변호사이다.
- ② 뚜언의 고향은 달랏이다.
- ③ 뚜언은 누나 한 명이 있다.

④ 뚜언의 할아버지는 올해 73세이다.

⑤ 뚜언의 아버지는 영어를 가르친다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ④이다.

24 **출제 의도** 거리 묻기 관련 표현 이해 [정답] ②

A : 여기에서 VN 은행까지 먼가요?

B : _____.

A : 감사합니다.

〈보기〉

- a. 약 2km (입니다) b. 새 집을 샀어요
c. 그곳에 몇 번 갔어요 d. 버스로 가면 10분 걸려요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 a와 d이므로 정답은 답지 ②이다.

25 **출제 의도** 은행 관련 대화의 흐름 이해 [정답] ⑤

A : 나는 미국 달러를 베트남 돈으로 바꾸고 싶습니다.

_____?

B : 1달러에 26,100동입니다.

_____?

A : 300달러를 바꿔 주세요.

(잠시 후)

B : _____, 확인해 보세요.

A : 네, 맞아요. 감사합니다.

〈보기〉

- a. 손님 돈 여기 있습니다
b. 얼마를 바꾸고 싶으세요
c. 오늘 환율이 얼마인가요

해설 대화의 흐름에 맞는 순서는 'c-b-a'이므로 정답은 답지 ⑤이다.

26 **출제 의도** 아오자이 관련 글 내용 이해 [정답] ④

- 베트남의 전통 옷이다.
○ 몇몇 고등학교의 여학생들이 학교에 갈 때 입는다.
○ 보통 설날, 기념일 등과 같은 특별한 날에 입는다.

해설 글의 내용이 가리키는 것은 베트남의 전통 의상인 아오자이이므로 정답은 답지 ④이다.

27 **출제 의도** 베트남 국경일 관련 글 내용 이해 [정답] ②

베트남의 국경일은 9월 2일로 베트남의 공휴일이다. 이 날은 1945년 9월 2일에 하노이 바딘 광장에서 호찌민 주석이 독립 선언문을 낭독한 날을 기념하는 날이다. 국경일에는 베트남 곳곳에서 기념행사가 열린다.

〈보기〉

- a. 9월 2일이고, 공휴일이다.
b. 1945라는 곳에서 기념행사를 개최한다.
c. 바딘 광장의 날이라고도 부른다.
d. 호찌민 주석이 독립 선언문을 낭독한 날이다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 a와 d이므로 정답은 답지 ②이다.

28 **출제 의도** 지리(호이안) 관련 글 내용 이해 [정답] ⑤

호이안은 베트남 중부 지역의 유명한 관광지이다. 이곳은 17세기에 큰 국제 항구였다. 호이안 구시가지는 1999년 유네스코 세계문화유산으로 선정되었다. 호이안은 많은 국내외 관광객들에게 인기 있는 관광지가 되었다.

- ① 베트남 북부에 위치한다.
② 17세기에 처음 건설되었다.
③ 외국에 많은 선박을 팔고 있다.
④ 1999년에 베트남의 주요 국제 항구였다.
⑤ 구시가지는 유네스코 세계문화유산으로 선정되었다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

29 **출제 의도** 인물(응오꾸옌) 관련 대화 내용 이해 [정답] ④

인호 : 뚜언아, 이곳이 응오꾸옌 거리가 맞지? 응오꾸옌은 무슨 의미야?

뚜언 : 응오꾸옌은 베트남의 민족 영웅 이름이야. 938년 바익당 전투에서 승리하고, 응오꾸옌은 천여 년이 넘는 중국의 지배를 종식시키고 응오 왕조를 건국했어.

인호 : 그럼 베트남 사람들은 그를 매우 자랑스러워하겠네?

뚜언 : 응. 그래서 현재 베트남의 많은 거리와 학교의 이름을 짓기 위해 그의 이름을 사용해.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 b와 d이므로 정답은 답지 ④이다.

30 **출제 의도** 생활 문화(벤타인 시장) 관련 글 내용 이해 [정답] ④

벤타인 시장은 베트남 호찌민시의 큰 시장 중 하나이다. 이곳에서는 과일, 옷 등과 같은 다양한 종류의 상품과 관광객들을 위한 기념품도 판매한다. 이 시장의 먹거리 구역에는 맛있고 유명한 음식들이 많이 있다. 그래서 많은 여행객들은 단지 물건을 사기 위해서 뿐만 아니라 맛있는 음식을 먹어 보기 위해 이곳에 온다.

해설 글의 내용에서 언급된 것은 판매 물품이므로 정답은 답지 ④이다.

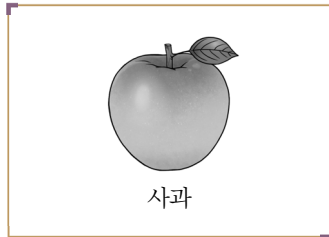
실전 모의고사 10회

【본문 55~60 쪽】

01 ④	02 ③	03 ④	04 ④	05 ④
06 ①	07 ⑤	08 ①	09 ④	10 ②
11 ③	12 ②	13 ②	14 ④	15 ②
16 ②	17 ③	18 ①	19 ③	20 ③
21 ②	22 ⑤	23 ⑤	24 ②	25 ③
26 ①	27 ④	28 ①	29 ⑤	30 ③

01 출제 의도 낱말의 철자 이해

[정답] ④



사과

해설 táo(사과)이므로, □에 들어갈 글자는 답지 ④이다.

02 출제 의도 동일한 발음의 철자 이해

[정답] ③



가수

- ① 수영하다
- ② 고양이
- ③ 안경, 유리, 공경하다
- ④ 신선하다
- ⑤ 푸르다

해설 c와 k는 서로 발음이 동일하다. 따라서 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은 답지 ③이다.

03 출제 의도 낱말의 성조 이해

[정답] ④



강아지

해설 강아지는 ch⁴이므로, □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은 답지 ④이다.

04 출제 의도 어휘 nhắc 이해

[정답] ④

A: 나는 전호우찌라는 이름으로 방을 예약했습니다.
B: 죄송합니다. 이름을 다시 _____ 해 주세요.
A: 내 이름은 전호우찌입니다.

- ① 팔다
- ② 문장, 낱다
- ③ 고치다
- ④ 일러주다
- ⑤ 잇다

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

05 출제 의도 어휘 kéo 이해

[정답] ④

○ 어제 내 오토바이는 _____.
○ 종이로 새를 만들 때, 나는 _____을/를 사용할 필요가 있다.

- ① 따뜻하다
- ② (발로) 차다, 얼음
- ③ 오렌지
- ④ 가위, 잡아당기다
- ⑤ (숫자) 9, 익다

해설 kéo는 '가위', '잡아당기다'의 의미를 가지고 있다. 따라서 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

06 출제 의도 어순 이해

[정답] ①

A: 형은 / 오빠는 이곳에 산 지 오래되었어요?
B: 나는 이곳에서 _____ 살았어.

해설 '~한 지 (해당 기간)이 되었다'의 올바른 어순은 'được + 기간 + rồi'의 형태이다. 주어진 낱말을 순서대로 나열하면 Tôi đã sống được 2 năm rồi.(나는 산 지 2년 되었다.)가 옳다. 따라서 정답은 답지 ①이다.

07 출제 의도 분류사 이해

[정답] ⑤



- ① 장(종이류) ② 그릇
③ 마리(동물) ④ 개(과일류, 둥근 사물)
⑤ 권(서적류)

해설 책(서적)을 가리키는 분류사는 quyển이다. 따라서 정답은 답지 ⑤이다.

08 출제 의도 상관계구 이해

[정답] ①

A : 너는 퍼 먹는 것을 좋아해 아니면 분짜 먹는 것을 좋아해?

B : 나는 퍼 (b) 분짜 (a) 먹는 것을 좋아해.

- | | | | |
|------|-----|--------|-----|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① 모두 | 그리고 | ② ~때문에 | 그래서 |
| ③ 단지 | ~뿐 | ④ 만약 | ~이면 |
| ⑤ 비록 | ~지만 | | |

해설 문맥상 상관계구 'cả + A + và + B'가 사용되어 Minh thích ăn cả phở và bún chả.(나는 퍼 그리고 분짜 모두를 좋아해.)라는 문장이 만들어져야 한다. 따라서 정답은 답지 ①이다.

09 출제 의도 복합 문법 이해

[정답] ④

- a. 비문
b. 이 치마가 맞는지 안 맞는지 물어 봐.
c. 비문
d. 곧 네 생일이어서 란 할머니가 너에게 선물을 보냈어.

해설 a. 'trong + 명사(구)'는 '~하는 동안'의 의미이고, 'trong khi + (주어) + 동사'는 '주어가 동사하는 동안'의 의미를 표현한다. 그러나 명사 앞에 trong khi가 사용되었으므로 그 쓰임이 옳지 않은 비문이다. a는 Em đừng nói chuyện với bạn trong giờ học.(수업 시간에는 친구와 대화하지 마라.)으로 수정해야 옳은 문장이 된다.

b. 상대방에게 어떤 것을 해 보라고 제안하거나 권유하는 '동사 + thử'와 '~인지 아닌지'를 나타내는 'có ~ hay không'의 쓰임이 옳은 문장이다.

c. 'vào + 시간 명사(오후, 어제, 가을 등)'와 동사 앞에 위치하여 목적을 나타내는 'để'가 사용되어야 한다. 그러나 문장에서 để가 아닌 cho가 사용되었으므로 그 쓰임이 옳지 않은 비문이다. b는 Vào mùa đông này, tôi sẽ đến Hà Nội để thăm bạn tôi.(올해 겨울에 나는 친구를 방문하기 위해 하노이에 간다.)으로 수정해야 옳은 문장이 된다.

d. 'sắp ~ rồi'는 '곧 ~이다/한다'의 의미로, 앞으로 일어날 근접 미래에 대해 말할 때 사용한다. 또한 '~에게 보내다'를 표현할 때 사용되는 'gửi + cho'의 쓰임이 옳은 문장이다. 따라서 문장 표현이 옳은 것은 b와 d이므로 정답은 답지 ④이다.

10 출제 의도 인사 관련 표현 이해

[정답] ②

A : 형 / 오빠 안녕히 가세요. _____.
B : 잘 가림.

- ① 천만에요
② 또 만나요
③ 전화를 잘못 걸었어요
④ 형은 / 오빠는 선생님이에요
⑤ 저에게 계산해 주세요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ②이다.

11 출제 의도 계절 관련 표현 이해

[정답] ③

A : _____?
B : 봄. 날씨가 따뜻하고 화창하기 때문이야.

- ① 오늘이 무슨 요일이야
② 내일 너는 어디에 가
③ 너는 어느 계절을 가장 좋아해
④ 너는 새 책상을 샀니
⑤ 너는 무슨 색깔 바지로 가지고 싶어

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

12 출제 의도 가족 관련 글 내용 이해

[정답] ②

히엔의 가족은 아버지, 어머니, 여동생 그리고 히엔 4명이다. 히엔의 가족은 달랏에 살고 있다. 히엔의 아버지는 화가이고 히엔의 어머니는 간호사이다. 히엔 자매는 모두 VN 은행의 직원이다.

해설 글에 언급된 것은 a와 d이므로 정답은 답지 ②이다.

13 출제 의도 시간 관련 대화 내용 이해

[정답] ②

A : 몇 시에 영화가 시작해?
B : 3시에 영화가 시작해.
A : 그럼 15분이 남았네.

해설 영화가 3시에 시작하고, 아직 15분이 남았으므로 현재 시각은 2시 45분이다. 따라서 정답은 답지 ②이다.

14 출제 의도 제안 및 거절 관련 표현 이해

[정답] ④

A : 마이야, 오늘 오후에 나와 함께 도서관에 갈 수 있어?
B : 미안해. _____.
A : 괜찮아.

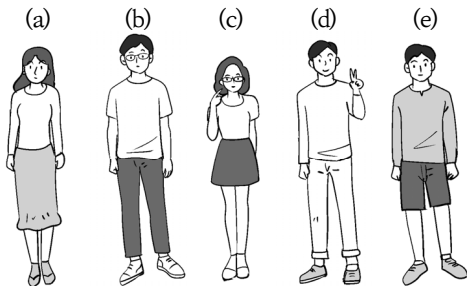
- ① 내 집은 멀지 않아
- ② 이 노래는 매우 좋아
- ③ 새해를 축하해(새해 복 많이 받아)
- ④ 나는 다른 약속이 이미 있어
- ⑤ 내가 나중에 책을 살게

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ④이다.

15 **출제 의도** 묘사 표현 이해

[정답] ②

A: 이 사진에서 네 남동생이 누구야?
B: 반팔 옷을 입고 안경을 낀 사람이야.
A: 아, 알겠어. 너랑 닮았네.



해설 반팔 옷을 입고 안경을 낀 남성은 (b)이므로 정답은 답지 ②이다.

16 **출제 의도** 음식 관련 표현 이해

[정답] ②

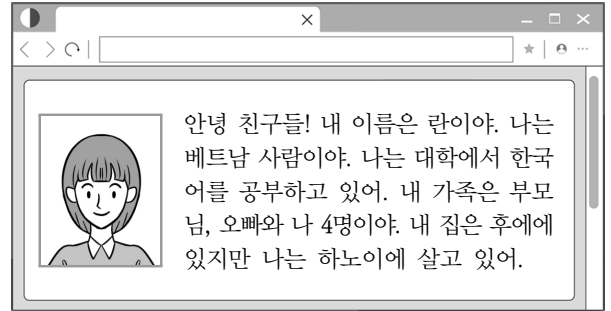


- ① 누구와 공부하세요
- ② 무슨 음식을 주문하시겠어요
- ③ 책을 샀나요
- ④ 어느 나라 사람이세요
- ⑤ 몇 년 생이세요

해설 밑줄 친 부분과 의미상 바꾸어 쓸 수 있는 것은 답지 ②이다.

17 **출제 의도** 개인 정보 관련 글 내용 이해

[정답] ③



- ① 란은 무엇을 공부하고 있습니까?
- ② 란은 어디에서 살고 있습니까?
- ③ 란은 누구와 살고 있습니까?
- ④ 란은 어느 나라 사람입니까?
- ⑤ 란의 가족은 몇 명입니까?

해설 글의 내용에서 대답을 찾을 수 없는 질문은 답지 ③이다.

18 **출제 의도** 사과 관련 표현 이해

[정답] ①



- ① 미안해
- ② 고마워
- ③ 나는 건강해
- ④ 나는 만났어
- ⑤ 나는 매우 기뻐

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ①이다.

19 **출제 의도** 전화 관련 표현 이해

[정답] ③

A: 여보세요. 그곳이 ABC 외국어학원이 맞나요?
B: 아니요, _____. 여기는 ABC 슈퍼입니다.
A: 그래요? 죄송합니다.

- ① 걸어서 그곳에 갈 수 있어요
- ② 내일 아침 표는 매진되었어요
- ③ 전화를 잘못 걸었어요
- ④ 나는 몇 번 전화를 했어요
- ⑤ 나는 외국어를 공부하지 않아요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

20 **출제 의도** 진료 관련 표현 이해

[정답] ③

A: 너 어디가 안 좋니?
B: 나는 약간 어지럽고 매스꺼워.
A: 진찰받으러 가 봐.
B: 응, 나는 _____.

- ① 커피를 마시러 가
- ② 변호사가 된 거야
- ③ 의사 선생님을 만나러 가려고 해
- ④ VN 병원에서 일을 해
- ⑤ 영-배 사건을 살 필요가 있어

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

21 **출제 의도** 쇼핑 관련 표현 이해

[정답] ②

A: 여기에서 셔츠를 샀는데 이 옷이 _____.
B: 교환을 원하니? 아니면 환불을 원하니?
A: 네, 교환을 원합니다.

〈보기〉

- a. 약간 커요 b. 색이 매우 예뻐요
- c. 별로 비싸지 않아요 d. 저에게 안 맞아요

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 a와 d이므로 정답은 답지 ②이다.

22 **출제 의도** 여행 관련 대화 내용 이해

[정답] ⑤

A: 너는 다낭에 가 본 적이 있어?
B: 응, 작년 말에 나는 한 번 가 봤어.
A: 너는 무엇을 타고 갔어?
B: 나는 비행기를 타고 약 1시간 걸려서 갔어.

- ① A와 B는 곧 다낭에 갈 것이다.
- ② B는 다낭을 가 본 적이 없다.
- ③ A는 다낭에 몇 번 갔었다.
- ④ A와 B는 기차를 타고 다낭에 간다.
- ⑤ 다낭은 비행기로 약 1시간 걸린다.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ⑤이다.

23 **출제 의도** 우체국 관련 대화의 흐름 이해

[정답] ⑤

A: 안녕하세요. _____.
B: 안녕하세요. _____?
A: 아오자이 1벌과 책 몇 권이 있어요.
B: _____?
A: 없어요.

〈보기〉

- a. 무엇이 더 있나요
- b. 소포 안에 어떤 물건들이 있나요
- c. 이 소포를 한국으로 보내 주세요

해설 대화의 흐름에 맞는 순서는 'c-b-a'이므로 정답은 답지 ⑤이다.

24 **출제 의도** 학습 관련 표현 이해

[정답] ②

A: 오늘 _____ 시험 보니?
B: 네, 저는 지리와 역사 두 과목을 시험 봐요.

〈보기〉

- a. 몇 과목을 b. 몇 시에
- c. 무슨 과목들을 d. 어떤 방법으로

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 a와 c이므로 정답은 답지 ②이다.

25 **출제 의도** 취미 관련 표현 이해

[정답] ③

A: _____?
B: 내 취미는 독서야. 그런데 너는?
A: 나는 음악 감상을 좋아해.

- ① 너는 누구와 밥을 먹니
- ② 네 아버지의 성함은 무엇이야
- ③ 네 취미는 무엇이야
- ④ 어떤 장르의 음악을 좋아해
- ⑤ 너는 오토바이를 사니

해설 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은 답지 ③이다.

26 **출제 의도** 생활 문화(퍼) 관련 글 내용 이해

[정답] ①

- 이것은 베트남의 대표적인 음식이다.
- 이 음식의 (국수) 가락은 쌀로 만들어진다.
- 이 음식에는 육수, 소고기 또는 닭고기가 있다.

해설 글의 내용이 가리키는 것은 답지 ①이다.

27 **출제 의도** 생활 문화(12지) 관련 글 내용 이해

[정답] ④

나이에 대해서 묻거나 답할 때 베트남 사람 또한 한국 인처럼 12지를 사용할 수 있다. 그러나 한국과 달리 베트남의 12지에는 소띠, 토끼띠와 양띠가 없다. 베트남 사람은 소띠를 물소띠로, 토끼띠를 고양이띠로 그리고 양띠를 염소띠로 부른다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 b와 d이므로 정답은 답지 ④이다.

28 **출제 의도** 예술 문화(일주사) 관련 글 내용 이해 **[정답] ①**

연화대라고 불리기도 하는 일주사는 하노이 중심에 위치한다. 1049년에 리타이퐁에 의해 처음 건설되었으나 그 후에 여러 차례 보수되었다. 사원은 호수 가운데 위치한 한 개의 기둥 위에 놓여 있으며, 하나의 연꽃송이 처럼 보인다.

해설 글의 내용에서 언급된 것은 건축 연도이므로 정답은 답지 ①이다.

29 **출제 의도** 지리(달랏) 관련 글 내용 이해 **[정답] ⑤**

달랏은 호찌민시에서 약 300km 떨어져 있다. 19세기 말, 이곳은 인도차이나에 사는 프랑스인을 위한 휴양지로 선정되었다. 현재 관광객은 보통 달랏 기차역, 쑤언호영호수, 랑비안산 등을 방문하기 위해 이곳에 온다. 달랏은 많은 국내외 여행객이 주로 찾는 관광지이다.

〈보기〉

- a. 달랏은 쑤언호영이라는 이름도 있다.
- b. 많은 관광객은 배를 타고 달랏에 온다.
- c. 달랏은 호찌민시에서 약 300km 떨어져 있다.
- d. 이곳은 19세기 말 프랑스인을 위한 휴양지로 선정되었다.

해설 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은 c와 d이므로 정답은 답지 ⑤이다.

30 **출제 의도** 인물(응우옌짜이) 관련 대화 내용 이해 **[정답] ③**

수미: 린아, 네 학교가 응우옌짜이 학교 맞지? 응우옌짜이가 무슨 의미야?
 린 : 응우옌짜이는 베트남의 민족 영웅 이름이야. 그는 후에 왕조를 세우는 데 많은 기여를 했어.
 수미: 그래? 그에 대한 정보를 더 알려 줘래.
 린 : 응우옌짜이는 평오대고, 국음시집 등과 같은 작품으로도 유명해. 1980년에 그는 유네스코 세계문화인물에 선정되었어.

- ① 허우레라고 부르기도 한다.
- ② 자신의 이름을 딴 학교들을 지었다.
- ③ 세계문화인물로 선정되었다.
- ④ 역사책 집필에 큰 기여를 했다.
- ⑤ 평오대고라는 마지막 단편을 남겼다.

해설 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은 답지 ③이다.